

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**BÙI XUÂN HÓA**

**ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨ THƯ (TỈNH THÁI BÌNH) LÃNH ĐẠO  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP  
TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2010**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LỊCH SỬ**

**Hà Nội - 2015**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**BÙI XUÂN HÓA**

**ĐẢNG BỘ HUYỆN VŨ THU (TỈNH THÁI BÌNH) LÃNH ĐẠO  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP  
TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2010**

Chuyên ngành : Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số : 60 22 03 15

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LỊCH SỬ**

*Người hướng dẫn khoa học:* **PGS.TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC**

**Hà Nội - 2015**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc.

Các số liệu, tài liệu sử dụng trong luận văn đều trung thực, đảm bảo tính khách quan, khoa học và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2015*

Tác giả luận văn

***Bùi Xuân Hóa***

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
HTX	: Hợp tác xã
KH - KT	: Khoa học và kỹ thuật
KT - XH	: Kinh tế và xã hội
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
VAC	: Vườn ao chuồng

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	3
<b>Chương 1: ĐẢNG BỘ HUYỆN VŨ THƯ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2000</b> .....	8
1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kinh tế nông nghiệp của huyện Vũ Thư và thực trạng kinh tế nông nghiệp huyện trước năm 1996 .....	8
1.1.1. Đặc điểm tự nhiên và KT - XH .....	8
1.1.2. Tình hình kinh tế nông nghiệp huyện Vũ Thư trước năm 1996 và những yêu cầu đặt ra .....	10
1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương của Đảng bộ huyện Vũ Thư về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996-2000) .....	18
1.2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn .....	18
1.2.2. Chủ trương của Đảng bộ huyện về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn .....	23
1.2.3. Quá trình chỉ đạo thực hiện và kết quả.....	28
<b>Tiểu kết chương 1:</b> .....	50
<b>Chương 2: ĐẢNG BỘ HUYỆN VŨ THƯ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2010</b> .....	51
2.1. Kinh tế nông nghiệp ở huyện Vũ Thư giai đoạn 2001-2005 .....	51
2.1.1. Quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế nông nghiệp .....	51
2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp toàn diện .....	55
2.1.3. Quá trình chỉ đạo thực hiện và kết quả .....	62
2.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2006 đến năm 2010.....	73
2.2.1. Quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn .....	73

2.2.2. Chủ trương của Đảng bộ huyện về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp .....	81
2.2.3. Quá trình Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn .....	87
<b>Tiểu kết chương 2:</b> .....	99
<b>Chương 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHỦ YẾU</b> .....	100
3.1. Nhận xét chung .....	100
3.2. Một số kinh nghiệm chủ yếu .....	112
<b>Tiểu kết chương 3:</b> .....	120
<b>KẾT LUẬN</b> .....	120
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	124
<b>PHỤ LỤC</b> .....	132

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử phát triển sản xuất của xã hội khẳng định nông nghiệp từ lâu đã được coi là một trong hai ngành sản xuất chủ yếu của xã hội, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nước ta. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết sức coi trọng vấn đề này, coi đó là một trong những mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn chú trọng phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện - Đảng và Nhà nước đã dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để tìm tòi cơ chế phát triển kinh tế nông nghiệp thích hợp. Trải qua quá trình hoàn thiện và đổi mới từng bước, nền nông nghiệp Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng.

Vũ Thư là một huyện nằm ở cửa ngõ phía tây nam của tỉnh Thái Bình, là điểm sáng của vùng đồng bằng sông Hồng có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp. Trải qua các cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc, Vũ Thư đã có những đóng góp không nhỏ với vai trò là hậu phương của mình, cùng với nhân dân Thái Bình là quê hương 5 tấn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trong thời kỳ mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp Vũ Thư tiếp tục khẳng định vị trí của mình, từng bước nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, là một trong những vùng trọng điểm nông nghiệp của tỉnh Thái Bình.

Tìm hiểu quá trình Đảng bộ huyện Vũ Thư lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện trong những năm 1996-2010 là một việc làm rất quan trọng và cần thiết. Nó góp phần làm rõ những biến đổi trong nông nghiệp, nông thôn của huyện trong quá trình thực hiện đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của Đảng. Những thành tựu mà nông nghiệp, nông thôn huyện Vũ Thư đạt được trong giai đoạn này là không nhỏ, song quá trình đó cũng có những mặt hạn chế nhất định.

Với những lý do trên tôi chọn đề tài: **“Đảng bộ huyện Vũ Thư (tỉnh Thái Bình) lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2010”** làm Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của mình.

## **2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Vấn đề kinh tế nông nghiệp là một trong những vấn đề lớn thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học. Đã có rất nhiều công trình khoa học như các đề tài, sách chuyên khảo nghiên cứu về vấn đề này. Có thể chia ra làm 2 nhóm công trình như sau:

**Nhóm thứ nhất:** Các công trình khoa học chung đề cập đến nội dung của kinh tế nông nghiệp như: Trần Ngọc Bút (2002), *Chính sách nông nghiệp nông thôn Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX và một số định hướng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Văn Bích (1994), *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, thành tựu, vấn đề và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội. Phan Diễn (2000), “Tạo bước chuyển biến nông nghiệp hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”, *Tạp chí Cộng sản* (28), tr. 3-5. Nguyễn Tấn Dũng (2005), “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thành tựu và giải pháp”, *Báo Nhân dân* (29), tr. 5-8. Nguyễn Xuân Dũng (2002), *Một số định hướng đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Đặng Đức Đạm (1997), *Đổi mới kinh tế Việt Nam - thực trạng và triển vọng*, Nxb Tài chính, Hà Nội. Bùi Huy Đáp (1998), *Nông nghiệp Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Lê Mạnh Hùng (1998), *Thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội. Nguyễn Văn Khánh (2001), *Biến đổi cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Chử Văn Lâm (1992), *Hợp tác hóa nông nghiệp Việt Nam, lịch sử vấn đề - triển vọng*, Nxb Sự Thật, Hà Nội. Lê Huy Ngọ (2002), *Con đường CNH, HĐH*



nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Vũ Oanh (1998), *Nông nghiệp và nông thôn trên con đường CNH, HĐH và hợp tác hóa, dân chủ hóa*, Nxb Thống kê, Hà Nội. Lê Quang Phi (2007), *Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Trần Quế (2004), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Đặng Kim Sơn (2006), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Minh Tú (2002), *Việt Nam trên chặng đường đổi mới và phát triển kinh tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trần Đình Thiên (2002), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam - phác thảo lộ trình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trương Thị Tiên (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. Nguyễn Hữu Tiên (2008), *Phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. Hồng Vinh (1998), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**Nhóm thứ hai:** Các công trình khoa học liên quan trực tiếp đến quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện Vũ Thư như: “*Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư 1929-1975*” (2005), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. “*Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư 1975-2005*” (2007), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. “*Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư 1929-1945*” (1999), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. “*Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư 1945-1954*” (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Vũ Thư 1996-2005*” (2006), Nxb Thái Bình. “*Phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vũ Thư 1996-2010*” (1996), Nxb Thái Bình. Đào Trọng Độ (2007), *Đảng bộ Thái Bình lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (1986-2000)*, Luận văn thạc sĩ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội... và một số cuốn sách Lịch sử Đảng bộ các xã của huyện Vũ Thư.

Nhìn chung, các nhóm công trình trên là rất cần thiết đối với việc thực hiện đề tài, tác giả có kế thừa được nhiều nội dung quan trọng. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đề cập đến nội dung của đề tài. Do đó, tôi muốn cụ thể hóa vấn đề này bằng luận văn của mình với mong muốn làm rõ hơn tình hình nông nghiệp của huyện từ khi thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của Đảng.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Luận văn làm rõ chủ trương, biện pháp tiến hành trong phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư; đánh giá những thành tựu, hạn chế, và kinh nghiệm chủ yếu của quá trình Đảng bộ lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2010.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Hệ thống hóa quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn 1996-2010.

- Làm rõ chủ trương của Đảng bộ huyện Vũ Thư về phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1996-2010.

- Trình bày sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện Vũ Thư về phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Đánh giá những thành tựu, hạn chế của quá trình Đảng bộ huyện Vũ Thư lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, từ đó làm rõ một số kinh nghiệm chủ yếu.

### **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Nghiên cứu những chủ trương, biện pháp của Đảng bộ huyện Vũ Thư nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2010.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Nội dung: Chủ trương và chỉ đạo của Đảng bộ huyện Vũ Thư về phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Thời gian: Từ năm 1996 đến năm 2010.

- Không gian: Huyện Vũ Thư.

## **5. Nguồn sử liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Nguồn sử liệu**

- Các văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm 1996-2010.

- Các sách chuyên khảo của các tác giả về kinh tế nông nghiệp trong những năm 1996-2010.

- Các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo về phát triển kinh tế nông nghiệp, trong những năm 1996-2010, được lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vũ Thư, Ủy ban kiểm tra, Phòng nông nghiệp, Chi cục thống kê Vũ Thư về vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm 1996-2010. Đây là nguồn sử liệu quan trọng nhất giúp tôi hoàn thành luận văn này.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp chung của các ngành khoa học xã hội: Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- Các phương pháp của ngành khoa học lịch sử: Phương pháp logic, phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp quy nạp và diễn dịch.

Trong đó, quan trọng nhất là phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

## **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn được chia thành 3 chương có kết cấu chặt chẽ:

*Chương 1: Đảng bộ huyện Vũ Thư lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2000.*

*Chương 2: Đảng bộ huyện Vũ Thư lãnh đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2010.*

*Chương 3: Nhận xét và một số kinh nghiệm chủ yếu.*

## Chương 1

# ĐẢNG BỘ HUYỆN VŨ THUR LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2000

### 1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kinh tế nông nghiệp của huyện Vũ Thur và thực trạng kinh tế nông nghiệp huyện trước năm 1996

#### 1.1.1. Đặc điểm tự nhiên và KT - XH

Vũ Thur là một huyện nằm ở phía tây nam của tỉnh Thái Bình, được thành lập ngày 17-6-1969 theo Quyết định số 93/CP của Chính phủ, trên cơ sở sáp nhập 28 xã của huyện Thur Trì và 14 xã của huyện Vũ Tiên. Với vị trí nằm ở cửa ngõ của tỉnh, một phía giáp huyện Kiến Xương, ba phía còn lại được bao bọc bởi sông Hồng và sông Trà Lý với hơn 70 km đê. Không chỉ có giao thông đường thủy thuận lợi, Vũ Thur còn có quốc lộ 10 chạy qua, là điều kiện thuận lợi cho việc tiếp xúc, giao lưu với nhiều địa bàn rộng lớn, nhất là hai trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - Thành phố Thái Bình và Thành phố Nam Định.

Vũ Thur có diện tích rộng 195 km<sup>2</sup>, là một trong số rất ít huyện ở miền Bắc không có đồi núi, địa hình chung tương đối bằng phẳng nhưng tiểu địa hình phức tạp cao thấp xen kẽ nhau, hầu hết đều theo nếp sóng và lòng chảo cục bộ. Cao trình mặt ruộng sản xuất so với mặt biển cao nhất là 3 m; trung bình 1,5 m; thấp nhất 0,4 m; ảnh hưởng không ít đến úng trong mưa, hạn cục bộ vụ đông xuân và địa bàn cơ giới hóa khô làm đất.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu mang tính đặc trưng của vùng là nóng ẩm với nhiệt độ trung bình trong năm là 23-24<sup>0</sup>C. Lượng mưa trung bình 1.500-1.900 mm, độ ẩm lớn 85-90% được phân làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa ít và mùa mưa (gần trùng với mùa lạnh và mùa nóng). Do nằm ở vị trí gần biển lại không có đồi núi nên khí hậu của huyện có sắc thái riêng hơi khác với đặc điểm chung của toàn vùng, khí hậu tương đối điều hòa ít phân theo lãnh thổ, các yếu tố bất thuận với nông nghiệp, đây là điều kiện thuận lợi cho thâm canh tăng vụ và gieo trồng quanh năm. Là huyện hầu hết được bao bọc bởi các con sông lớn

cộng với khí hậu nóng ẩm, lượng mưa nhiều nên Vũ Thư có nguồn nước tưới dồi dào, chất lượng nước có tác dụng tốt cho thâm canh cải tạo đất, khả năng tưới tiêu tự chảy trên diện rộng.

Về đất nông nghiệp, màu mỡ phì nhiêu, có điều kiện và khả năng tạo nền thâm canh để đạt năng suất cây trồng cao và ổn định. Đất làm nông nghiệp được phân bố ở các ven sông nên được bồi hàng năm, đây là thế mạnh cơ bản trong việc phát triển nông nghiệp của huyện. Đất phù sa mới của hệ thống sông Hồng chiếm 95,5% diện tích đất canh tác, hàm lượng mùn đậm, lân tổng số từ trung bình đến giàu chiếm 55%, độ chua từ trung bình đến ít chua chiếm 63%, đất hạng 1 (rất tốt) và đất hạng 2 (tốt) chiếm 61%; đất hạng 3 (trung bình) chiếm 28%, đất hạng 4 (xấu) chiếm 11% so với tổng diện tích đất canh tác. Đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đất đai chủ yếu được bồi tụ do phù sa bởi 2 hệ thống sông Hồng và sông Trà Lý, tỷ lệ đất phèn và đất cát ít chỉ chiếm 6% nên không ảnh hưởng nhiều đến sản xuất.

Dân cư đông đúc, với trên 223.000 người, nguồn nhân lực dồi dào, cần cù, chịu khó, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất thâm canh và ngành nghề truyền thống - đây là điều kiện cơ bản, là nguồn vốn to lớn trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh những thuận lợi căn bản trên, việc phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện cũng gặp phải những khó khăn, phức tạp nhất định. Vì có nhiều sông lớn bao bọc, thời tiết thay đổi, mưa bão xảy ra thường xuyên gây ngập úng nghiêm trọng ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng thóc cả năm.

Sông ngòi tuy nhiều, nhưng quanh co, khúc khuỷu và bị bồi lắng. Mặt khác, việc tiêu nước, tưới nước chịu ảnh hưởng của nước thủy triều lên, xuống từng mùa. Lượng mưa giữa các mùa trong năm chênh lệch nhau khá lớn. Trong một năm, thời kỳ mưa ít từ tháng 11 đến tháng 4 với lượng mưa trung bình chỉ chiếm từ 1/5 đến 1/6 cả năm; tháng 7, 8, 9 thường mưa lớn, có những trận mưa chỉ trong một vài ngày tới 300 - 400 mm. Thời gian mưa nhiều và có lượng mưa lớn

lại là thời gian nước thượng nguồn to đổ về, hoặc gặp bão, nước biển dâng cao, gây khó khăn cho việc tiêu nước. Sâu bệnh thường phát sinh, phát triển quanh năm, phá hoại mùa màng.

Do đất chật, người đông nên không có bãi chăn nuôi trâu bò sinh sản, sức kéo quá thiếu, chăn nuôi gia súc, gia cầm khó phát triển.

Đảng bộ và nhân dân huyện Vũ Thư nhận thức rõ những đặc điểm của huyện mình, chủ động tìm ra những giải pháp nhằm tận dụng lợi thế để phát triển KT - XH nói chung và phát triển kinh tế nông nghiệp nói riêng.

### ***1.1.2. Tình hình kinh tế nông nghiệp huyện Vũ Thư trước năm 1996 và những yêu cầu đặt ra***

Từ năm 1986 đến năm 1990, trải qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới theo tinh thần Nghị quyết của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Vũ Thư cũng như khắp mọi miền cả nước bước đầu đạt được những thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội vô cùng quan trọng. Tuy vậy, đất nước ta vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Rất nhiều vấn đề đặt ra cần được giải quyết như: lao động không có việc làm, không ít cơ sở sản xuất kinh doanh còn đình đốn, thua lỗ, lạm phát đã giảm nhưng còn ở mức cao, đời sống một bộ phận nhân dân nhất là những người hưởng lương, hưởng trợ cấp xã hội còn gặp nhiều khó khăn... Trong khi đó tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là sau khi Liên Xô sụp đổ. Các thế lực thù địch, cơ hội lợi dụng đưa ra nhiều chính sách mang tính chất mị dân, đòi đa nguyên chính trị, âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và những thành tựu cách mạng của đất nước. Đáp ứng yêu cầu mới của lịch sử đặt ra, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991 tại Ba Đình, Hà Nội.

Đại hội VII của Đảng có nhiệm vụ trọng đại không chỉ tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện đường lối đổi mới từ Đại hội VI mà còn thông qua cương lĩnh vạch ra hệ thống những quan điểm và phương

hướng cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thông qua chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 22-5-1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI), Thông tri số 01 ngày 16-7-1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Kế hoạch của Tỉnh ủy Thái Bình, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Vũ Thư khóa X được diễn ra vào ngày 27-3-1991.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Đại hội chỉ rõ: Kể từ khi thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị, đã có bước phát triển tương đối khá ở cả trồng trọt và chăn nuôi. Người dân Vũ Thư từ chỗ thiếu ăn nay đã đủ ăn và không ít người có lương thực dự trữ. Nhưng bên cạnh đó, trong “Khoản 10” cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, trong đó nổi lên hết sức nóng bỏng, gay gắt là vấn đề đất đai. Chính vì vậy mà sau khi Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 292 về đo đạc, hoàn thiện hồ sơ hành chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND tỉnh Thái Bình đã có quyết định số 16-QĐ/UB quy định về cấp và sử dụng đất vào việc xây dựng cơ bản và làm nhà ở của nhân dân. Về phương hướng cơ bản của sản xuất nông nghiệp trong những năm 1991-1995, Đại hội thống nhất:

“Tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, chú ý phát triển nông nghiệp toàn diện và chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Kết hợp chặt chẽ việc phát triển nông nghiệp với việc giải quyết đồng bộ về vấn đề nông dân và nông thôn” [9, tr. 3].

Hướng trọng tâm là sản xuất lương thực, chú ý tăng cả sản lượng thóc và sản lượng màu bằng biện pháp thâm canh, luân canh mở rộng diện tích. Tập trung khai thác thế mạnh về năng suất vụ xuân, nâng dần năng suất lúa mùa, phân đầu năng suất cả năm ổn định ở mức 86-90 tạ/ha.

Tiếp tục mở rộng diện tích vụ đông lên từ 40-50% diện tích canh tác. Tăng diện tích màu lương thực như ngô, khoai lang, khoai tây, chú trọng thâm canh 3

vụ ngô trong năm, mở rộng thêm diện tích ngô đông trên diện tích hai lúa, phần đầu đến năm 1995 đạt sản lượng 15-17 ngàn tấn màu quy thóc, coi trọng nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế của từng loại cây vụ đông để có hướng bố trí và khoanh vùng chuyên hướng nếu thấy hiệu quả hơn.

Cây công nghiệp ổn định khoảng 2.600-2.700 ha, tùy theo hiệu quả trong từng thời kỳ để bố trí loại cây cho phù hợp. Cần phát triển diện tích dâu, phát triển nghề nuôi tằm để có sản lượng kén từ 600-650 tấn/năm.

Đẩy mạnh nuôi lợn, trâu bò, gia cầm và cá. Tập trung giải quyết có hiệu quả vấn đề con giống, thú y và thị trường tiêu thụ.

Cũng giống như nhiều địa phương khác trong tỉnh, nông nghiệp của Vũ Thư luôn chịu tác động nặng nề bởi yếu tố thời tiết. Vụ lúa chiêm xuân năm 1991 đã bị ảnh hưởng lớn. Vào vụ này, thời tiết bất thường hoàn toàn không thuận lợi cho cây lúa nên năng suất bình quân toàn huyện chỉ đạt 22,2 tạ/ha - mức thấp nhất trên 20 năm trở lại đây. Song, đến vụ mùa thời tiết khá thuận lợi với quyết tâm “lấy mùa bù chiêm” của Đảng bộ và nhân dân nên năng suất thu hoạch tương đối khá, đạt 50,8 tạ/ha. Do đó, tổng diện tích lúa cả năm gần 17.500 ha đã cho tổng sản lượng 64.139 tấn, thấp hơn năm 1990 là 9.515 tấn. Bình quân lương thực đầu người trong năm chỉ đạt 325 kg [9, tr. 4].

Nguyên nhân dẫn đến sản xuất nông nghiệp năm 1991 năng suất lúa giảm ngoài lý do khách quan về thời tiết không thuận lợi, còn nhiều yếu tố chủ quan khác. Đó là việc điều hành sản xuất, nhất là khâu giống, bảo vệ thực vật, dịch vụ vật tư, thời vụ sản xuất còn nhiều biểu hiện lúng túng, không kịp thời, có nơi còn khoán trắng cho xã viên. Thêm vào đó là công tác quản lý đất đai, quản lý vốn, quỹ còn lỏng lẻo. Đặc biệt việc tiếp thu giống mới cùng với việc bố trí giống cây trồng, có nơi chưa phù hợp. Bước sang năm 1992 sản xuất nông nghiệp ở Vũ Thư đã có những bước phát triển mới và giành thắng lợi khá toàn diện. Điểm mới nhất trong năm này, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn huyện đã mạnh dạn làm thí điểm cây mạ non theo quy trình kỹ thuật Nhật Bản đạt kết quả



cao. Các loại lúa thuần, lúa lai Trung Quốc được đưa vào cấy trên diện tích rộng cho năng suất khá cao.

Tổng diện tích gieo trồng năm 1992 đạt 28.262 ha, bằng 100,7% so với kế hoạch, tăng hơn so với năm 1991 là 662 ha. Hệ số sử dụng đất là 2,47 lần, tăng 0,07% so với năm 1991. Mức bình quân lương thực đầu người trong năm nâng lên tới 467 kg, tăng hơn so với năm 1991 là 142 kg/người.

Cây công nghiệp nhìn chung vẫn ổn định và đảm bảo được kế hoạch, tuy giá đay bẹ vẫn tiếp tục giảm.

Năm 1993, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân trong huyện đã cùng nhau thực hiện Quyết định số 652 của UBND tỉnh Thái Bình về giao ruộng đất cho nông dân ổn định trong 20 năm (1993-2003). Sản xuất nông nghiệp tiếp tục có chuyển biến tích cực và đạt kết quả tốt về các mặt. Tổng diện tích gieo trồng đạt 28.474 ha, tăng 212 ha, riêng diện tích lúa tăng 376 ha so với năm 1992. Hệ số sử dụng đất 2,48 lần, tăng 0,01 lần so với năm 1992. Tổng giá trị toàn ngành đạt trên 85 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 1992. Không chỉ có diện tích lúa tăng mà năng suất lúa năm 1993 là năm đầu tiên toàn huyện vượt ngưỡng 10 tấn/ha, đạt tới 112,76 tạ/ha, tăng hơn 16,42 tạ/ha so với năm 1992. Trong đó vụ xuân: 56,75 tạ/ha, vụ mùa 56,01 tạ/ha [9, tr. 6].

Tổng sản lượng thóc đạt 101.221 tấn; tổng sản lượng lương thực 115.380 tấn, tăng 14.500 tấn so với năm 1992. Bình quân lương thực đầu người trong năm lên tới 521 kg, tăng 54 kg so với năm 1992. Đây là năm được mùa lớn nhất kể từ sau khi hòa bình thống nhất đất nước. Cùng với diện tích lúa, diện tích cây công nghiệp cũng tăng 112 ha. Riêng cây đậu tương tăng nhanh, chiếm tới 700 ha, tăng trên 300 ha so với năm 1992.

Nguyên nhân dẫn tới thắng lợi của ngành trồng trọt trong 2 năm 1992 và 1993, ngoài yếu tố thời tiết khá thuận là sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất của các cấp ủy, chính quyền. Đặc biệt nhất là toàn huyện đã mạnh dạn tiếp thu những tiến bộ KH - KT về giống và chăm sóc cây con.

Thắng lợi trên đã kích thích, tạo đà cho sản xuất nông nghiệp vào những năm tiếp theo có điều kiện tiếp tục đi lên. Đến năm 1995, lại là một năm tiếp theo sản xuất nông nghiệp giành thắng lợi toàn diện. Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện đạt 29.157 ha, tăng 2% so với năm 1994. Diện tích lúa cả năm 18.104 ha, đạt 100% kế hoạch đề ra. Diện tích cây màu vụ đông đạt 4.856 ha, tăng 4% so với năm 1994, chiếm tới 44,2% diện tích canh tác. Năng suất lúa bình quân cả năm đạt 116,92 tạ/ha, trong đó vụ xuân: 64,66 tạ/ha; vụ mùa 52,26 tạ/ha. Đây là năm có năng suất lúa cao nhất trong vòng 5 năm qua. Nhiều HTX có truyền thống thâm canh vẫn tiếp tục đạt năng suất cao (trên 12 tấn/ha), như: Tân Phong, Vũ Đoài, Vũ Hội, Tân Hòa...

Tổng sản lượng thóc đạt 105.784 tấn, tăng 22% so với năm 1994, tăng 5% so với kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực đạt 121.189 tấn, bằng 103% kế hoạch, tăng 21.000 tấn so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ X đã đề ra, tăng 19% so với năm 1994. Bình quân lương thực đầu người trong năm đạt 538 kg, tăng 17% so với năm 1994 và tăng 2% so với kế hoạch đề ra [9, tr. 8].

Sở dĩ năng suất lúa năm 1995 tiếp tục tăng có một nguyên nhân quan trọng là sự chuyển đổi cơ cấu giống lúa và cơ cấu mùa vụ rất kiên quyết, kịp thời, đúng đắn. Nhiều giống lúa có năng suất cao như Q5, tạp giao, lưỡng quảng, CR203... được đưa vào đồng ruộng với diện tích lớn ở khắp các xã. Các dịch vụ HTX nông nghiệp nhìn chung hoạt động tốt, nhất là khâu bảo vệ thực vật đã phòng và trừ sâu bệnh có hiệu quả. Kinh tế vườn nói riêng và phát triển kinh tế theo mô hình VAC nói chung tiếp tục có những chuyển biến. Từ năm 1991 đến năm 1995 toàn huyện đã cải tạo được trên 5.000 mảnh vườn tạp chuyển sang trồng những cây có giá trị kinh tế cao. Nhờ nhiều cây con có giá trị kinh tế cao được đưa vào sản xuất nên giá trị bình quân mỗi ha canh tác ở nhiều xã đã nâng lên trên 20 triệu đồng. Có xã đạt từ 25-30 triệu đồng như: Bách Thuận, Hồng Phong, Vũ Tiến...

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, song song với trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng có bước phát triển mới. Tổng đàn lợn mỗi năm thường ở mức từ 52.000 con đến 58.000 con. Tổng đàn trâu bò ở mức từ 7.000 con đến 7.800 con. Đàn gia cầm mỗi năm đều tăng, thường giữ ở mức từ 310.000 con đến 360.000 con. Bên cạnh đó, sản lượng cá cũng không ngừng tăng lên. Trong 5 năm, từ năm 1991 đến năm 1995, chỉ có năm 1993 ngành chăn nuôi phát triển nhanh và mạnh nhất. Tổng đàn bò có 7.883 con, tăng hơn năm 1992 là 559 con. Tổng đàn lợn có 58.740 con, tăng 3.319 con so với năm 1992. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 1993 đạt 4.380 tấn, tăng 557 tấn so với năm 1990, vượt 380 tấn so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X đề ra, tăng xấp xỉ 9% so với năm 1992. Sản lượng cá đạt 647 tấn, tăng 127 tấn so với năm 1992. Chăn nuôi trong năm 1993 là năm đầu tiên đưa giá trị của ngành lên chiếm 35,3% tỷ trọng giá trị sản lượng nông nghiệp, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Nhiều cơ sở chăn nuôi và hộ gia đình đã đẩy mạnh chăn nuôi những con mang lại giá trị kinh tế cao như: bò lấy sữa, bò lai Sind, gà công nghiệp, vịt siêu trứng, ba ba, lươn, ếch, cá, trê lai... đạt kết quả khá cao, chăn nuôi đã trở thành ngành sản xuất chính và tương xứng với trồng trọt [9, tr. 9].

Góp phần dẫn đến chăn nuôi có bước phát triển đó, ngoài lượng thức ăn có phần dồi dào hơn trước là hệ thống những mạng lưới thú y được củng cố từ huyện đến cơ sở. Việc tổ chức phòng và chống dịch bệnh được chú ý và có hiệu quả. Thị trường giải quyết đầu ra cho chăn nuôi không ngừng được mở rộng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, mặt trận nông nghiệp đã giành được thắng lợi to lớn, toàn diện cả ở trồng trọt và chăn nuôi. Không phải chỉ có yếu tố thời tiết tương đối thuận lợi mà quan trọng hơn chính là những tiến bộ KH - KT. Trong nông nghiệp, bà con nông dân đã biết tính toán và chủ động đầu tư kinh doanh trên mảnh đất nhận khoán của mình. Nổi bật là sản xuất lương thực có năng suất, sản lượng cả lúa và màu đều tăng. Đáng chú ý là năng suất lúa tăng khá nhanh và tương đối đồng đều giữa các HTX. Vụ đông đã chú ý cả việc mở

rộng diện tích và chuyển hướng bố trí cây trồng phù hợp nên đã góp phần làm tăng sản lượng màu, lương thực.

Dưới tác động của cơ chế thị trường, sản xuất cây công nghiệp cũng chuyển theo hướng coi trọng hiệu quả sản xuất. Mặt khác, chăn nuôi cũng chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều ngành nghề mới đã và đang xuất hiện. Cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp tiếp tục được cải thiện và từng bước phù hợp hơn. Với việc chuyển sang sản xuất hàng hóa, biết lấy hiệu quả trên một đơn vị diện tích làm mục tiêu phấn đấu của bà con nông dân đã có chuyển biến mạnh mẽ và rõ ràng hơn. Ở khắp các xã trong huyện đã xuất hiện nhiều hộ đạt từ 20 đến 22 triệu đồng trên 1 ha canh tác trong năm, đặc biệt có những hộ đạt trên 30 triệu đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trên, sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn còn khá nhiều tồn tại, yếu kém cần phải tập trung tiếp tục giải quyết.

Tốc độ phát triển ở cả trồng trọt và chăn nuôi chưa cao. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn còn chậm. Hầu hết tại các xã, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vẫn còn chậm và quy mô nhỏ, phân tán, chưa hình thành những vùng kinh tế hàng hóa. Chính hậu quả của việc chia lại ruộng đất, có gần, có xa, có tốt, có xấu đã góp phần dẫn đến những yếu kém đó. Bởi vì từ ruộng đất manh mún nhỏ lẻ đó không thể sản xuất công nghiệp được. Đầu ra của sản phẩm nông nghiệp nhất là gạo và lợn vẫn còn nhiều khó khăn. Người nông dân trực tiếp làm ra sản phẩm đó nhưng chất lượng thấp, giá thành lại cao cho nên tiêu thụ kém hiệu quả. Họ thực sự thiếu phần khởi trong sản xuất. Những gương sản xuất giỏi xuất hiện không ít ở các địa phương, nhưng việc tuyên truyền phổ biến, nhân rộng điển hình lại chưa được quan tâm đúng mức, thiếu tính thường xuyên. Vấn đề đặt ra là cần phải tăng cường khai thác đầu tư để vừa hạ giá thành vừa nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Bên cạnh đó, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn hạn chế và lạc hậu, lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật thiếu nhiều, đặc biệt là tại các xã. Các hiện tượng tiêu cực trong nông nghiệp, nông thôn còn khá phổ biến.

Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân: Về khách quan do Vũ Thư là một huyện kinh tế thuần nông, điều kiện về vốn, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn nhiều hạn chế, ngân sách phải tập trung xây dựng nhiều công trình trọng điểm trong thời gian ngắn, nguồn dự trữ (kể cả trong dân) giảm dần do đó khả năng tự vươn mạnh, xa hơn, nhanh hơn sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, về chủ quan: trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đặt ra, các cấp ủy Đảng và chính quyền chưa thật sâu sát cơ sở, chưa coi trọng sơ kết, tổng kết kinh nghiệm người tốt việc hay để có chủ trương biện pháp nhân rộng, đồng thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, giải quyết kịp thời có hiệu quả những vấn đề mới đặt ra.

Từ thực tế trên, để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện, góp phần tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, không ngừng nâng cao và cải thiện đời sống nhân dân, trong những năm tiếp theo huyện Vũ Thư cần phải tập trung giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp: Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng toàn diện, cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp dần thay đổi, đảm bảo hài hòa từng bước giữa cây lương thực và cây công nghiệp, giữa cây trồng và vật nuôi. Tỷ trọng cây công nghiệp có hiệu quả kinh tế cao được chú trọng đầu tư, các con giống có năng suất cao, chất lượng tốt dần thay thế giống cũ nhằm phục vụ nhu cầu đời sống nhân dân và thị trường, một phần xuất khẩu.

- Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nông nghiệp: Các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp cần được tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cải tạo phục vụ tốt hơn cho quá trình sản xuất. Đẩy mạnh việc áp dụng KH - KT vào việc tăng năng suất lao động trong nông nghiệp nhất là việc lựa chọn các giống lúa tốt, có năng suất cao, tổ chức khảo nghiệm và nhân rộng diện tích trồng lúa đặc sản.

- Đổi mới cơ chế quản lý: Đào tạo và bồi dưỡng trình độ chuyên môn quản lý kinh tế, tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác KH - KT nông nghiệp, thủy lợi. Vấn đề nâng cao kiến thức văn hóa và trình độ chuyên môn về

quản lý kinh tế là yêu cầu cấp thiết với những mô hình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

- Coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục trong đội ngũ cán bộ HTX và xã viên: Về quyền hạn, nhiệm vụ của HTX và xã viên, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh khai hoang, mở rộng diện tích gieo trồng, đồng thời đẩy mạnh sản xuất các ngành nghề phụ, nâng cao đời sống của nhân dân để đáp ứng kịp thời khi dân số của huyện ngày càng tăng nhanh, tận dụng được lao động lúc nông nhàn, tăng thêm thu nhập cho nông dân.

- Đẩy mạnh hoạt động thương nghiệp, phát triển giao thông vận tải làm đòn bẩy thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp.

Tóm lại: Quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp Vũ Thư trước năm 1996 khá toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc. Trong hoàn cảnh mới, nhiệm vụ mới hết sức nặng nề, quá trình đó đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân huyện Vũ Thư phát huy trí tuệ và tinh thần sáng tạo để khai thác mọi tiềm năng, lợi thế của địa phương, phát triển kinh tế nông nghiệp phù hợp và hiệu quả hơn.

## **1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương của Đảng bộ huyện Vũ Thư về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996-2000)**

### ***1.2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn***

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa quan trọng. Chúng ta đã ngăn chặn và đẩy lùi được tình trạng khủng hoảng, suy thoái kéo dài, bước đầu có tích lũy nội bộ từ nền kinh tế, tạo tiền đề cơ bản đưa đất nước ta bước sang giai đoạn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đối với vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ngay từ sớm Đảng đã coi đây là mặt trận hàng đầu cần ra sức tập trung phát triển. Từ Chỉ thị 100 của Ban

Bí thư Trung ương (năm 1981) đến Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (năm 1988) được triển khai cùng các Nghị quyết Đại hội VI, VII đã đưa nông nghiệp, nông thôn nước ta đạt được những thành tựu to lớn. Sản xuất ở nông thôn được giải phóng một bước quan trọng, tiềm năng của nông thôn được phát huy, cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp được tăng cường làm cho sản xuất đạt mức tăng trưởng khá và tương đối ổn định. Đặc biệt là sản lượng lương thực tăng liên tục, đã giải quyết được về cơ bản nhu cầu lương thực cho nhân dân và hàng năm có khối lượng gạo xuất khẩu lớn. Với việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần đã khơi dậy nhiều nguồn lực làm cho việc sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn ngày càng năng động và hiệu quả hơn. Thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp đã góp phần quyết định quan trọng đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể nền kinh tế nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng kém phát triển, với quy mô sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất còn nhiều yếu kém, công nghệ lạc hậu, năng suất lao động, năng suất cây trồng và vật nuôi còn thấp. Nông nghiệp nước ta chưa đáp ứng được nhu cầu cải thiện đời sống của nhân dân, nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, hàng hóa cho xuất khẩu. Những tiềm năng trong nông nghiệp rất dồi dào nhưng chưa khai thác hết và sử dụng có hiệu quả như nhân lực, đất đai, hệ sinh thái, vốn, cơ sở vật chất, tình trạng lao động trong nông thôn thiếu việc làm còn rất phổ biến.

Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa thoát khỏi thế độc canh và thuần nông, chăn nuôi chưa phát triển mạnh, các nguồn tài nguyên bị khai thác một cách bừa bãi đang để lại hậu quả nặng nề.

Các ngành kinh tế phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa phát triển, kinh tế hợp tác tuy đã có sự điều chỉnh nhưng chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn chặt chẽ nên cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động còn nhiều lúng túng chưa phát huy được đầy đủ vai trò của mình với sản xuất nông nghiệp.

Tình trạng trên do nhiều nguyên nhân: Trước hết, nền kinh tế nước ta vẫn còn trong tình trạng kém phát triển, hậu quả chiến tranh còn hết sức nặng nề, tích

lũy từ nội bộ nền kinh tế còn thấp, chưa thu hút được nhiều nguồn đầu tư bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa.

Đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp nông thôn chưa được quán triệt sâu sắc. Bên cạnh đó, chủ trương, chính sách cũng có những điểm chưa nhất quán, cản trở giải phóng sức sản xuất. Một số vấn đề nảy sinh mới chưa được nghiên cứu và giải quyết kịp thời. Mặt khác, cũng có khuynh hướng đề cao kinh tế hộ, đánh giá chưa đúng mức kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển nông nghiệp nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc tìm kiếm, mở rộng thị trường nông sản còn lúng túng và gặp nhiều khó khăn. Trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện ở cơ sở còn nhiều vấn đề bất cập...

Bước vào giai đoạn mới, để nông nghiệp nông thôn phát huy vị trí, vai trò của mình trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải đưa nông nghiệp lên một tầm cao mới: tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng VII, Trung ương Đảng đã đề cập đến vấn đề đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng cách tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) “Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nông thôn” đã đề ra mục tiêu, quan điểm về phát triển nông nghiệp nông thôn đến năm 2000 trong đó nhấn mạnh: “Đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trong quá trình CNH, HĐH đất nước, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu” [55, tr. 7]. Với quan điểm này, Hội nghị đã đề ra phương hướng và giải pháp cụ thể để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn như: “Tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn. Trên cơ sở xúc tiến công cuộc công nghiệp hóa nói chung, công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn nói riêng mà thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng phát triển mạnh, vững chắc, có hiệu quả công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn, tăng nhanh tỷ trọng ở



những ngành này trong cơ cấu nông - công nghiệp và dịch vụ. Phát triển đa dạng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, với quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu. Khôi phục và phát triển các làng nghề. Tranh thủ công nghệ hiện đại, tận dụng công nghệ truyền thống, chú trọng những công nghệ tạo nhiều việc làm. Các cơ sở phục vụ xuất khẩu cần nhanh chóng áp dụng công nghệ hiện đại để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thế giới” [55, tr. 8].

Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VIII (tháng 6/1996) trên cơ sở nhận định tình hình thế giới và trong nước, những khó khăn, thách thức và nguy cơ đặt ra, xuất phát từ những thành tựu của 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới đã khẳng định: “Nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Đây là một nhận định cực kỳ quan trọng có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc đề ra phương hướng và nhiệm vụ xây dựng đất nước trong thời gian tiếp theo.

Mục tiêu của CNH, HĐH là: “Xây dựng nước ta thành một nước có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, an ninh quốc phòng vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [57, tr.9].

Đại hội cũng khẳng định: Trong những năm trước mắt, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế - xã hội chưa thật sự ổn định, vững chắc. Chúng ta cần tránh phạm sai lầm chủ quan, nóng vội, quá thiên về công nghiệp nặng, ham quy mô lớn. Phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, ra sức phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu... từng bước hiện đại hóa các ngành nghề thủ công truyền thống đi đôi với mở mang những ngành nghề mới.

Nội dung CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn trong những năm còn lại của thập kỷ 90 được Đại hội xác định:

- Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đảm bảo an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong và ngoài nước.

- Thực hiện thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa...

- Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị.

- Phát triển các ngành nghề, làng nghề mới gồm tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghệ khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại. Trong 5 năm tới, sẽ xây dựng thêm đường sá, mạng lưới điện, cấp nước, trường học, cơ sở y tế, văn hóa ở nông thôn để phát huy tiềm năng nguồn lực tự nhiên và con người ở nông thôn.

- Hoàn thành cơ bản việc giao đất, khoán rừng cho hộ nông dân. Điều chỉnh việc phân bổ vốn và huy động thêm nhiều nguồn vốn cho phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn. Có chính sách khuyến khích và trợ giúp nông dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển giao công nghệ, giải quyết các khó khăn về vốn, giá cả vật tư nông nghiệp và hàng nông sản, về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, Đại hội cũng vạch ra những mục tiêu phấn đấu của nông nghiệp trong những năm tiếp theo của thập kỷ.

Có thể nói, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã vạch ra những nội dung cơ bản nhất của đường lối CNH, HĐH đất nước. Đối với vấn đề nông nghiệp, nông thôn trong quá trình 10 năm đổi mới và đến Đại hội VIII tiếp

tục khẳng định vai trò quan trọng của nông nghiệp đối với sự ổn định và phát triển của đất nước. Trong những năm đầu thực hiện CNH, HĐH đất nước Đảng ta vẫn khẳng định nội dung quan trọng nhất là tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nhằm phát huy mạnh mẽ thế mạnh và nguồn lực trong quá trình xây dựng đất nước và hội nhập.

### ***1.2.2. Chủ trương của Đảng bộ huyện về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn***

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giai đoạn 1996-2000 là bước quan trọng của thời kỳ phát triển mới, nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ này là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào thế kỷ sau.

Cùng với những chủ trương và chỉ đạo của Trung ương Đảng, căn cứ vào những thành tựu, hạn chế của 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ XI (tháng 3/1996) đã đề ra những nhiệm vụ chiến lược, mục tiêu, giải pháp lớn cho 5 năm 1996-2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Về phương hướng chung Đảng bộ xác định: “Tiếp tục giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tập trung đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế một cách vững chắc, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội. Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính

quyền, đoàn thể nhân dân vững mạnh, nâng cao mức sống của nhân dân, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển nhanh hơn vào những năm sau” [9, tr.11].

Với phương hướng chung như vậy, Đảng bộ huyện xác định phương hướng, nhiệm vụ cho nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Phát triển nông thôn toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thông qua quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng tới xây dựng xã hội công bằng, văn minh tiên bộ ở nông thôn. Hướng chủ yếu trong những năm tới là tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tổ chức lại sản xuất, đưa nông thôn chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, đẩy một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế một phần nhập khẩu. Xây dựng cơ cấu kinh tế nông thôn nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại dịch vụ phát triển và các mặt về chính trị, văn hóa, xã hội tương ứng phù hợp trong đó phát triển nền nông nghiệp thâm canh, có chuyên canh một số cây con chính. Đồng thời có lựa chọn phát triển những ngành bổ sung và phù hợp với những sản phẩm có ưu thế xuất khẩu, có khả năng tạo tích lũy nhanh trong từng giai đoạn, đảm bảo cho nông nghiệp có khả năng tự tích lũy cao, dễ thích ứng với thị trường đang phát triển nhanh, chưa ổn định.

Vừa phục hồi và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Nhanh chóng có những phương án hiện đại hóa các nghề có ưu thế sản xuất và gia công hàng xuất khẩu và các khâu công nghệ quan trọng ở các nghề khác với mô hình phát triển chủ yếu là các làng nghề do các thành phần kinh tế cùng hợp sức tham gia. Có chính sách mạnh bạo khuyến khích các thành phần kinh tế lựa chọn, du nhập máy móc thiết bị, khoa học - công nghệ hiện đại thích hợp với phát triển mạnh công nghiệp gia công và công nghiệp chế biến nông sản, trước hết cho những cây con có ưu thế phát triển nhanh.

Từng bước có định hướng phân công, hợp tác, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển có lựa chọn công nghiệp cơ khí chế tạo các máy móc nhỏ và phát triển các cơ sở cơ khí lắp ráp, sửa chữa các loại máy móc thông dụng phục

vụ các ngành kinh tế của huyện. Đồng thời, có phương án cải tạo, hoàn thiện hay phát triển một số cơ sở công nghiệp mũi nhọn có khả năng tạo tích lũy cao và thu hút lao động ở các làng nghề làm vệ tinh sản xuất gia công. Tạo ra thể kết hợp hài hòa giữa công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi toàn huyện theo hướng từ nông thôn đi lên, từ huyện giao xuống cùng với quá trình đô thị hóa nông thôn. Phát triển thích ứng mạng lưới tài chính tín dụng, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, hệ thống chuyển giao tiến bộ KH - KT cho các hộ nông dân. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ sở kết cấu kinh tế hạ tầng từ huyện đến xã và có quy hoạch phát triển mạng lưới các tụ điểm kinh tế đáp ứng yêu cầu của kinh tế hàng hóa nhằm tạo ra sự giao lưu kinh tế thuận lợi từ nông thôn đến đô thị và các huyện trong toàn tỉnh, thực hiện từng bước đô thị hóa nông thôn.

Đảng bộ cũng đề ra mục tiêu cần đạt của nông nghiệp, nông thôn Vũ Thư trong 5 năm tới: Tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ với tốc độ cao, tăng trưởng mạnh. Cơ cấu phát triển các ngành trong thời kỳ mới: nông nghiệp tăng từ 4-5%, thủ công nghiệp tăng 30%, dịch vụ 40-45%.

Sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục được coi là mặt trận hàng đầu, chủ trương phát triển mạnh, toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa và lấy hiệu quả cao nhất trên một đơn vị diện tích để quyết định phương án sản xuất, lựa chọn giống cây, con và bố trí công thức luân canh phù hợp. Khai thác triệt để và hiệu quả hơn số lượng diện tích, lao động, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, thực hiện luân canh, thâm canh với trình độ cao, đa dạng hóa loại hình sản phẩm nông nghiệp từng bước hướng đến một nền nông nghiệp sạch. Đẩy mạnh việc tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tích cực đổi mới cơ cấu cây trồng vật nuôi nhất là giống lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả, giống lợn, bò, gà, vịt và các con đặc sản khác.

Tích cực phát triển phong trào làm kinh tế VAC phần đầu tăng tỷ trọng thu nhập từ VAC trong mỗi hộ nông dân. Phát triển kinh tế vườn theo hướng xóa bỏ

vườn tạp, trồng cây có hiệu quả kinh tế, phấn đấu nâng giá trị thu nhập từ kinh tế vườn lên 20-25% trong tổng thu ngành trồng trọt. Mở rộng, phát triển chăn nuôi phấn đấu đưa tỷ trọng giá trị thu nhập từ chăn nuôi lên 35-40% vào năm 2000. Củng cố mạng lưới thú y cơ sở, hướng dẫn cách phòng và chữa bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, hướng dẫn cách chế biến thức ăn gia súc cho nông dân thử nghiệm.

Tập trung củng cố nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Cơ sở hạ tầng có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp CNH, HĐH tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển nhanh hơn. Do đó, hướng chung là tập trung củng cố những cơ sở vật chất hiện có: điện, đường, trường, trạm, tiếp tục đầu tư hoàn thành một số công trình trọng điểm thiết thực phục vụ đời sống và sản xuất như: vệ sinh môi trường, thủy lợi và các công trình phúc lợi công cộng khác. Tiếp tục thực hiện phương châm Nhà nước - tập thể và nhân dân cùng làm để huy động sức mạnh tổng hợp về tiền vốn, vật tư xây dựng công trình. Khuyến khích các địa phương, tổ chức xã hội, cá nhân gọi vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Đảm bảo tốt hệ thống đê, kè thường xuyên nạo vét trục kênh mương dẫn nước, phát huy hết công suất và hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có.

Huyện ủy cũng đề ra hệ thống quan điểm chỉ đạo trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH:

*Một là:* Phát triển nông thôn toàn diện, lấy kinh tế làm trọng tâm, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu thông qua con đường CNH, HĐH với sự kết hợp 2 hướng từ dưới lên, từ trên xuống.

*Hai là:* Coi trọng hiệu quả và chất lượng sản xuất hàng hóa để tạo khả năng tích lũy cao, từng bước tự tạo vốn đi lên.

*Ba là:* “Đô thị hóa nông thôn” là quá trình tạo động lực to lớn để phát triển kinh tế hàng hóa và thực hiện nền kinh tế mở đối với nông thôn.

*Bốn là:* Xuyên suốt quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn phải tập trung giải quyết nhiều vấn đề gay cấp như: ruộng đất, phân bổ lại lao động và

giải quyết việc làm, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng chính quyền cơ sở, chuyển giao khoa học công nghệ và kỹ thuật tiên bộ, xóa đói giảm nghèo, tạo dựng các mô hình.

*Năm là:* Phải có phương hướng, bước đi, các giải pháp phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng giai đoạn.

*Sáu là:* Thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý toàn diện của chính quyền các cấp, bảo đảm mọi sự quan tâm nghiên cứu, đầu tư giúp đỡ, tác động những mặt cần thiết cho nông nghiệp, nông thôn phát triển. Trong trường hợp đặc biệt phải có quyết sách táo bạo. Thực chất của vấn đề nông dân, nông thôn ngày nay không phải là ruộng cày mà là nhu cầu việc làm, tăng thu nhập.

*Bảy là:* Coi các hộ nông dân trở thành chủ thể chính trong hoạt động kinh tế, thành đội quân chủ lực sản xuất hàng hóa ở nông thôn, họ là đối tượng cần được xem xét, nghiên cứu, để giải quyết các vấn đề trong quá trình hợp tác, cạnh tranh, tích tụ sản xuất và các quá trình tác động bằng chủ trương, định hướng, cơ chế chính sách, tổ chức quản lý của Đảng và Nhà nước ở nông thôn.

Đây được coi là những cơ sở của các chủ trương, định hướng, cơ chế chính sách và tư duy hành động, giải quyết các vấn đề của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong thời gian này tại Vũ Thư.

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH từ năm 1996 đến năm 2000, do Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ XI đề ra cho toàn Đảng, toàn dân trong huyện thực hiện, đi đúng đường lối mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XV đề ra, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng được những yêu cầu trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện và nguyện vọng của quần chúng nhân dân về việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

### ***1.2.3. Quá trình chỉ đạo thực hiện và kết quả***

Quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhân dân Vũ Thư đã nêu cao truyền thống đoàn kết, phát huy nội lực và những kinh nghiệm tích lũy được phấn đấu thực hiện thắng lợi được các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Trong thời gian này, mặc dù có nhiều thuận lợi cơ bản với tiền đề của 10 năm đầu đổi mới, môi trường quốc tế và sự mở rộng giao lưu kinh tế ngày càng nhiều nhưng nông nghiệp Vũ Thư cũng gặp không ít những khó khăn và thử thách lớn đặt ra: Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực và thiên tai trong nước đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội. Các thế lực thù địch tìm mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá cách mạng nước ta nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặt khác, đây cũng là thời kỳ tình hình nông thôn trong tỉnh nói chung và huyện Vũ Thư nói riêng mất ổn định nghiêm trọng phải tập trung dồn sức giải quyết. Song với truyền thống cách mạng vẻ vang của quê hương, dưới sự lãnh đạo, giúp đỡ thường xuyên của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân huyện Vũ Thư đã nỗ lực phấn đấu, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ổn định tình hình, phát triển kinh tế - xã hội củng cố quốc phòng và hệ thống chính trị, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới tạo tiền đề đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1996, năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về Đại hội Đảng bộ các cấp, cán bộ và nhân dân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, vươn lên giành thắng lợi tương đối toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Trước hết, toàn Đảng bộ đã hoàn thành việc tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI và từng bước triển khai Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội



Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, trong toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Đây là điều kiện tiên quyết góp phần thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: “Cần phát triển nông nghiệp một cách toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa và lấy hiệu quả cao nhất trên một đơn vị diện tích để quyết định phương án sản xuất, lựa chọn giống cây con và bố trí công thức luân canh phù hợp, trên cơ sở đó từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn” [9, tr.15]. Mặc dù trong năm điều kiện thời tiết không thuận lợi (phải đối phó với 2 cơn bão lớn và lũ lụt kéo dài) nhưng nền kinh tế trong huyện, đặc biệt là nông nghiệp vẫn có bước tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra cụ thể:

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng đổi mới cơ cấu giống lúa, đẩy mạnh sản xuất vụ đông, phát triển kinh tế VAC, đưa các giống cây con có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, duy trì kỷ cương điều hành thời vụ, tưới tiêu nước, bảo vệ thực vật và các công thức luân canh tăng vụ, đồng thời đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ KH - KT, nâng cao trình độ thâm canh cho nông dân, tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ KH - KT vào sản xuất và chế biến nông sản thực phẩm, phấn đấu tăng thu nhập trên mỗi đơn vị diện tích và gắn với nhu cầu thị trường.

Tổng diện tích gieo trồng đạt 28.300 ha, tăng 1,2% so với năm 1995, vụ mùa ngập lụt do vỡ đê nên giảm 0,12%, cây lương thực đạt 19.000 ha, tăng 1,6%, cả lúa và màu lương thực đều tăng, riêng cây đậu tương có xu hướng tăng nhanh và đang trở thành tập quán của nhiều địa phương trong huyện. Cây công nghiệp gieo trồng đạt 4.600 ha có xu hướng giảm vì hiệu quả kinh tế không cao.

Năng suất lúa của các xã tương đối ổn định, bình quân đạt 12 tấn/ha. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 98.500 tấn, trong đó sản lượng màu đạt 30.200 tấn. Năng suất và sản lượng một số cây trồng màu lương thực (cây ngô, đậu tương...) cây công nghiệp đều tăng hơn năm trước. Nhiều loại giống cây trồng mới như dưa chuột, bí xanh, nấm xuất khẩu được nông dân quan tâm gieo trồng, chăm sóc trên diện rộng bước đầu cho hiệu quả kinh tế cao. Giá trị thu nhập bình quân trên một ha canh tác đạt 25,5 triệu đồng, tăng 8% so với mục tiêu đề ra.

Chăn nuôi tương đối ổn định, đàn lợn đạt trên 60.000 con, phong trào chăn nuôi lợn hướng nạc được phát triển, từng bước xuất hiện mô hình chăn nuôi theo kiểu trang trại, áp dụng kỹ thuật tiên tiến mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đàn trâu có khoảng 6.500 con và có xu hướng giảm, đàn bò có xu hướng tăng do phù hợp với nhu cầu của thị trường, nông dân bước đầu chuyển sang nuôi bò hướng thịt và hướng sữa bước đầu cho hiệu quả cao. Chăn nuôi gia cầm, con giống đặc sản và nuôi cá đều có những bước phát triển tiến bộ. Thu nhập từ chăn nuôi chiếm khoảng 30% giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng 2,9% so với năm trước.

Thực hiện chủ trương của Bộ chính trị về đổi mới HTX nông nghiệp, nhận thấy đây là một vấn đề quan trọng, tác động sâu sắc đến phát triển nông nghiệp, nông thôn nên Huyện ủy chủ trương thành lập Ban đề án chuyển đổi HTX nông nghiệp, đồng thời chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn, củng cố hợp tác xã theo mô hình mới, không xóa bỏ HTX trong sản xuất nông nghiệp. Ban nghiên cứu đề án đã khảo sát nghiêm túc tình hình các HTX trong toàn huyện và đề xuất các phương án chuyển đổi, trong đó trọng tâm là kiện toàn, xây dựng các HTX còn vốn quỹ, Ban quản trị vẫn duy trì chức năng điều hành quản lý hoạt động, giải thể các HTX làm ăn không có hiệu quả để giải phóng sức sản xuất, tạo sức bật cho kinh tế hợp tác đi lên, đồng thời khẩn trương thành lập HTX mới để đảm bảo các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trước hết tập trung đổi mới HTX nông nghiệp theo hướng kế thừa và nâng cao, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, xóa bỏ quản lý điều hành theo kiểu hành chính quan liêu bao cấp, thực hiện hình thức đa sở hữu, cổ phần hóa, đa dạng hóa các loại hình trên cơ sở

tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, không áp đặt hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.

Tiến hành đổi mới về tổ chức bộ máy quản lý, xác định rõ chức năng, bổ sung thêm nhiệm vụ, mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp Nhà nước, tập thể, tư nhân và hộ gia đình xã viên, bảo đảm sự thống nhất về lợi ích và quyền làm chủ của mọi thành viên trong quá trình sản xuất, dịch vụ kinh doanh và phân phối. Đồng thời, tích cực đổi mới về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của HTX theo yêu cầu mới.

Với sự lãnh đạo của Huyện ủy, công tác quản lý ruộng đất cũng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tình trạng lấn chiếm đất trái phép, cấp đất sai thẩm quyền và chuyển đất trồng lúa vào sử dụng mục đích khác đã được hạn chế. Huyện cũng chỉ đạo việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hoàn thành việc lập bản đồ địa chính ở các xã, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hơn 50% hộ gia đình nông dân ở hầu hết các xã trong toàn huyện. Tuy nhiên, tốc độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm so với kế hoạch đề ra, nhiều địa phương chưa kết hợp cấp giấy chứng nhận với tăng cường biện pháp tuyên truyền hướng dẫn, kiểm tra đưa công tác quản lý đất đai đi vào nề nếp.

Trên cơ sở tổng kết những kết quả và hạn chế trong sản xuất nông nghiệp năm 1996, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Huyện ủy đã đề ra chủ trương sản xuất phát triển nông nghiệp năm 1997 phải tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp kết hợp với trang bị quy trình thâm canh cây trồng đến các hộ xã viên, đẩy mạnh các cuộc cách mạng về cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ đồng thời đưa nhanh những tiến bộ KH - KT vào sản xuất nông nghiệp. Chủ động phòng chống thiên tai, sẵn sàng đối phó với những diễn biến phức tạp của thời tiết. Xây dựng lực lượng phòng hộ, cứu đê, chống lũ trong nhân dân, gia cố lại hệ thống đê điều nhất là những đoạn xung yếu.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng CNH, HĐH đưa các giống lúa mới năng suất cao, các giống đặc sản vào gieo trồng để phục vụ xuất khẩu. Việc bố trí cây trồng và phương thức luân canh gối vụ ở những xã

vùng bãi ven sông được chú trọng, nhằm từng bước khắc phục dần những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất khi mùa mưa lũ bão, nâng cao hiệu quả kinh tế. Phong trào cải tạo vườn tạp, ao hoang, trồng cây ăn quả, trồng hoa, cây cảnh, nuôi cá được đầu tư, quan tâm.

Tiếp tục xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình phục vụ nông nghiệp, đưa máy móc mới vào phục vụ sản xuất. Huyện ủy chủ trương trong thời gian ngắn phải triển khai việc kiên cố hóa các công trình dẫn nước, kênh mương, xây dựng và hiện đại hóa các trạm bơm nước đảm bảo đủ nhu cầu chống hạn và cứu úng. Chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống, tiếp tục chú trọng phát triển và đổi mới HTX sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở các vùng nhằm phát huy thế mạnh của địa phương và nguồn nhân công dư thừa trong nông nghiệp.

Với chủ trương của Huyện ủy, ngay từ đầu năm 1997, các địa phương đã nhanh chóng triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH. Mặc dù thời tiết diễn biến khá phức tạp ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình sản xuất nhưng với nỗ lực của nhân dân trong huyện, những khó khăn được khắc phục nhanh chóng, sản xuất nông nghiệp trong năm đạt kết quả tương đối toàn diện.

Tổng diện tích gieo trồng cả năm đạt 29.200 ha, tăng 1,1% so với năm 1996, chủ yếu là tăng diện tích trồng lúa (0,5%) và cây vụ đông (0,6%), các loại cây công nghiệp có xu hướng giảm. Đối với các vùng trọng điểm lúa, trong điều kiện cây lúa đã đạt năng suất cao, để đẩy nhanh sự tăng trưởng thì không chỉ thực hiện các biện pháp thâm canh truyền thống, đơn thuần mà phải kết hợp nhiều biện pháp đồng bộ, trong đó có ý nghĩa then chốt là ứng dụng các tiến bộ KH - KT, cơ cấu lại giống thích hợp vào điều kiện canh tác, chất đất từng xã, từng hợp tác xã, từng chân ruộng. Với phương châm “đất nào, cây ấy” đảm bảo hiệu quả kinh tế trên từng ha ruộng. Năng suất lúa cả năm đạt 114,97 tạ/ha (vụ xuân 66,22 tạ/ha, vụ mùa 48,7 tạ/ha), cao hơn năng suất lúa bình quân của tỉnh là 5,64 tạ/ha, tổng sản lượng quy thóc là 120.068 tấn, bình quân lương thực đầu

người là 540 kg, bình quân giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha canh tác là 29,8 triệu đồng.

Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phương thức luân canh vùng bãi, vùng nội đồng có nhiều tiến bộ. Nhiều xã đã mạnh dạn đưa những giống cây có giá trị kinh tế cao, cây xuất khẩu vào sản xuất. Cây kê đã được nhiều xã gieo trồng ở những vùng bãi cao, đạt hiệu quả hơn những cây trồng khác, năm 1997, năng suất kê đạt 42,5 tạ/ha, giá trị sản lượng gấp 1,5 lần so với trồng lúa.

Trong chỉ đạo phát triển chăn nuôi, Huyện ủy xác định hướng đi chủ yếu là tăng cường đầu tư để tăng nhanh tổng đàn và chất lượng đàn, đặc biệt trâu, bò và lợn. Khi nông nghiệp chưa được cơ giới hóa thì chăn nuôi chủ yếu nhằm đảm bảo sức kéo và phân bón, sau đó là nhu cầu tiêu dùng, khi nông nghiệp, nông thôn đang được hiện đại hóa mạnh mẽ, các biện pháp thâm canh đang dần thay thế phương pháp canh tác cũ thì chăn nuôi phải phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa, nghĩa là chuyển dần sang cung cấp thịt cho nhu cầu tiêu dùng và công nghiệp chế biến thực phẩm. Theo hướng đó, huyện tiến hành cải tạo đàn bò địa phương theo hướng sind hóa, tạo ra giống bò có tầm vóc và trọng lượng cao hơn bò địa phương. Đàn trâu, bò có khoảng 15.600 con, riêng đàn bò có khoảng 8.200 con trong đó 48,5% bò lai sind. Đối với đàn lợn, tiến hành chọn lọc và cải tạo đàn nái theo hướng “nạc hóa”. Nhiều hộ gia đình dùng thức ăn công nghiệp chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế khá. Tổng đàn lợn đạt 68.326 con/năm, trong đó lợn nái chiếm 15,6% tổng đàn. Sản lượng thịt hơi bình quân tăng 36,2%. Huyện ủy chỉ đạo ngành nông nghiệp nghiên cứu đề xuất các đề án chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất thức ăn công nghiệp, bước đầu tạo ra điều kiện tốt để hình thành trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Tổng đàn gia cầm bình quân 918.045 con, tăng 74,1%, nhiều hộ gia đình đầu tư nuôi gà công nghiệp, vịt siêu trứng, ngan Pháp... Huyện tổ chức việc tiêm phòng, quản lý đàn gia súc, gia cầm, hạn chế dịch bệnh. 70% diện tích ao, hồ, đầm đã được cải tạo nuôi cá cho thu nhập khá, sản lượng đạt 2.800 tấn. Diện tích đất của tập thể và

80% vườn của hộ gia đình đã được cải tạo trồng các loại cây ăn quả, cây cảnh, các loại cây có giá trị kinh tế cao...

Công tác phòng chống lụt bão trong năm được chỉ đạo thực hiện tốt đã tập trung hoàn thành đúng tiến độ xây dựng các công trình, tổ chức tốt lực lượng bảo vệ, chuẩn bị đủ vật tư dự trữ nên trong năm đã đối phó được đợt lũ kéo dài, bảo vệ an toàn hệ thống đê điều.

Các ngành tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn, các làng nghề truyền thống tiếp tục phát triển mạnh theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường đã tạo được một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Điều đặc biệt là với sự phát triển này đã giải quyết được công ăn việc làm cho một lực lượng lao động lớn ở nông thôn góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 1997, toàn huyện có tất cả 12 làng nghề, xã nghề tiểu thủ công nghiệp tiêu biểu như xã Vũ Hội (nghề làm đồ nhôm), Minh Lãng (nghề thêu), Nguyên Xá (mây tre đan)...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được sau 2 năm thực hiện Nghị quyết của Đảng về đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp Vũ Thư cũng tồn tại những hạn chế và xuất hiện điểm nóng cần phải tập trung giải quyết như: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, năng suất lúa cao nhưng giá trị xuất khẩu và khả năng cạnh tranh trên thị trường còn yếu, thu nhập của người dân bình quân năm sau cao hơn năm trước, đời sống đã từng bước được cải thiện và nâng cao nhưng nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật trong nông nghiệp trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế, tình trạng buông lỏng quản lý đất đai, quản lý tài chính, để một số cán bộ đảng viên vi phạm đạo đức, tham ô, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ với nhân dân xảy ra phổ biến. Đặc biệt trong thời gian này, nông thôn Thái Bình nói chung và Vũ Thư nói riêng xuất hiện nhiều điểm nóng, gây mất ổn định tình hình chính trị tại địa phương, cụ thể: Với chủ trương giao ruộng đất ổn định lâu dài cho người nông dân theo Nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ năm 1987 và Quyết định số 652-QĐ/UB

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, đã tạo được sự chuyển biến rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung nông dân phấn khởi đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế, làm giàu một cách chính đáng. Nhưng cũng từ đó, nông thôn nảy sinh những vi phạm về quản lý đất đai, những tranh chấp, mâu thuẫn giữa các thôn xóm, một số nơi như thôn Đức Long (xã Duy Nhất), thôn Thái Lai và thôn Bông Tiên (xã Vũ Tiến)... những mâu thuẫn và tranh chấp này đã trở nên gay gắt, lôi cuốn kích động hàng trăm quần chúng nhân dân tham gia khiếu kiện tập thể. Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo giải quyết, tình hình ở xã Vũ Tiến và Duy Nhất đã dần ổn định trở lại. Từ cuối năm 1996, đơn thư khiếu nại, tố cáo những sai phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và chế độ thương binh, liệt sĩ ngày càng nhiều. Một số nơi như xã: Hồng Lý, Tân Phong, Bách Thuận... quần chúng cũng có đơn tố cáo những sai phạm của cán bộ xã, HTX trong quản lý kinh tế, tham ô, lãng phí, thua lỗ, thất thoát. Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo thanh tra ở những địa phương này.

Đặc biệt, trong 2 năm 1997 và 1998, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trong huyện diễn ra gay gắt và có nhiều điểm phức tạp. Số lượng công dân đến trụ sở tiếp công dân của huyện ngày một tăng (năm 1997 có 398 lượt, năm 1998 có 1.063 lượt). Đến năm 1998, toàn huyện có 28 trong số 31 xã, có đơn thư khiếu nại tố cáo tập thể, 13 xã ở diện phức tạp, 4 xã được coi là điểm nóng (Vũ Đoài, Vũ Tiến, Hiệp Hòa, Trung An). Ở những nơi này, hàng trăm quần chúng liên tục kéo đến trụ sở UBND xã biểu tình đòi làm rõ những sai phạm của địa phương và xử lý những cán bộ xã có khuyết điểm.

Lúc gay gắt nhất tại xã Vũ Đoài, Vũ Tiến, Hiệp Hòa quần chúng bị kích động đã vây giữ cán bộ huyện và các đoàn thanh tra để gây sức ép yêu cầu giải quyết các kiến nghị đã nêu trong đơn.

Tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp rất phổ biến. Nhiều đoàn công dân đã lên Tỉnh và Trung ương, đến nhà các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tố cáo vi phạm của cán bộ địa phương. Có đoàn mang cả ảnh Bác Hồ, cờ

Tổ quốc, băng biểu, khẩu hiệu, lôi kéo một số thân nhân các gia đình thương binh, liệt sĩ tham gia. Lợi dụng chủ trương kiện toàn lực lượng thanh tra nhân dân ở cơ sở, các “đầu đơn” đã vận động nhân dân bầu vào thanh tra nhân dân những người “lớn tiếng” tự xưng là chống tham nhũng, trong đó có cả những người không đủ tiêu chuẩn, đã có tiền án, tiền sự. Tình trạng khiếu kiện đông người lúc đầu diễn ra tự phát do quần chúng bất bình trước những sai phạm của cán bộ, đảng viên địa phương, nhưng dần dần hình thành một bộ phận lãnh đạo, chỉ huy gồm một số người làm nguyên đơn trong các khiếu nại, tố cáo và những cán bộ, đảng viên bất mãn. Tại các xã điểm nóng, tổ chức thu tiền đóng góp của nhân dân để chi phí cho hoạt động khiếu kiện, tung tin thất thiệt, bày vẽ, xúi giục quần chúng lăng mạ cán bộ, gây rối trật tự công cộng, bác bỏ kết luận thanh tra với thái độ cố chấp căng thẳng và tâm lý cay cú thắng thua rất nặng nề.

Tình hình trên, đã vượt khỏi giới hạn của nội dung đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực do Đảng phát động và lãnh đạo thực hiện. Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã kịp thời báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị, Chính phủ đồng thời tập trung cao sự lãnh đạo, chỉ đạo bằng nhiều Thông báo, Chỉ thị, Nghị quyết như: Chỉ thị số 07-CT/TU (ngày 12/5/1997), Thông báo số 13-TB/TU (ngày 14-5-1997), Nghị quyết số 04-NQ/TU và Thông báo số 14-TB/TU (ngày 7/6/1997) chỉ đạo triển khai một số nhiệm vụ cụ thể để giải quyết tình hình, tổ chức các đoàn, tổ công tác gồm hàng trăm cán bộ của các ban ngành đoàn thể của tỉnh xuống cơ sở chỉ đạo giảm bớt các khoản thu theo công văn số 279-CV/UB của UBND tỉnh, tổ chức kiểm tra, thanh tra nhằm sớm ổn định tình hình.

Theo dõi sát diễn biến tình hình nông thôn Thái Bình, Thường vụ Bộ Chính trị và Chính phủ đã ra thông báo số 79-TB/TW ngày 5-7-1997, số 90-TB/TW ngày 18-9-1997, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 10-10-1997 “Về một số việc cấp bách ở nông thôn hiện nay”. Ngày 21-10-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã 2 lần cho ý kiến chỉ đạo và cử Tổ công tác đặc biệt của Bộ Chính trị do đồng chí Phạm Thế Duyệt - Thường vụ Bộ Chính trị, Trưởng ban dân vận Trung



ương làm Tổ trưởng, đồng chí Nguyễn Công Tạn - Phó Thủ tướng Chính phủ làm Tổ phó và một số cán bộ của Ban Tổ chức, Ban Tư tưởng - Văn hóa, Ban Nội chính, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng để trực tiếp chỉ đạo giải quyết tình hình.

Bên cạnh đó, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành theo dõi chặt chẽ tình hình cơ sở, kịp thời phát hiện diễn biến khiếu kiện ở các địa phương, đánh giá đúng tình hình, chủ động có biện pháp giải quyết phù hợp, hiệu quả ngay tại cơ sở. Liên tục các ngày 29-5, 2-6, 20-6, 30-6, 3-7, 11-7 năm 1997, Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp để thống nhất đánh giá tình hình, xác định nguyên nhân, tìm biện pháp giải quyết tình hình khiếu kiện tập thể và xây dựng phương án khắc phục tình trạng mất ổn định ở một số xã, thị trấn. Ngày 7-7-1997, Hội nghị cán bộ toàn huyện đã nghiên cứu và thảo luận phương án chủ động giải quyết trước tình trạng quần chúng khiếu kiện đông người, gây rối trật tự xã hội. Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22-9-1997 và Thông báo số 23-TB/TU ngày 13-11-1997, Huyện ủy đã chỉ đạo mở đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong Đảng, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra cơ sở. Đầu năm 1998, Huyện ủy tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Bí thư các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Huyện ủy, Thủ trưởng các phòng ban, đoàn thể của huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong huyện để nghiên cứu Nghị quyết số 06 NQ/TU ngày 12-1-1998 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về những chủ trương, giải pháp ổn định tình hình trong tỉnh và Chương trình kế hoạch số 77 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức, thanh tra toàn diện ở cơ sở. Hội nghị đã tạo được sự thống nhất cao cả về nhận thức và hành động. Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy được quán triệt sâu sắc tới tận các chi bộ và phổ biến rộng rãi tới các xóm, giúp cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân toàn huyện thấy rõ những thành tựu to lớn của Thái Bình trong 10 năm đổi mới và những sai lầm khuyết điểm dẫn tới tình hình mất ổn định. Trên cơ sở Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy, cấp ủy, chính quyền, các đoàn

thể quần chúng trong huyện đều thống nhất đánh giá tình hình khiếu nại, tố cáo của nhân dân trong huyện đã diễn ra trên diện rộng, nhiều nơi gay gắt, phức tạp. Nội dung khiếu tố của nhân dân trong thời gian qua cơ bản là đúng và chính đáng, tập trung chủ yếu tố cáo tình trạng tham nhũng, mất dân chủ, tác phong quan liêu, cửa quyền, hống hách với dân của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên có chức, có quyền, về những sai phạm của cơ sở trong quản lý tài chính, kinh tế, quản lý đất đai, cấp đất, bán đất, sử dụng tiền bán đất, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, quản lý các công trình xây dựng cơ bản, thực hiện các chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp, thủy lợi phí và chính sách xã hội. Tuy nhiên, lúc đầu Huyện ủy chưa có biện pháp lãnh đạo cụ thể, tổ chức đảng các cấp không chủ động giải quyết tình hình, buông lỏng ngọn cờ lãnh đạo, đấu tranh chống tham nhũng nên đã để một số phần tử lợi dụng việc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực của nhân dân để kích động, lôi kéo, đe dọa, ép buộc nhân dân khiếu kiện đông người từ chính quyền cấp xã đến tỉnh.

Tình trạng khiếu nại, tố cáo của nhân dân phản ánh những mâu thuẫn trong nội bộ Đảng và nội bộ nhân dân tích tụ trong một số năm qua, nay bùng phát trên diện rộng. Tình hình này xuất phát từ một số nguyên nhân chủ quan và khách quan sau đây:

Nguyên nhân chủ quan

*Một là:* Một bộ phận không nhỏ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở tham nhũng, tiêu cực, làm giàu bất chính, lè loi, tác phong làm việc quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ nghiêm trọng, không chấp hành đúng những quy định của pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cấp đất, bán đất trái thẩm quyền một cách phổ biến. Chính quyền ở nhiều xã, thị trấn đã lạm dụng việc phạt hành chính một cách tùy tiện, trái quy định, quá sức chịu đựng của dân, gây bất bình trong nhân dân.

*Hai là:* Việc tổ chức huy động nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng và nhiều khoản đóng góp khác còn lớn so với mức thu nhập và đời sống

nhân dân. Nhiều xã vay mượn tiền của ngân hàng, của nhân dân và các quỹ khác thiếu tính toán, sử dụng không đúng mục đích, thiếu công khai, dân chủ, dẫn tới mất khả năng thanh toán với số lượng lớn.

*Ba là:* Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư tố cáo của công dân bị xem nhẹ, không giải quyết khách quan, kịp thời, có nơi còn trù dập, đả kích, thách thức người khiếu nại, tố cáo.

*Bốn là:* Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cả về tư tưởng và tổ chức bị coi nhẹ kéo dài. Các nguyên tắc sinh hoạt bị vi phạm, nội bộ mất đoàn kết, đấu tranh tự phê bình bị buông lỏng, không giữ được mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

*Năm là:* Cấp ủy, chính quyền các cấp có biểu hiện thỏa mãn với những thành tích và kết quả đã đạt được, chủ quan, xa dân, thiếu nhạy bén chính trị, buông lỏng quản lý kinh tế - xã hội nhất là trên lĩnh vực tài chính ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý cán bộ, quản lý đảng viên. Chưa kiên quyết và có biện pháp hiệu quả phòng, chống tham nhũng. Chưa phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm ở các cấp, các ngành, đặc biệt là ở cơ sở. Thiếu các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, uốn nắn, ngăn chặn tình trạng mất dân chủ ở nhiều nơi.

Nguyên nhân khách quan

*Một là:* Trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội chưa được xây dựng đồng bộ, thủ tục hành chính rườm rà với nhiều khâu trung gian, tạo kẽ hở dẫn đến việc tiêu cực, tham nhũng.

*Hai là:* Chính sách với nông nghiệp, nông dân và nông thôn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết, chính sách với cán bộ cơ sở chưa thật hợp lý.

*Ba là:* Cơ chế quản lý tài chính ngân sách xã quá lạc hậu, không còn phù hợp với điều kiện nguồn thu, chi tăng nhanh nhưng trình độ quản lý của cán bộ lại non yếu, không bố trí kế toán và thủ quỹ chuyên nghiệp, chưa quản lý ngân sách xã qua hệ thống kho bạc của Nhà nước.

*Bốn là:* Mặt trái của cơ chế thị trường tác động, phát sinh tiêu cực trên nhiều lĩnh vực, sự phân hóa giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các bộ phận dân cư ngày càng lớn, gây nhiều bức xúc trong nhân dân.

Để ổn định tình hình nông thôn, Huyện ủy tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, nghiêm chỉnh tám chủ trương và giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy đề ra:

- Đổi mới và tăng cường công tác chính trị, tư tưởng.
- Làm tốt công tác tổ chức cán bộ, xây dựng cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân.
- Chủ động triển khai kế hoạch thanh tra trên diện rộng theo Chương trình kế hoạch số 77 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Giải quyết những sai phạm về quản lý đất đai.
- Chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế - tài chính.
- Tăng cường công tác nội chính, bảo đảm giữ vững kỷ cương, phép nước.
- Chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc, sửa đổi các thủ tục hành chính trong các cơ quan Nhà nước.
- Tập trung đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Huyện ủy xác định thực hiện Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy, ổn định tình hình nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong giai đoạn hiện tại. Huyện, xã đều thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 06 do đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo có kế hoạch thực hiện, các ban, ngành có đề án tổ chức thực hiện từng mặt phù hợp yêu cầu nhiệm vụ. Các đồng chí Thường vụ Huyện ủy được phân công chỉ đạo các cụm, xã và các tiểu ban công tác. Các đồng chí Huyện ủy viên được phân công trực tiếp phụ trách các xã. Chế độ giao ban phản ánh tình hình được thực hiện đều đặn hàng tuần, hàng tháng ở các cụm công tác. Các đồng chí cụm trưởng trực tiếp báo cáo với Thường trực Huyện ủy. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư tố cáo của công dân được chấn chỉnh. UBND các cấp bố trí phòng tiếp công dân, lập tổ tiếp công dân, các đồng chí lãnh đạo thay phiên thường trực tiếp công dân hàng tháng.

Để giúp cơ sở khắc phục tình trạng bị động, lúng túng, tích cực phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trách nhiệm của chính quyền và hệ thống chính trị địa phương thực hiện Nghị quyết số 06 giải quyết các vấn đề bức xúc ngay tại cơ sở, Tỉnh ủy phân công một đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo ở Vũ Thư và cử 4 tổ công tác do các đồng chí Tỉnh ủy viên, Giám đốc sở, Phó giám đốc sở các ngành làm tổ trưởng, các đồng chí Huyện ủy làm tổ phó về chỉ đạo tại 4 xã được coi là điểm nóng: Vũ Đoài, Vũ Tiến, Hiệp Hòa, Trung An. Huyện thành lập 11 tổ công tác do đồng chí Huyện ủy viên làm tổ trưởng, Bí thư Đảng ủy xã làm tổ phó chỉ đạo tại các xã có tình hình khiếu kiện phức tạp. Số cán bộ trung dụng vào các tổ công tác lên đến 110 người.

Công tác thanh tra, kiểm tra các vấn đề tố cáo của đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để ổn định tình hình. Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 10-3-1998 của Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác thanh tra, kiểm tra đã nhấn mạnh: “Các huyện, Thị ủy và Ủy ban nhân dân huyện, thị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra Nhà nước tỉnh chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh tra, kiểm tra ở địa phương mình, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần hoàn thành dứt điểm trong quý III năm 1998. Các cấp ủy cơ sở và mọi cán bộ, đảng viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tập trung lãnh đạo tốt công tác thanh tra, kiểm tra ở đơn vị mình theo nguyên tắc của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trước hết phải lãnh đạo chọn cử những người đủ tiêu chuẩn tham gia đoàn thanh tra... không chấp nhận thanh tra tự phát, không công nhận kết quả thanh tra của những tổ chức không được cấp có thẩm quyền ra quyết định” [7, tr. 121].

Chương trình kế hoạch số 77-VP6, ngày 25-2-1998 của UBND tỉnh quy định: “Nội dung thanh tra trên diện rộng năm 1998 cần tập trung làm rõ những vấn đề sau đây:

- Việc quản lý thu chi tài chính, quyết toán ngân sách xã (trong đó có các khoản thu đóng góp của dân cho ngân sách xã).

- Việc quản lý thu chi tài chính HTX, quyết toán báo cáo công khai với HTX (trong đó có các khoản thu của dân cho HTX).

- Việc quản lý thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản tại địa phương.

- Việc quản lý, sử dụng đất đai, giao cấp đất làm nhà ở cho dân, sử dụng tiền lệ phí và tiền sử dụng đất tại địa phương, giao đất cho hộ nông dân sử dụng lâu dài theo Quyết định số 652 của UBND tỉnh (bao gồm các quỹ đất)”.

Thực hiện Chương trình kế hoạch số 77 của UBND tỉnh về tổ chức thanh tra trên diện rộng. UBND huyện đã trưng dụng 141 cán bộ bao gồm 14 cán bộ của tỉnh tăng cường, 54 cán bộ các phòng ban của huyện và 53 cán bộ của cơ sở để thành lập các đoàn thanh tra. Từ giữa năm 1997 đến hết năm 1998, toàn huyện đã tiến hành thanh tra ở 28 xã và 76 xóm. Trong đó có 5 xã tự tổ chức thanh tra là Minh Khai, Minh Quang, Xuân Hòa, Hồng Phong và Tân Bình, có 4 xã và 3 xóm phải chuyển cho cơ quan điều tra để khởi tố vụ án và khởi tố bị can. Các đoàn thanh tra đã làm việc với tinh thần khách quan, công khai, dân chủ. Trước khi kết luận chính thức đều tổ chức trao đổi với các đầu đơn và thông báo lấy ý kiến đóng góp của Đảng bộ xã, thị trấn. Sau khi kết luận, Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo thông báo kết luận tới các xóm để nhân dân được biết. Trong quá trình thanh tra, ở những xã phức tạp, một số đoàn thanh tra đã đồng ý đề đại diện đầu đơn tham gia thẩm định một số vấn đề họ chưa nhất trí. Những nơi này tiến trình kết luận thanh tra nhìn chung là chậm và nhiều phức tạp.

Qua thanh tra, toàn huyện đã phát hiện 291.060 m<sup>2</sup> đất đã cấp, bán sai thẩm quyền, thu 7 tỷ 663 triệu đồng sử dụng sai quy định. Số sai phạm phát hiện phải thu hồi là 7 tỷ 691 triệu đồng. Trong đó có 17 xã thu quá mức thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế đất ở, thủy lợi phí, phải trả lại dân 2 tỷ 165 triệu đồng, giấu các khoản thu phải nộp về ngân sách huyện 1 tỷ 559 triệu đồng, phải thu về ngân sách xã, quỹ hợp tác xã 1 tỷ 554 triệu đồng, 22 xã có sai phạm về xây dựng cơ bản phải thu hồi 2 tỷ 194 triệu đồng. Trên cơ sở kết luận thanh tra, kiểm tra,

Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo các cơ sở nghiêm túc kiểm điểm những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ đảng viên và xử lý kỷ luật 8 Ban Đảng ủy, 1 Ban Thường vụ Đảng ủy xã và 332 cán bộ đảng viên, trong đó có 2 đồng chí Huyện ủy viên, 3 Trưởng, Phó phòng, 1 Giám đốc công ty, 7 Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy xã, 20 Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã, thị trấn, 7 Chủ nhiệm HTX nông nghiệp, khởi tố 18 cán bộ ở các xã Hồng Lý, Hiệp Hòa, Tam Quang, Vũ Tiến, Vũ Vinh, Việt Thuận. Huyện ủy đã đề ra đề án sửa chữa khuyết điểm, kiện toàn đội ngũ cán bộ, giải quyết được nhiều Đảng bộ, chi bộ yếu kém [7, tr. 130].

Công tác quản lý đất đai được chấn chỉnh. Thực hiện Nghị quyết số 08 của Tỉnh ủy, Quyết định số 1076 và Quyết định số 948 của UBND tỉnh, huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo giải quyết những tồn tại về đất đai và chọn 3 xã Minh Khai, Tự Tân, Trung An làm điểm để rút kinh nghiệm nhân ra toàn huyện. Nhưng tình hình triển khai gặp nhiều khó khăn, đến hết năm 2000, mới có 3 xã Minh Khai, Phúc Thành, Vũ Đoài được huyện phê duyệt phương án và cho triển khai ngoài thực địa, 24 xã, thị trấn điều tra xong diện tích, nhân khẩu và tiến hành xây dựng phương án.

Những yếu kém, sơ hở trong quản lý tài chính ngân sách xã được khắc phục kịp thời. Mỗi xã được bố trí một kế toán có trình độ từ trung cấp trở lên. Hệ thống sổ sách được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Tình hình thu, chi ngân sách xã được quản lý qua kho bạc của huyện. Để giúp các xã tháo gỡ khó khăn về xây dựng cơ bản, UBND huyện đã tổ chức thẩm định các khoản xã, hợp tác xã vay dân, nợ các đơn vị thi công khi xây dựng các công trình phúc lợi ở địa phương và tiến hành giải ngân nguồn vốn vay của Trung ương để thanh toán các khoản nợ này theo tinh thần Công văn số 3875 của Bộ Tài chính. Toàn huyện có 29 xã, thị trấn được vay hơn 12 tỷ đồng để trả nợ dân và nợ các đơn vị thi công, góp phần tích cực vào việc ổn định tình hình nông thôn.

Sau thanh tra theo Chương trình kế hoạch số 77 của UBND tỉnh, một số cá nhân và đơn vị có sai phạm không giao nộp đầy đủ, kịp thời các khoản tài chính

theo kết luận, gây phản ứng gay gắt của quần chúng. Huyện ủy đã chỉ đạo thành lập Ban thu hồi sau thanh tra ở huyện và cơ sở để tổ chức đơn đốc và áp dụng các biện pháp hành chính cần thiết buộc các tập thể và cá nhân thực hiện nghiêm túc kết luận thanh tra. Kết quả thu hồi sau thanh tra của Vũ Thư đạt 79%. Trong đó dân trả đạt 93%, thu hồi sai phạm xây dựng cơ bản đạt 78%, thu về ngân sách huyện đạt 85%, thu về ngân sách xã, hợp tác xã đạt 40%.

Có thể thấy rằng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thường vụ Bộ Chính trị và Chính phủ, sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ ngành Trung ương, trực tiếp là Tổ công tác đặc biệt của Bộ Chính trị tại Thái Bình, các cấp các ngành từ tỉnh đến huyện đã tập trung cao độ mọi lực lượng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Do đánh giá đúng nguyên nhân xảy ra mất ổn định, đề ra các giải pháp cơ bản có tính nguyên tắc để ổn định tình hình nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 06 - NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định: “Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm” nên trong thời gian này mặc dù Tỉnh ủy, Huyện ủy và các cấp, các ngành trong huyện phải tập trung cao sức lực trí tuệ để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết tình hình nhưng bên cạnh đó vẫn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nên trong thời gian này một số lĩnh vực vẫn đạt kết quả khá và có sự chuyển biến quan trọng.

Tổng sản lượng lương thực năm 1998 đạt 123.859 tấn, năng suất lúa đạt 116,85 tạ/ha (vụ xuân 60,78 tạ/ha, vụ mùa 56,07 tạ/ha), bình quân lương thực đầu người là 600 kg, bình quân giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha canh tác là 31,5 triệu. Chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi, vật nuôi có chất lượng tốt cho sản lượng cao được nuôi phổ biến. Tổng đàn trâu bò có 16.100 con, mỗi năm lai tạo được hơn 500 con bò lai sind. Tổng đàn lợn là 90.000 con, tỷ lệ lợn lai chiếm 98%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 7.500 tấn, gần 800 ha ao hồ được cải tạo nuôi cá cho thu nhập khá từ 2.600 tấn đến 2.900 tấn. Công tác thú y, bảo vệ thực vật được chăm lo chu đáo, đàn gia súc gia cầm tăng trưởng nhanh cho giá trị kinh tế lớn.



Tổng kết gần hai năm chỉ đạo lãnh đạo ổn định tình hình trong tỉnh và một năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU cải đợc lớn nhất của cấp ủy chính quyền các cấp đã “nhìn rõ thực trạng tình hình, nhận rõ sai lầm khuyết điểm, có quyết tâm sửa chữa và khắc phục, sàng lọc đội ngũ cán bộ từng bước xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền các đoàn thể trong sạch, vững mạnh củng cố đợc niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, còn những yếu kém đó là vai trò tín nhiệm của tổ chức Đảng với một số nơi bị giảm sút, một số lượng lớn cán bộ đã đợc đào tạo do có sai phạm phải thi hành kỷ luật, tạo sự hụt hẫng trong đội ngũ cán bộ cả cấp tỉnh, huyện và cơ sở, kinh tế phát triển chậm, nhiều mặt còn giảm sút, tình làng nghĩa xóm ở một số nơi không đợc như trước nữa, việc lấy lại khí thế phong trào thi đua còn khó khăn” [10, tr.12].

Tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt đợc trong nông nghiệp, nông thôn, khắc phục những khó khăn, yếu kém, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, với truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân Vũ Thư, mục tiêu đặt ra đối với nông nghiệp và nông thôn Vũ Thư là phải đạt và vượt kế hoạch đề ra đến năm 2000 mà trước hết là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999 đợc Huyện ủy xác định thực sự là năm ổn định và phát triển đi lên.

Để khắc phục tình trạng kinh tế phát triển chậm trong những năm mất ổn định, tháng 5-1999, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện đề án sản xuất lúa gạo xuất khẩu, sản xuất nấm, sản xuất rau quả xuất khẩu, phát triển làng, xã nghề, thực hành tiết kiệm. Ban Thường vụ thành lập các tiểu ban để chỉ đạo từng đề án, quy hoạch vùng sản xuất, ban hành một số chính sách khuyến khích cơ sở và hộ nông dân. Bước đầu các đề án đã phát huy tác dụng, khôi phục sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Trong sản xuất nông nghiệp, các tiến bộ KH - KT đợc ứng dụng rộng rãi, góp phần tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, mùa vụ. Nhiều mô hình mới ra đời và phổ biến như lúa lai, ngô lai, cây vụ đông. Mùa

vụ đã được chuyển đổi tránh sự bất lợi của thời tiết, kinh nghiệm thâm canh của người dân ngày càng được nâng cao. Tổng diện tích lúa cả năm đạt 31.775 ha, sản lượng thóc cả năm đạt 145.710 tấn, năng suất lúa đạt 133,99 tạ/ha (vụ xuân 68,44 tạ/ha, vụ mùa 65,55 tạ/ha). Toàn huyện có 4 xã: Minh Lăng, Vũ Vân, Vũ Vinh, Việt Thuận năng suất lúa cả năm đạt 14 tấn/ha, Việt Thuận là xã có năng suất lúa cao nhất đạt 145,96 tạ/ha. Bình quân lương thực đầu người đạt 650 kg, bình quân giá trị thu nhập trên 1 ha canh tác đạt 32 triệu đồng. Chăn nuôi có bước tiến vượt bậc với các chương trình “sind hóa” đàn bò, “nạc hóa” đàn lợn. Toàn huyện có trên 8.000 con bò lai sind, hơn 92.000 con lợn. Đàn gia cầm đạt 1.200.000 con, sản lượng thịt đạt 1.030 tấn. Kinh tế tiểu thủ công nghiệp phát triển tích cực, từng bước thể hiện là một thế mạnh kinh tế của huyện. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 1999 của huyện là 210 tỷ 456 triệu (trong đó giá trị sản phẩm của khu vực tư doanh, tập thể chiếm 98%). Cùng với kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác được củng cố, có bước chuyển biến phù hợp với cơ chế mới, kinh tế tư nhân phát triển mạnh, đặc biệt là mô hình kinh tế hộ gia đình ngày càng phổ biến và làm ăn có hiệu quả góp phần ổn định xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Kinh tế phát triển, nguồn ngân sách tăng là điều kiện quan trọng để đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản. Các công trình phục vụ nông nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cấp đảm bảo phục vụ ngày một tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp. 100% số xã trong huyện có từ 2-3 trạm bơm nước trở lên đáp ứng tốt việc cấp và thoát nước. Hệ thống đường sá nông thôn được đầu tư nâng cấp tạo thuận lợi cho việc giao lưu, buôn bán giữa các vùng. Hệ thống máy móc phục vụ sản xuất tăng cường dần thay sức lao động thủ công. Công tác phòng chống lụt bão được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả tốt. Các cấp, các ngành đã quan tâm, tập trung chỉ đạo, chủ động triển khai sớm nhiệm vụ phòng chống bão úng. Các hạng mục công trình đê, kè, cống được xây dựng, tu bổ, sửa chữa hoàn thành trước mùa mưa bão. Ban chỉ huy phòng chống bão lũ huyện và các xã đã chủ động triển khai tổ chức công tác bảo đảm an toàn đê, kè,

công, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố xảy ra giữ an toàn hoa màu, tài sản của nhân dân. Công tác chống úng được tổ chức chỉ đạo sát sao không để xảy ra ngập úng nặng, bảo vệ an toàn diện tích lúa.

Việc giải quyết tình hình bất ổn ở nông thôn cũng đạt được kết quả lớn. Phần lớn các xã trong huyện đã ổn định được tình hình, chấm dứt được tình trạng khiếu kiện đông người, hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp, người dân đã yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh.

Công tác cán bộ, xây dựng Đảng ở nông thôn được coi trọng từng bước khắc phục tình trạng mất đoàn kết trong một bộ phận cán bộ ở cơ sở, đảm bảo được vai trò lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật được tăng cường, nạn tham ô, lãng phí ở một số HTX dần được khắc phục. Bộ máy HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn.

Có thể thấy rằng, với thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp của Vũ Thư năm 1999 trước hết là do có chủ trương đúng đắn của các cấp ủy Đảng, chính quyền có sự triển khai thống nhất, đồng bộ từ huyện đến xã và sự cố gắng nỗ lực của quần chúng nhân dân bên cạnh đó là yếu tố thời tiết, khí hậu trong năm khá thuận lợi cho quá trình sản xuất. Công tác dự tính, dự báo về sâu bệnh chính xác, tích cực nên đã hạn chế được thấp nhất thiệt hại do sâu bệnh gây ra. Các biện pháp kỹ thuật thâm canh được chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao, cơ cấu giống lúa có nhiều tiến bộ trong việc áp dụng các giống lúa mới, năng suất cao.

Năm 2000 là năm cuối của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1996-2000, cũng là năm cuối cùng của thế kỷ XX. Phát huy những thành tựu đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực đặc biệt là nông nghiệp, Đảng bộ huyện Vũ Thư xác định phải ra sức phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch đề ra.

Tổng giá trị sản xuất nông - công nghiệp - dịch vụ năm 2000 đạt 885 tỷ 400 triệu đồng tăng 28,5% so với năm 1996. Tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 5,45%, trong đó nông nghiệp tăng 5,75%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây

dụng cơ bản tăng 0,3%, dịch vụ tăng 6,05%. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tiến bộ: tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 61,2%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 17,3%, thương mại dịch vụ chiếm 21,5%.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được coi là mặt trận hàng đầu nhằm ổn định tình hình lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, thu hút nhiều lao động, giải quyết nhu cầu việc làm tại chỗ cho khu vực nông thôn.

Tổng diện tích gieo trồng đạt 34.500 ha tăng 1,2% so với năm 1995, diện tích lúa đạt 25.700 ha vượt 8,6% so với mục tiêu đại hội đề ra. Cơ cấu giống lúa, cây vụ đông thay đổi tích cực: giảm các giống lúa chất lượng và năng suất thấp như VN10, CR203, giảm diện tích lúa dài ngày từ 70-80% xuống 40% diện tích. Các giống lúa lai, lúa thuần Trung Quốc được tiếp thu nhanh, chiếm 53% diện tích. Với sự giúp đỡ của Công ty giống cây trồng Thái Bình và Trung tâm nghiên cứu khảo nghiệm khuyến nông Thái Bình, Vũ Thư đã sản xuất thành công giống lúa lai F1 ở các xã Nguyên Xá, Tụ Tân, Vũ Đoài... chất lượng tương đương giống lai nhập ngoại. Nhưng do chi phí lớn, giá thành cao và tâm lý của nông dân không thích giống lai của Trung Quốc nên việc sản xuất giống lai tại địa phương không duy trì và phát triển. Năng suất lúa năm 2000 đạt 138,12 tạ/ha (vụ xuân 70,7 tạ/ha, vụ mùa 68,5 tạ/ha). Một số HTX có năng suất lúa cả năm cao là Vũ Đoài 14,3 tấn/ha, Vũ Vân 14,6 tấn/ha... Cơ cấu cây màu lương thực cũng có nhiều thay đổi. Cây ngô chiếm 51% diện tích màu lương thực. Các giống ngô mới có năng suất cao như LVN4, LVN10, LVN17, giống khoai lang dòng 90, N31, khoai tây Đức, Pháp, Hà Lan đã trở thành cây trồng phổ biến trong nhân dân. Đặc biệt, nghề sản xuất mộc nhĩ phát triển mạnh, tập trung ở các xã Tân Lập, Bách Thuận với diện tích 20 ha, sản lượng 800 tấn. Tổng sản lượng quy thóc đạt 146.316 tấn, bình quân lương thực đầu người trên năm đạt 670 kg.

Với chuyên đề phát triển kinh tế VAC tạo ra sự chuyển biến tích cực trong việc khai thác tiềm năng đất đai và kinh nghiệm sản xuất ở hộ gia đình nông thôn. Toàn huyện đã cải tạo 70% vườn tập thể để chuyển sang trồng cây ăn quả,

cây cảnh có giá trị kinh tế cao. Tại các xã Bách Thuận, Hồng Phong, Tân Lập, Hồng Lý, Vũ Hội... đã có hàng trăm mô hình kinh tế làm vườn VAC giỏi. Các tổ chức đoàn thể quần chúng, các hội làm vườn, hội sinh vật cảnh... đóng góp to lớn cho chương trình kinh tế VAC. Hội cựu chiến binh nhiều nơi có sáng kiến giúp hội viên giống, vốn, kỹ thuật cải tạo vườn tạp, phát triển chăn nuôi, tặng vườn tình nghĩa cho các gia đình thương binh, liệt sĩ.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển, chiếm 27% giá trị sản xuất nông nghiệp. Tổng đàn gia súc, gia cầm hàng năm tăng, năm 2000 tăng 25% so với năm 1996. Đàn trâu bò có khoảng 17.000 con, trong đó đàn trâu có xu hướng giảm nhưng đàn bò tăng nhanh. UBND huyện có chính sách hỗ trợ vốn cho các hộ mua 500 con bò đực sinh để phối giống, mỗi năm tạo được hơn 1.200 con bê lai góp phần nâng cao chất lượng theo hướng sinh hóa đàn bò. Đàn lợn có khoảng 93.000 con, tỷ lệ lai chiếm 98%. Sản lượng lợn hơi xuất chuồng đạt 9.000 tấn tăng 34% so với năm 1995. Đàn gia cầm, gia súc tăng nhanh và cho chất lượng tốt. Năm 2000, bệnh long móng, lở mồm đã xuất hiện ở xã Việt Hùng nhưng được khoanh vùng và xử lý kịp thời nên không lây lan trên diện rộng.

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2000 đạt 680 tỷ 456 triệu đồng. Tỷ trọng ngành trồng trọt giảm từ 77% xuống còn 73%, tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng từ 20% lên 27%. Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 34 triệu đồng.

Các HTX nông nghiệp có nhiều cố gắng thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch, quy hoạch, hướng dẫn hộ xã viên sản xuất, kinh doanh, tổ chức dịch vụ nông nghiệp (tưới tiêu, giống, bảo vệ thực vật, thú y) tuy nhiên còn nhiều hạn chế. Yêu cầu đổi mới HTX được đặt ra ngày càng bức thiết, do đó sau khi nghiên cứu kinh nghiệm chuyển đổi ở một số huyện trong tỉnh, Huyện ủy đã chỉ đạo làm điểm chuyển đổi HTX nông nghiệp theo Luật HTX ở hai xã Hòa Bình và Tân Phong làm cơ sở để rút kinh nghiệm tiến tới chuyển đổi toàn bộ các HTX còn lại trong toàn huyện.

### ***Tiểu kết chương 1:***

Trong 5 năm (1996-2000), Đảng bộ và nhân dân huyện Vũ Thư đã đạt được những thành tựu quan trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn huyện bình quân hàng năm tăng 5,4%. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng. Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển khá góp phần ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân. Điều đó chứng tỏ chủ trương, đường lối của Huyện ủy đề ra trong phát triển kinh tế nông nghiệp là hoàn toàn đúng đắn, bám sát tình hình thực tế của địa phương được quần chúng nhân dân tích cực thực hiện.

Bên cạnh những thành tựu đạt được sản xuất nông nghiệp của Vũ Thư vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng sẵn có của địa phương như: Nông nghiệp vẫn mang tính độc canh cây lúa nên tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp và thu nhập của nông dân chưa cao. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển biến còn chậm, cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi chưa có sự đột biến, tỷ trọng giá trị trồng trọt trong giá trị sản xuất nông nghiệp cao, tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ thấp. Việc ứng dụng tiến bộ KH - KT vào sản xuất chưa đồng bộ. Việc đưa các cây con đặc sản có giá trị kinh tế cao vào sản xuất còn dè dặt dẫn tới năng suất chưa cao. Cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn nhiều thiếu thốn. Đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành tại các HTX còn nhiều hạn chế về kinh nghiệm quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

Đặc biệt, bước vào những năm cuối thế kỷ XX, tình hình mất ổn định tại các xã trong huyện đã ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển nông nghiệp của Vũ Thư. Tuy nhiên, với truyền thống đoàn kết, với tinh thần cách mạng tiến công và tư duy đổi mới, nhìn thẳng vào sự thật, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của quần chúng, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã nhanh chóng sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, ổn định tình hình, lấy lại niềm tin của quần chúng nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách. Với những thành tựu đạt được trong sản xuất nông nghiệp, cùng với những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo là tiền đề quan trọng để Vũ Thư phát huy tiềm năng và thế mạnh của mình, tiếp tục đẩy mạnh có hiệu quả hoạt động phát triển kinh tế nông nghiệp theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng khởi xướng.

## Chương 2

### ĐẢNG BỘ HUYỆN VŨ THƯ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2010

#### 2.1. Kinh tế nông nghiệp ở huyện Vũ Thư giai đoạn 2001-2005

##### 2.1.1. *Quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế nông nghiệp*

Sau 15 năm đất nước tiến hành đổi mới với những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế nông nghiệp đã chứng tỏ đường lối của Đảng là phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, đây cũng là tiền đề quan trọng để Trung ương Đảng tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh hơn nữa phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trên cơ sở nhận định thời cơ và thách thức mới và từ thực tiễn sự nghiệp lãnh đạo cả nước đi lên trong thế kỷ mới, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã diễn ra từ ngày 19-4-2001 đến ngày 22-4-2001. Đây là thời điểm có ý nghĩa trọng đại kết thúc thế kỷ XX và mở đầu thế kỷ XXI, kế tục đường lối đổi mới của Đại hội VI, kiên định những quan điểm theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội VII, tổng kết và đánh giá khách quan 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 10 năm thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991-2001) và 15 năm đổi mới.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đi sâu tổng kết những thành tựu đã đạt được của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc để phát triển hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI. Đại hội đã đưa ra đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Đại hội nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm” [59, tr.25].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã một lần nữa nhấn mạnh đường lối tiếp tục: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn theo

hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của vùng” [59, tr. 168]. Với tinh thần đó, Đại hội đã xác định phương hướng phát triển nông nghiệp thời gian tới sẽ là: “Chuyển đổi nhanh cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế về khí hậu, đất đai và lao động của từng vùng, từng địa phương. Ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhất là ứng dụng công nghệ sinh học, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; hình thành sự liên kết công - nông nghiệp - dịch vụ ngay trên địa bàn nông thôn” [59, tr. 276].

Đại hội xác định con đường CNH, HĐH ở nước ta cần và có thể rút ngắn vừa có những bước đi tuần tự vừa có những bước nhảy vọt. Trong đó, CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn là khâu có vai trò quyết định.

Với tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX và khẳng định hơn nữa việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (ngày 18-3-2002) đã đưa ra Nghị quyết số 15-NQ/TW “Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001-2010”. Nghị quyết đã đưa ra những nhận thức rõ nét về vai trò và vị trí của công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, đồng thời đưa ra những chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó, Nghị quyết còn nêu lên mục tiêu tổng quát và lâu dài của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là: “Xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại” [61, tr. 96].

Về nội dung CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Nghị quyết chỉ rõ:



“CNH, HĐH nông nghiệp là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn công nghiệp chế biến với thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học, đưa thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, tạo sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường.

CNH, HĐH nông thôn là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng; kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, tổ chức lại sản xuất và quan hệ sản xuất, xây dựng nông thôn dân chủ, công bằng, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ở nông thôn” [62, tr. 93-94].

Từ thực tiễn đất nước, từ đường lối CNH, HĐH đất nước được Đảng nêu ra tại Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, các Đại hội VIII, IX đặc biệt là từ kinh nghiệm được rút ra sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, Nghị quyết đã làm rõ hơn những quan điểm của Đảng về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới:

- CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của CNH, HĐH đất nước. Phát triển công nghiệp, dịch vụ phải gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ đắc lực và phục vụ có hiệu quả cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, chú trọng phát huy nguồn lực con người, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học - công nghệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy của từng vùng gắn với thị trường để sản xuất hàng hóa theo quy mô lớn với chất lượng và hiệu quả cao, bảo vệ môi trường, phòng chống, hạn chế và giảm nhẹ thiên tai, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

- Dựa vào nội lực là chính, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc, phát triển mạnh mẽ kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn.

- Kết hợp chặt chẽ các vấn đề kinh tế - xã hội trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nhằm giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của người dân nông thôn, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa và thuần phong mỹ tục.

- Kết hợp chặt chẽ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư các vùng xung yếu, vùng biên giới, cửa khẩu, hải đảo phù hợp với chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia [62, tr. 94-95].

Với những quan điểm của Đảng về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới, kinh tế nông nghiệp tiếp tục đạt thêm nhiều kết quả, thành tựu mới, bộ mặt xã hội nông thôn văn minh hơn và đời sống nông dân ngày càng cải thiện.

Để tiếp tục chỉ đạo thực hiện các chủ trương đổi mới trong quản lý nông nghiệp đặc biệt là tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp, Hội nghị Trung ương 5 khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”. Nghị quyết đã thể hiện sự đổi mới căn bản trong nhận thức của Đảng về kinh tế tập thể trong nông nghiệp. Nghị quyết khẳng định: “Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đặc lực cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển” [62, tr. 98].

Bên cạnh quan điểm về phát triển kinh tế tập thể và mối quan hệ giữa kinh tế tập thể với kinh tế hộ, kinh tế trang trại, Nghị quyết đã tiếp tục khẳng định quan điểm xây dựng các HTX nhiều hình thức được nêu trong Luật HTX (năm 1996) thay vì chỉ có một hình thức hợp tác sản xuất nông nghiệp và một phần thủ công nghiệp như trước đây. Từ nhận thức đó, Nghị quyết đã sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách như: tăng cường cán bộ quản lý, KH - KT về HTX; giao đất cho HTX nông nghiệp xây dựng trụ sở, làm cơ sở sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ tài chính, tín dụng; hỗ trợ khoa học công nghệ, hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng...

Để có những chủ trương cụ thể tiếp tục lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện mới, đầu năm 2004, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã cụ thể hóa một số biện pháp cụ thể: “Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, thâm canh, có năng suất, chất lượng cao, áp dụng tiến bộ và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, gắn với chế biến, tiêu thụ; phát triển mạnh các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ nhỏ và vừa” [63, tr. 90].

Tóm lại, những quan điểm chỉ đạo nói trên không chỉ bảo đảm sự phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, mà còn góp phần quan trọng cho sự phát triển hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa kinh tế và xã hội, an ninh, quốc phòng, môi trường, tăng cường khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đảm bảo cho nước ta phát triển nhanh, bền vững theo định hướng XHCN.

### ***2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ huyện về phát triển nông nghiệp toàn diện***

Nỗ lực vượt qua khó khăn, ổn định tình hình nông thôn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, toàn Đảng, toàn dân Vũ Thư tích cực chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ XXI với những thời cơ và thách thức

mới. Bước vào quá trình đổi mới nông nghiệp, nông thôn cùng với bước đi chung của cả nước, tuy gặp nhiều khó khăn nhưng những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đã chứng tỏ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng nói chung và Đảng bộ huyện Vũ Thư nói riêng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện. Trong quá trình đổi mới hiện nay, bên cạnh những chính sách kinh tế vĩ mô nói chung, kinh tế nông nghiệp cũng được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm và chú trọng đầu tư. Đảng bộ huyện đã có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn để phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng đời sống nông thôn ngày càng văn minh, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương.

Từ ngày 17 đến ngày 19-10-2000, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ XII được diễn ra tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện với chủ đề: “Phát huy nội lực, mở rộng hợp tác đầu tư đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng huyện mạnh về kinh tế - xã hội, ổn định về chính trị, vững mạnh về an ninh quốc phòng” [10, tr. 1]. Đây là Đại hội điểm về cấp huyện của tỉnh Thái Bình nên được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo rất chặt chẽ. Trong phiên khai mạc, Đại hội được đón đồng chí Nguyễn Thị Kim Hồng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương và các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy về tham dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội được tiến hành vào thời điểm có ý nghĩa quan trọng khi mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh Thái Bình nói chung, Đảng bộ và nhân dân huyện Vũ Thư nói riêng cùng với nhân dân cả nước đang phấn khởi đón chào Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, là năm khởi đầu của thế kỷ XXI có ý nghĩa chiến lược cho việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời kỳ mới.

Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI, Báo cáo sơ kết thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong Đảng và cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, đánh giá

ngghiêm túc những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI. Từ đó, xác định phương hướng tổng quát, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể cho việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị nhiệm kỳ 2001-2005. Về phương hướng tổng quát phát triển KT-XH đến năm 2005, Đại hội xác định: “Giữ vững ổn định chính trị xã hội, phát huy nội lực, khai thác tiềm năng về lao động, đất đai, mở rộng hợp tác đầu tư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tích cực đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp, phát triển kinh tế gắn với việc bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” [10, tr. 5].

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII vẫn chú trọng, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH để theo kịp cả nước. Đại hội cũng đề ra mục tiêu chủ yếu phấn đấu đến năm 2005 là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá trị sản xuất) hàng năm từ 8-9%. Trong đó nông - lâm - ngư nghiệp tăng trên 5,1%/năm, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng trên 20,7%/năm, thương mại - dịch vụ tăng trên 14%/năm. Tổng sản lượng quy thóc đạt 135.000 tấn trở lên; bình quân lương thực đầu người đạt 700 kg/người/năm; giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 37 triệu đồng trở lên; thu nhập bình quân đầu người từ 5,5 đến 6 triệu đồng; giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm 1%, tạo công ăn việc làm cho 2-2,2 vạn lao động mỗi năm, hộ thuần nông giảm xuống dưới 30% [10, tr. 8].

Để đạt được những mục tiêu trên, Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho nhiệm kỳ 2001-2005: Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng CNH, HĐH gắn phát triển nông nghiệp với thị trường và công nghiệp chế biến; lấy chất lượng và hiệu quả kinh tế cao nhất trên một đơn vị diện

tích để quyết định phương án sản xuất, tăng nhanh khối lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Đối với kinh tế đồng ruộng, ổn định 20.000 ha lúa của cả năm, đạt năng suất 135 tạ/ha/năm. Chuyển 10-15% diện tích cây lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng cây con có giá trị kinh tế cao hơn. Tập trung vào các vùng ven sông Hồng và một số vùng đất trũng. Phân đầu vụ đông đạt ít nhất 60% diện tích đất canh tác, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, quy hoạch rõ vùng sản xuất lúa, màu, cây công nghiệp, vùng sản xuất vụ đông, lúa cao sản, lúa đặc sản, rau quả... để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch, có chính sách hỗ trợ sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sản xuất tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật. Thực hiện đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật trang thiết bị phục vụ công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến người sản xuất.

Để thực hiện nhiệm vụ trên phải tích cực nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất đai, sớm thiết lập hệ thống bản đồ hành chính và quản lý tốt hồ sơ địa chính. Tạo điều kiện cho nông dân chuyển dịch cây trồng theo dự án chuyển đổi ruộng đất, từng bước khắc phục tình trạng manh mún đất nông nghiệp. Đồng thời, tích cực đổi mới cơ cấu giống, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ mới, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ thực vật. Tích cực chủ động phòng chống lũ, bão, úng trong mọi tình huống; thường xuyên làm tốt việc hướng dẫn kỹ thuật, quy trình sản xuất, hoạch toán kinh doanh cho hộ nông dân. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, trước mắt thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hóa kênh mương, cơ bản hoàn thành cải tạo trạm bơm trục ngang thành trục đứng vào năm 2005, bảo đảm tưới tiêu cho 3 vụ sản xuất trong năm.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế VAC, gắn phát triển kinh tế VAC với giải quyết việc làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống và cải thiện môi

trường sinh thái nông thôn. Cải tạo triệt để vườn tạp, trồng cây có hiệu quả kinh tế cao, chủ yếu là nhãn, vải và một số cây ăn quả quý. Xây dựng làng vườn, xã vườn, làng hoa cây cảnh, mô hình trang trại cây con theo hướng sản xuất kinh doanh khép kín đạt hiệu quả kinh tế cao. Phần đầu nâng giá trị sản xuất từ kinh tế vườn chiếm 20-25% tổng giá trị ngành trồng trọt.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển chăn nuôi, coi trọng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm, thủy sản. Hình thành các vùng chăn nuôi trọng điểm, xây dựng mô hình chăn nuôi gia trại, trang trại. Phần đầu đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm 30% giá trị sản xuất nông nghiệp. Ổn định đàn lợn 90.000 con/năm, sản lượng thịt xuất chuồng 7.500 tấn, trong đó 30% lợn có tỷ lệ nạc cao để xuất khẩu. Đàn trâu, bò bình quân 18.000 con, trong đó bò lai sind chiếm trên 80%, phát triển mạnh đàn vịt, đàn gà siêu thịt, siêu trứng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ và cung cấp cho các khu công nghiệp, thành phố lớn. Trước mắt, Huyện ủy chỉ đạo tập trung giải quyết tốt khâu giống theo hướng “nạc hóa” đàn lợn, “sind hóa” đàn bò, cung ứng các giống gà, vịt, cá có chất lượng cao cho người chăn nuôi. Đồng thời tổ chức chế biến và cung cấp thức ăn công nghiệp. Chú trọng phòng chống dịch bệnh, đẩy mạnh việc phổ biến, hướng dẫn kỹ thuật và các hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực chăn nuôi.

Đối với HTX nông nghiệp, Huyện ủy chủ trương tăng cường, củng cố, xây dựng quan hệ sản xuất mới, tạo điều kiện và môi trường cho các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng XHCN. Thực hiện chuyển đổi HTX theo Luật, với phương châm: Tích cực, thận trọng, hiệu quả, vững chắc trên cơ sở kế thừa và giữ vững ổn định chính trị. Bảo đảm cho các HTX làm tốt các khâu dịch vụ, tạo môi trường thuận lợi giúp các hộ nông dân có điều kiện giúp đỡ nhau, tăng sức mạnh trong sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Đẩy mạnh các hoạt động thương mại và dịch vụ theo hướng đa dạng hóa loại hình, mở rộng sản xuất, chế biến xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và xây

dựng nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2005, tỷ trọng hàng hóa bình quân chiếm 75%, giá trị thương mại dịch vụ tăng 10%/năm, chiếm 20,7% trong tổng giá trị nông - công nghiệp - dịch vụ. Cần tập trung nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ các loại hình dịch vụ: giống cây con, thú y, bảo vệ thực vật, thủy nông... và các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống khác. Khuyến khích phát triển các dịch vụ tìm kiếm việc làm cho người lao động, tích cực tìm đối tác kinh doanh, liên kết, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích những người có vốn, có phương tiện, có kinh nghiệm kinh doanh... phát triển thành những chủ đại lý lớn thu mua, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Nâng cao năng lực tiếp thị, nắm bắt thông tin, bám sát nhu cầu thị trường để điều chỉnh cơ cấu đầu tư và định hướng sản xuất, gắn sản xuất với thị trường và khoa học công nghệ, đảm bảo những sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thịt lợn, long nhãn, mận... có chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Tiếp tục xây dựng thị trấn, thị tứ hình thành các cụm kinh tế đi đôi với phát triển giao thông và mạng lưới chợ nông thôn nhằm gắn sản xuất, chế biến với tiêu thụ sản phẩm.

Đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ, hướng chủ yếu là ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và công tác quản lý. Đây cũng là cơ sở góp phần thúc đẩy nhanh và mạnh hơn nữa quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cũng như đối với các ngành nghề kinh tế khác. Bên cạnh đó, nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân có như vậy mới đảm bảo việc thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Nhằm đưa Nghị quyết số 04 (tháng 6-2001) của Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVI về “Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi” trở thành hiện thực trong cuộc sống, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện 8 dự án chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp: Dự án phát triển trồng dâu nuôi tằm; sản xuất nấm xuất khẩu; trồng cây ăn quả trên đất tận dụng; trồng hòe; nuôi tôm càng xanh; trồng rau màu xuất khẩu; đầu tư thiết bị công nghệ chế biến nông sản; nuôi lợn nái ngoại.



Bốn chương trình kinh tế trọng điểm được huyện xác định tập trung ưu tiên:

*Một là:* Chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, bao gồm: cây lúa, cây màu lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây dược liệu và cây ăn quả; trong đó chú trọng chuyển dịch cơ cấu giống lúa, phát triển trồng nấm và rau quả xuất khẩu; với mục tiêu lấy hiệu quả kinh tế cao nhất trên một đơn vị diện tích để quyết định phương án sản xuất và chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa.

*Hai là:* Chương trình phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản; hình thành các vùng chăn nuôi chuyên canh, mô hình trang trại, gia trại, áp dụng phương thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp. Chú trọng phát triển mạnh về số lượng và chất lượng đàn lợn và đàn bò theo hướng “nạc hóa” đàn lợn, “sind hóa” đàn bò nhằm tạo ra khối lượng hàng hóa lớn.

*Ba là:* Chương trình mở rộng và phát triển làng nghề, xã nghề: Phát huy nghề truyền thống hiện có, đồng thời mở rộng thêm ngành nghề mới với nhiều quy mô, trình độ khác nhau, nhằm khai thác triệt để lợi thế lao động, thúc đẩy phân công lại lao động trên địa bàn huyện, tạo bước chuyển dịch mới về kinh tế - xã hội theo hướng CNH, HĐH. Chú trọng xây dựng các làng nghề trung tâm như: Nghề thêu (xã Minh Lãng), nghề mây tre đan (xã Nguyên Xá), nghề cơ khí (xã Vũ Hội)...

*Bốn là:* Tăng cường hợp tác, đầu tư, tìm kiếm thị trường trong nước và quốc tế để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển. Khuyến khích, ưu đãi đối với tập thể, cá nhân tìm kiếm thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Những chủ trương, đường lối chỉ đạo và những hoạch định cụ thể của Đảng bộ huyện Vũ Thư đã giúp người dân định hướng tốt hơn các hoạt động sản xuất của mình, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trên thực tế, dưới sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, nông nghiệp, nông thôn Vũ Thư đã có những chuyển biến đáng kể, đạt được những thành tựu quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

### ***2.1.3. Quá trình chỉ đạo thực hiện và kết quả***

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, trong 5 năm (2001-2005) Vũ Thư đã có nhiều chủ trương, biện pháp phát triển KT-XH. Với đặc điểm là một tỉnh chủ yếu sản xuất nông nghiệp, đại bộ phận dân số sống bằng nghề nông, để phát triển kinh tế bền vững và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, Huyện ủy Vũ Thư chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tích cực, toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, chuyển mạnh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, trong tình hình thực tế, thực trạng KT-XH vẫn đang đặt ra những khó khăn, thách thức không nhỏ: nền kinh tế vẫn là thuần nông, nhìn chung chưa ra khỏi sản xuất nhỏ, vẫn còn tư tưởng bảo thủ, trì trệ, tổ chức thực hiện chưa triệt để và đồng bộ nên hiệu quả KT-XH chưa cao. Bởi vậy, xây dựng nông thôn mới với mô hình như thế nào và bắt đầu từ đâu là vấn đề lớn, khó khăn, đòi hỏi Đảng bộ phải nắm vững lý luận, những quan điểm, chủ trương của Đảng để tìm ra những giải pháp thích hợp gắn phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, xây dựng nông thôn theo hướng CNH, HĐH.

Đón bắt những thời cơ, nhận diện đúng yêu cầu, thách thức đặt ra, Ban Thường vụ Huyện ủy xác định cần tập trung cao độ sự lãnh đạo, chỉ đạo vào các lĩnh vực, các công việc cụ thể như: Tập trung làm tốt công tác tư tưởng, chính trị, nâng cao nhận thức của mọi người dân, trước hết là nông dân về đường lối đổi mới, về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi, ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Xác định xây dựng nông thôn mới vừa là việc làm mang tính cấp bách, vừa là chiến lược xuyên suốt, trải rộng trên nhiều nội dung, lĩnh vực.

Các cấp ủy, chính quyền xã, thị trấn quán triệt đầy đủ chủ trương của Huyện ủy để từ đó xây dựng đề án sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương mình. Đặc biệt đối với những ngành trọng tâm Huyện ủy đã ra Nghị quyết chỉ đạo thực hiện cụ thể cho phù hợp.

Chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2001-2005 được cụ thể thành các đề án:

- Đề án “Dồn điền đổi thửa - hướng dẫn nông dân chuyển đổi ruộng từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn”, khắc phục tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất, tổ chức lại ruộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm canh, áp dụng KH - KT vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.

- Đề án “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”, nhằm củng cố và phát triển các HTX dịch vụ nông nghiệp hiện có, nâng cao hiệu quả dịch vụ, mở rộng các thành viên kể cả các doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân tham gia trên cơ sở liên kết bốn nhà: nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp để tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển.

- Đề án “Xây dựng cánh đồng đạt 100% diện tích lúa ngắn ngày”, nhằm thực hiện cơ cấu giống lúa mới, loại bỏ dần các giống lúa dài ngày năng suất thấp, tăng các giống lúa ngắn ngày chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Thông qua việc chỉ đạo thực hiện các đề án trên có thể khẳng định rằng Đảng bộ huyện luôn xác định sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn là ưu tiên hàng đầu trong nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế của huyện.

### ***2.1.3.1. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp***

Huyện ủy xác định phải tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, với nhịp độ tăng trưởng bình quân 5%/năm, bền vững theo hướng CNH, HĐH, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa thị trường. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Huyện ủy đã quán triệt tới các cấp ủy Đảng, chính quyền các xã, các ngành, các đơn vị, tổ chức, đảng viên và nhân dân về định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Nét mới trong quá trình chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện trong giai đoạn này là sự chỉ đạo đã tập trung, theo sát từng ngành, từng lĩnh vực nông nghiệp, từng cây trồng, vật nuôi:

### *Ngành trồng trọt*

Ngành trồng trọt là ngành sản xuất chính, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn (năm 2005 chiếm 60% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp), những năm gần đây đã chuyển sang sản xuất hàng hóa theo nhu cầu của thị trường, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Cơ cấu sản xuất cây trồng được chuyển dịch mạnh theo hướng giảm diện tích cây lương thực, tăng diện tích các loại cây rau màu, cây ngắn ngày và cây ăn quả. Tỷ trọng ngành trồng trọt giảm từ 73% năm 2000 xuống còn 61,8% năm 2005. Diện tích gieo trồng năm 2005 đạt 29.006 ha, hệ số sử dụng đất 2,6 lần, tăng 0,2 lần so với năm 2001. Diện tích các loại cây trồng có giá trị cao ngày càng tăng. Năm 2005, diện tích ngô, khoai tây, đậu tương, rau đậu tăng từ 0,5-1,5 lần so với năm 2001. Hơn 384 ha cây lúa kém hiệu quả đã chuyển sang nuôi cá, tôm và trồng cây có giá trị kinh tế cao. Cơ cấu giống lúa, cơ cấu mùa vụ chuyển biến rõ nét. Cuối năm 2003, Huyện ủy đã ra Nghị quyết số 27 về chuyển dịch cơ cấu lúa xuân và sản xuất vụ xuân năm 2004 với hai mục tiêu chính là loại bỏ 100% giống lúa dài ngày, tạo điều kiện cho mở rộng diện tích vụ đông, chuyển 1.000 ha diện tích cây lúa kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao và nuôi trồng thủy sản. Nghị quyết số 27 xác định: Trên cơ sở những thành tựu KH - KT và những tiềm năng thế mạnh của huyện, khai thác tối đa các nguồn lực, thúc đẩy nhanh cơ cấu giống lúa xuân và cây trồng vụ xuân năm 2004 theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm tạo ra bước đột phá về năng suất, sản lượng và giá trị thu nhập cao trên một đơn vị diện tích. Ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu KH-KT, phấn đấu giảm 10-15% diện tích cấy lúa hiệu quả thấp sang gieo trồng các cây rau màu có hiệu quả kinh tế cao và 100% diện tích lúa gieo cấy bằng các giống xuân muộn có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt. Với sự tập trung, lãnh đạo chỉ đạo sát sao gắn với cơ chế hỗ trợ cụ thể về giống, vật tư, tập huấn kỹ thuật, Nghị quyết số 27 đã thật sự đi vào cuộc sống, đạt kết quả tốt. Diện tích lúa ngắn ngày vụ xuân từ 31% năm 2000 tăng lên 95,5% năm 2005. Năng suất lúa vụ xuân năm 2005 đạt 71,21 tạ/ha, cao nhất từ trước tới nay, tăng 1,06 tạ/ha so với vụ xuân năm 2004, giúp Vũ Thư trở thành huyện có tốc độ

tăng năng suất lúa cao nhất tỉnh. Sản lượng lương thực cả năm 2005 đạt 140.620 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 690 kg. Những năm chống Mỹ cứu nước, Vũ Thư là cái nôi của phong trào 5 tấn/ha với ngọn cờ đầu là HTX Tân Phong xã Việt Hùng được Bác Hồ gửi thư khen. Ngày nay, khi chuyển sang cơ chế thị trường, bên cạnh yếu tố năng suất, người lao động cần quan tâm tới yếu tố giá trị và hiệu quả thu nhập trên một đơn vị diện tích để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển. Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 08 của Tỉnh ủy về xây dựng cánh đồng đạt giá trị 50 triệu đồng/ha/năm, thành lập Ban chỉ đạo từ huyện tới cơ sở, thành lập tổ công tác ở những nơi làm điếm, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách cụm, Huyện ủy viên phụ trách xã, các thành viên ban chỉ đạo và tổ công tác thường xuyên bám sát ở cơ sở chỉ đạo, đôn đốc, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, vì vậy phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu/ha phát triển mạnh ở các địa phương. Từ năm 2003 đến năm 2005, toàn huyện đã xây dựng thành công 61 cánh đồng ở 28 xã, đạt giá trị 50 triệu đồng/ha/năm trở lên. Cây vụ đông phát triển nhanh, năm 2005 diện tích đạt gần 6.500 ha, tăng 1.700 ha so với vụ đông năm 2001, góp phần quan trọng đưa giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác năm 2005 đạt 37,6 triệu đồng, vượt mục tiêu Đại hội đề ra. Để phục vụ sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tập trung chỉ đạo chiến dịch thủy lợi đông xuân hàng năm. Vụ đông xuân 2004-2005, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ra Chỉ thị số 23 chỉ đạo chiến dịch thủy lợi đông xuân, huy động toàn bộ lực lượng cán bộ công nhân viên các cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, học sinh các trường dạy nghề, trung học phổ thông, giáo viên các cấp học, ngành học, cán bộ xã, thị trấn và toàn thể nhân dân đồng loạt ra quân lao động xã hội chủ nghĩa làm thủy lợi với trên 33.000 người tham gia, khối lượng đào đắp được 44.000 m<sup>3</sup>, tạo ra khí thế mới trong việc huy động sức dân làm thủy lợi. Vụ đông xuân năm 2004-2005, toàn huyện đã đào đắp, nạo vét được 820.000 m<sup>3</sup> cao nhất từ trước tới nay [7, tr. 268].

### *Ngành chăn nuôi*

Xác định chăn nuôi là hướng chính để tạo bước tăng trưởng đột phá trong sản xuất nông nghiệp, Huyện ủy đã ra Nghị quyết số 28 về phát triển chăn nuôi giai đoạn 2004-2010, chỉ đạo UBND huyện xây dựng đề án, cơ chế chính sách cụ thể hỗ trợ chăn nuôi. Nghị quyết số 28 đã đề ra mục tiêu và giải pháp để “khuyến khích phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, gia trại công nghiệp với mô hình chăn nuôi kết hợp để từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung với số lượng, chất lượng cao, giá thành hợp lý, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Tiếp tục phát triển đa dạng con vật nuôi quy mô hộ gia đình nhằm giải quyết vấn đề lao động, việc làm và nâng cao thu nhập cho nông dân. Chú trọng tiếp thu, nhân rộng các giống lai, giống vật nuôi truyền thống có năng suất, chất lượng cao phù hợp với đòi hỏi của thị trường trong nước và xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình “sind hóa” đàn bò, “nạc hóa” đàn lợn, tập trung khôi phục và phát triển đàn gia cầm. Mở rộng mô hình lúa cá ở các vùng chua trũng trồng lúa hiệu quả thấp. Khai thác có hiệu quả hơn diện tích ao, hồ, đầm có sẵn, mở rộng mô hình nuôi các con đặc sản như hươu, rắn, ba ba, cá chim trắng... để phấn đấu đưa ngành chăn nuôi trở thành ngành kinh tế có thu nhập ngày càng tăng trong sản xuất nông nghiệp [7, tr. 277].

Chăn nuôi có bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng và phương thức sản xuất. Năm 2005 giá trị đạt 252 tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2001, tốc độ tăng bình quân gần 14%/năm. Số lượng và sản lượng đàn gia cầm tăng nhanh. Đàn lợn sau 5 năm tăng 179.532 con, sản lượng tăng gần 1 vạn tấn. Đàn gia cầm tăng trên 700.000 con. Chăn nuôi trâu bò chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa. Đàn lợn nái đã cơ bản chuyển từ giống lợn i sang giống Móng Cái để sản xuất lợn sữa và lợn thịt F1. Đàn gia cầm phong phú về chủng loại. Các mô hình nuôi lợn hướng nạc, ngan Pháp, vịt, gà siêu trứng ngày càng mở rộng. Chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại phát triển nhanh, từ một số mô hình gia trại năm 2001 đến năm 2005 đã có gần 100 trang trại và 2.600 gia

trại, bước đầu hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung cho hiệu quả kinh tế cao. Hai cơ sở sản xuất giống lợn ngoại ở hai xã Tụ Tân và Trung An, tạo tiền đề đẩy mạnh phát triển chăn nuôi lợn trong thời gian tới. Chăn nuôi đã dần theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp với kỹ thuật, công nghệ mới, giống có năng suất, chất lượng cao đã hình thành và phát triển. Một số sản phẩm chăn nuôi đã thành hàng hóa cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

#### *Ngành thủy sản*

Ngành thủy sản có mức tăng trưởng cao nhờ chuyển dịch mạnh cơ cấu sản xuất và ứng dụng tiến bộ công nghệ mới vào sản xuất, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân đề án phát triển thủy sản đã đi vào cuộc sống. Các chỉ tiêu diện tích, năng suất sản lượng năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng trưởng bình quân về sản lượng trên năm là 18,7%. Năm 2005, diện tích nuôi trồng đạt gần 1.500 ha, sản lượng nuôi trồng, đánh bắt 4.240 tấn, đạt giá trị sản xuất 27 tỷ đồng, tăng 22,5% so với năm 2001 [7, tr. 279].

Do hiệu quả kinh tế về nuôi thủy sản, nên trong 5 năm qua nhiều địa phương đã tạo điều kiện cho các hộ nông dân thực hiện việc chuyển đổi ruộng trồng, bãi trồng cấy lúa hiệu quả thấp sang đào ao nuôi thủy sản đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, các vùng chuyên đổi đã bước đầu hình thành hệ thống kinh tế trang trại sản xuất hàng hóa tập trung, tiêu thụ sản phẩm. Các mô hình nuôi thủy sản có hiệu quả đã được nông dân tiếp thu, là động lực quan trọng thúc đẩy việc hình thành các vùng nuôi thủy sản tập trung.

Ngành thủy sản với việc áp dụng tiến bộ KH - KT và đưa giống mới vào sản xuất đã góp phần làm cho năng suất không ngừng tăng, cung cấp nguồn thực phẩm chất lượng tốt phục vụ nhân dân trong huyện, tỉnh, và cả nước. Có được thành tựu trên là do sự lãnh đạo sát sao của Huyện ủy, các cấp các ngành cùng với nhân dân tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ KH - KT về giống, thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi và công tác thú y.

Tuy nhiên, trong những năm qua việc nuôi thủy sản cũng còn gặp một số những khó khăn, sự phát triển của ngành thủy sản chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh. Sản phẩm chăn nuôi chất lượng chưa cao, các cơ sở chế biến còn ít, công nghệ còn lạc hậu, tiêu thụ nội địa là chính, tỷ trọng và giá trị xuất khẩu còn thấp. Chăn nuôi chủ yếu quy mô nhỏ, kinh nghiệm và kỹ thuật của nhân dân còn hạn chế, năng suất, hiệu quả, sản lượng chăn nuôi thấp. Các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giống, thức ăn thủy sản thấp, chưa gắn với nhu cầu thị trường, phần lớn con giống phải mua ở tỉnh ngoài, chi phí vận chuyển cao, cơ quan quản lý Nhà nước không kiểm soát được chất lượng con giống.

### ***2.1.3.2. Về phát triển kinh tế HTX***

Kinh tế HTX ở Vũ Thư đã và đang có vị trí quan trọng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn; góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và ổn định đời sống của đại bộ phận người lao động ở khu vực nông thôn. Kinh tế HTX đóng góp gần 7% vào GDP của huyện. Các loại hình HTX trong từng ngành, từng lĩnh vực đã tham gia tích cực vào quá trình sản xuất, dịch vụ và lưu thông hàng hóa.

Nhận thức được tầm quan trọng của các HTX trong nông nghiệp, Huyện ủy Vũ Thư đã chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Luật HTX nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như phát huy vai trò của HTX. Kết luận số 76-KL/HU của Huyện ủy Vũ Thư tháng 1-2005 đã xác định nhiệm vụ cụ thể đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể trong thực hiện Luật HTX:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động làm chuyển biến nhận thức về các quan điểm phát triển kinh tế tập thể của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, tiếp tục tuyên truyền Luật HTX sửa đổi.

Tập trung củng cố, hoàn thiện HTX hiện có. Nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, rà soát, phân loại các HTX để có biện pháp hỗ trợ kịp thời các HTX yếu vươn lên. Đẩy mạnh phát triển các HTX mới trên cơ sở nhu cầu và



tự nguyện của nông dân nhất là những HTX chuyên ngành, mô hình kinh tế như kinh tế trang trại, thủy sản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Bổ sung quy định hỗ trợ kinh phí tập thể và HTX nông nghiệp về vốn, đầu tư kỹ thuật, giống và tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng liên kết kinh tế giữa các nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp trong phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Hướng dẫn nông dân tổ chức các tổ sản xuất và HTX hoạt động theo Luật sửa đổi. Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng cán bộ một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện Quyết định số 944-QĐ/TU của Tỉnh ủy, Quyết định số 123-QĐ/HU về việc chuyển đổi HTX nông nghiệp theo Luật HTX, toàn huyện đã có 32/33 HTX tiến hành xong các bước chuyển đổi theo Luật HTX. HTX đã vươn lên thể hiện rõ vai trò, vị trí, nhiệm vụ của mình: tự chịu trách nhiệm và chủ động tổ chức, điều hành tốt với 6 khâu dịch vụ phục vụ sản xuất (dịch vụ thủy nông, chuyển giao KH - KT, bảo vệ thực vật, sản xuất giống cây trồng, dịch vụ thú y, dịch vụ quản lý điện nông thôn), đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cung ứng sản phẩm hàng hóa nông nghiệp đạt hiệu quả, tăng quay vòng vốn, có lãi cao. Xây dựng và điều hành tốt các đề án, dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế nông nghiệp, thu hút các chương trình, dự án đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn về địa phương có hiệu quả cao.

Việc chuyển đổi HTX từng bước thể hiện những ưu điểm riêng, điển hình cho việc chuyển đổi là HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Hòa. Từ khi chuyển đổi theo Luật HTX so với trước chuyển đổi đã giảm chi phí đóng góp của xã viên 5,5 kg/sào/năm, tổng doanh thu tăng 500 triệu đồng (trong đó nguồn lãi kinh doanh, bổ sung vào vốn 150 triệu đồng), từ lãi sản xuất kinh doanh đã trích lập quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi xã viên, quỹ khen thưởng xã viên luôn có số dư 60 triệu đồng. HTX chủ động đầu tư nâng cấp một số công trình thủy lợi với số vốn từ 30-50 triệu đồng/năm, đồng thời chủ động xử lý các tình hình rủi

ro, thiên tai như: chống úng, chống hạn, phòng trừ sâu bệnh, giúp xã viên giảm bớt chi phí đầu tư công lao động trong nông nghiệp để có điều kiện mở mang các ngành nghề sản xuất khác, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

Trong hoạt động, các HTX đã xác định rõ chức năng chủ yếu là làm dịch vụ cho kinh tế hộ nên các HTX đã phân định được chức năng quản lý kinh tế của HTX và chức năng quản lý Nhà nước của chính quyền cấp xã, giảm bớt những công việc làm thay chức năng chính quyền, tập trung vào đổi mới cải tiến quản lý. Các HTX đã tiến hành kiểm kê vốn quỹ, làm rõ công nợ, thực hiện quy chế dân chủ công khai kinh tế nội bộ, xóa bỏ bao cấp, giảm chi phí quản lý trên đơn vị diện tích, thực hiện cơ chế gắn mọi nguồn thu của HTX vào kết quả hoạt động dịch vụ.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các HTX đã đảm bảo nguyên tắc thu đủ, bù chi, vừa tạo điều kiện phục vụ tăng trưởng chung của cộng đồng, không chi kinh doanh thuần túy vì lợi nhuận. Vì vậy, mặc dù không còn giữ vai trò trực tiếp điều hành sản xuất nhưng HTX nông nghiệp đã bước đầu phát huy được vai trò hỗ trợ kinh tế hộ phát triển.

HTX nông nghiệp đang đóng vai trò tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Hoạt động của HTX cũng đã góp phần tạo việc làm, thu nhập và ổn định đời sống của đại bộ phận người dân, người lao động ở khu vực nông thôn. Các HTX nông nghiệp đã tổ chức dịch vụ, phục vụ khoảng 80% dân số trong huyện với vai trò quan trọng đặc biệt là các chức năng như chuyển giao KH - KT, tổ chức các dịch vụ chính yếu của sản xuất nông nghiệp.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX, Vũ Thư còn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX. Ngoài ra, huyện còn tổ chức cho cán bộ HTX tham dự các hội chợ, triển lãm ngành nghề nông thôn do Sở nông nghiệp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn nhiều HTX chưa đổi mới nội dung hoạt động theo Luật HTX, chưa làm tốt khâu dịch vụ, thiếu vốn, khả năng cạnh tranh thấp, đội ngũ cán bộ quản lý còn nhiều hạn chế về trình độ, năng lực quản lý nên chưa đáp ứng được tốt nhu cầu của các hộ trong điều kiện nền kinh tế nông nghiệp đang chuyển dần sang hướng kinh tế hàng hóa.

### ***2.1.3.3. Về phát triển kinh tế trang trại***

Để phát triển sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện làm giàu cho nhân dân, Đảng và Nhà nước ta đã khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế trang trại theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế trang trại có nhiều loại hình đó là: trang trại trồng cây hàng năm, trang trại trồng cây lâu năm, trang trại chăn nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại phát triển kinh tế tổng hợp. Mỗi loại hình trang trại lại có những tiêu chí riêng đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục thống kê quy định trong Thông tư Liên tịch số 62/TTLT/BNN-TCTK ngày 20-5-2003.

Với chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã đề ra nhiều biện pháp cụ thể trong tổ chức thực hiện, trong đó đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại là một yếu tố có ý nghĩa quyết định.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, ngành nông nghiệp, những năm qua kinh tế trang trại trong huyện đã phát triển nhanh, đa ngành, hiệu quả theo hướng tập trung, chuyên môn hóa tạo bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Căn cứ vào đặc điểm, vị trí địa lý, đất đai và thực tế phát triển kinh tế trang trại những năm qua trên địa bàn huyện thì hình thức phát triển trang trại chăn nuôi tổng hợp là có hiệu quả cao nhất trong giai đoạn hiện nay. Phát triển trang trại chăn nuôi tổng hợp sử dụng hợp lý ruộng đất, khí hậu, khắc phục tính thời vụ, hỗ trợ cho các ngành phát triển và bổ sung cho nhau, từ đó sử dụng đầy đủ hơn nguồn lực của trang trại, đồng vốn được luân chuyển nhanh và có lợi nhuận cao nhất trên đơn vị diện tích, nâng cao giá trị ngày công lao động, sản phẩm làm ra đa dạng, tạo điều kiện cho việc tiêu thụ

sản phẩm. Những chủ trang trại có vốn lớn, phát triển kinh tế trang trại với sự trợ giúp kỹ thuật trực tiếp của các tổ chức doanh nghiệp chăn nuôi hoặc có thể áp dụng hình thức phát triển trang trại có sự liên kết đầu tư của các doanh nghiệp, chủ trang trại đầu tư xây dựng chuồng trại, công lao động, còn các doanh nghiệp cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y và tiêu thụ sản phẩm.

Các trang trại đã góp phần giải quyết việc làm cho một lực lượng lớn lao động nông thôn. Bình quân một trang trại sử dụng từ 8 đến 10 lao động. Lực lượng lao động trong các trang trại chủ yếu là những lao động thủ công chưa qua đào tạo và làm những công việc giản đơn. Trình độ của lao động còn thấp với khoảng 90% lao động không có chuyên môn.

Kinh tế trang trại nhận được đầu tư từ kinh phí của huyện cho những xây dựng cơ bản, hỗ trợ vốn... đây là những động lực thúc đẩy mô hình này phát triển. Tuy nhiên, cho đến nay việc hình thành kinh tế trang trại vẫn dựa vào khai thác nội lực về vốn của các chủ trang trại. Các trang trại ngày càng được tăng cường đầu tư vốn và không ngừng mở rộng về số lượng, quy mô. Tính đến năm 2005, toàn huyện có gần 100 trang trại, hơn 2.600 gia trại, tổng số vốn đầu tư cho mỗi trang trại là gần 200 triệu đồng. Nguồn vốn này chủ yếu là vốn tự có của chủ trang trại chiếm khoảng trên 70% còn lại là vốn vay ưu đãi ngân hàng.

Giá trị kinh tế mang lại từ kinh tế trang trại không ngừng tăng cao, vượt trội so với kinh tế hộ. Năm 2005, giá trị bình quân mỗi trang trại đạt khoảng gần 100 triệu đồng. Nhiều hộ gia đình với mô hình kinh tế trang trại đã vươn lên làm giàu và giải quyết việc làm cho nhiều lao động trong vùng.

Việc phát triển kinh tế trang trại đã khẳng định ưu thế hơn hẳn kinh tế hộ nông dân về khai thác tiềm năng đất đai, lao động, huy động nguồn vốn... thúc đẩy sản xuất nông sản, thực phẩm hàng hóa phát triển. Hàng năm cung cấp hàng ngàn tấn rau quả, thực phẩm tươi sống và chất lượng cho thị trường trong và ngoài huyện đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, thu hút một lực lượng lao động dư thừa đáng kể ở nông thôn, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho

người lao động. Phát triển kinh tế trang trại góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn tạo ra các vùng sản xuất tập trung, làm tiền đề cho công nghiệp chế biến, đưa công nghiệp và các ngành nghề dịch vụ vào nông thôn, làm thay đổi bước đầu bộ mặt nông thôn.

Những thành tựu đạt được trong những năm 2001-2005 của Đảng bộ huyện Vũ Thư trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp đã phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn, hợp lý, khoa học, sáng tạo. Thông qua những kết quả đạt được đã tạo ra những điều kiện thuận lợi có ý nghĩa quan trọng để Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp nói riêng và các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội nói chung trong thời gian tới.

## **2.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2006 đến năm 2010**

### ***2.2.1. Quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về nông nghiệp, nông dân, nông thôn***

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta đã đạt được những thành tựu toàn diện và to lớn. Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp phát triển còn kém bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, sức cạnh tranh thấp, chưa phát huy tốt nguồn lực cho phát triển sản xuất; nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cách thức sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, phổ biến vẫn là sản xuất nhỏ phân tán; năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng nhiều mặt hàng thấp.

Trước những thuận lợi và khó khăn đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam được triệu tập tại thủ đô Hà Nội từ ngày 18 đến ngày 24-4-2006. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị với chủ đề: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” [65, tr. 8].

Trong báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010, Đại hội khẳng định: “Năm năm qua, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh. Thể chế kinh tế thị trường, định hướng XHCN được xây dựng bước đầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến rất quan trọng. Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường đáng kể; khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng lên. Văn hóa - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả nổi bật. Chính trị - xã hội ổn định, độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững. Thế và lực của đất nước vững mạnh thêm, vị thế quốc tế của nước ta được nâng lên rõ rệt” [65, tr. 52].

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, Đại hội cũng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển cho nền kinh tế - xã hội đất nước trong những năm tiếp theo với mục tiêu tổng quát: “Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Tạo được nền tảng để đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế” [65, tr. 53].

Đại hội khẳng định: “Phát triển nông nghiệp, nông thôn là sự lựa chọn bước đi đúng đắn trong quá trình CNH, HĐH đất nước, đồng thời chủ trương đẩy mạnh hơn nữa CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn” [65, tr. 53-54]. Đồng thời chỉ rõ cần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Bởi hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn vẫn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn coi trọng đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và tạo điều kiện từng bước hình thành nền nông nghiệp sạch, phấn đấu giá trị tăng thêm trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3-3,2%/năm. Tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn tốc độ bình quân cả nước. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng trên cơ sở áp dụng các quy trình sản xuất đồng bộ và tiên tiến, quy hoạch diện tích sản xuất lương thực ổn định, phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng quy mô lớn, an toàn dịch bệnh và bền vững về môi trường. Xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất và chế biến, khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, tự phát.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, phục vụ xuất khẩu và thị trường nội địa đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, chuyển đổi cơ cấu khai thác qua việc lựa chọn ngư trường, loại hình nghề nghiệp và sản phẩm để nâng cao giá trị hàng hóa, sử dụng hợp lý nguồn lợi, giảm chi phí. Nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, nhất là những ngành nghề sử dụng nhiều lao động, coi đây là hướng chính để tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần tăng nhanh thu nhập cho nông dân. Phát triển mạnh công nghệ bảo quản, chế biến, giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch, đồng thời nâng cao nhanh giá trị gia tăng cho các loại nông, lâm, thủy sản, nhất là sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

Thực hiện các giải pháp đồng bộ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, nhất là: đưa nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, có chính sách đủ mạnh để khuyến khích phát triển nhanh các doanh nghiệp và hoạt động dịch vụ ở nông thôn, tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn, tập trung giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc và xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ; tăng cường hệ thống khuyến nông, lâm, ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông, lâm, ngư nghiệp. Triển khai chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, kể cả giống thủy, hải sản đến cơ sở; chuyển giao nhanh và đồng bộ công nghệ tiên tiến trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản; chú ý áp dụng công nghệ cao để sản xuất nông sản, thực phẩm sạch theo tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao. Nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi đặc biệt là gia súc, gia cầm và thủy sản. Xây dựng cơ chế bảo hiểm nông sản để chủ động bù đắp thiệt hại khi bị thiên tai hoặc khi giá cả biến động bất lợi, nhất là đối với lương thực.

Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm ngành nghề và dịch vụ. Tiếp tục điều chỉnh chính sách khuyến khích để các doanh nghiệp và các HTX đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ, nhất là công nghệ chế biến



nông, lâm, thủy sản; giảm nhanh và hết sức hạn chế việc xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chưa qua chế biến. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác; đẩy nhanh việc sắp xếp lại và đổi mới quản lý các nông, lâm trường, phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, phát triển các làng nghề. Khuyến khích nông dân bằng đóng góp quyền sử dụng đất và lao động của mình hợp tác với các doanh nghiệp, HTX, các chủ trang trại để phát triển sản xuất hàng hóa, ổn định và cải thiện đời sống. Khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Tăng đầu tư từ ngân sách Nhà nước và đa dạng các nguồn vốn để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng nông thôn, thúc đẩy cơ giới hóa, hiện đại hóa nông thôn. Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thủy lợi đồng bộ, đi đôi với đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý để khai thác có hiệu quả các công trình đã đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu về nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cho công nghiệp, dịch vụ và nước sinh hoạt ở nông thôn. Củng cố hệ thống hồ, đập, đê, kè ven sông, ven biển, nâng cấp các hệ thống cảnh báo, chủ động phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường nước. Đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng để hoàn thành có chất lượng chương trình cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm các xã đều có đường ô tô tới các khu trung tâm, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn, bản; phấn đấu đến năm 2010, trên 90% hộ dân cư nông thôn đều có điện sinh hoạt, trên 75% dân cư nông thôn đều có nước sạch.

Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân và cho lao động nông thôn, nhất là các vùng Nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các cơ sở phi nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có

việc làm cả trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tại chỗ và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Nhà nước đầu tư nhiều hơn và phát huy khả năng trợ giúp của xã hội để thực hiện tốt xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn, đặc biệt các vùng sâu, vùng xa. Giải quyết ổn định vấn đề lương thực cho các hộ thuộc diện nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với việc giao khoán rừng.

Xây dựng hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tổ chức chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống văn minh, sạch đẹp, gắn với việc hình thành các khu dân cư đô thị hóa. Phát huy dân chủ đi đôi với xây dựng nếp sống văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội ở nông thôn, giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội nhiều chính sách cụ thể đã được ban hành. Ngày 5-8-2008, Nghị quyết số 26- NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã xác định: “Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Để làm được điều đó, trước hết phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường vươn lên của nông dân. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái” [66, tr. 3].

Từ đó, Nghị quyết đã nêu lên nội dung tổng quát, quan điểm và mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Nghị quyết xác định:

“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn được giải quyết

đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình CNH, HĐH đất nước. Trong mối liên hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản, phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt” [66, tr. 5].

Mục tiêu tổng quát và lâu dài về vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn là: “Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn, nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [66, tr. 5-6].

Từ nội dung tổng quát, quan điểm và mục tiêu phát triển đó, Nghị quyết cũng đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp lớn:

- Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị.

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, đặc biệt là vùng khó khăn.

- Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn.

- Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là Hội Nông dân.

Nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Hồng làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngày 14-9-2005, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 54/NQ-TW “Về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2009”. Thực hiện chương trình hành động của Chính phủ số 191/2006/QĐ/TTg ngày 17-8-2006, Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với các ngành và các địa phương có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020”. Đề án nêu rõ: “Phấn đấu đạt trình độ phát triển cao về mọi mặt để tiếp tục khẳng định vai trò là một vùng động lực, đóng góp to lớn vào tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của đất nước, đi đầu và thực hiện thành công sớm CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao rõ rệt mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong vùng, thúc đẩy và hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng còn nhiều khó khăn cùng phát triển. Phấn đấu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ nhanh hơn so với các nước” [86, tr. 32].

Nhìn chung, những quan điểm chỉ đạo trên của Đảng và Nhà nước không chỉ đảm bảo cho việc phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững mà còn góp phần quan trọng cho sự phát triển hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, giữa kinh tế với xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường, tăng cường khối liên minh công nhân - nông dân và đội ngũ trí thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo cho nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng XHCN.

### ***2.2.2. Chủ trương của Đảng bộ huyện về đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp***

Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 và định hướng mục tiêu phát triển đến năm 2020 với nhiều cơ hội và thách thức mới trong quá trình phát triển và hội nhập.

Bước vào quá trình thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, ngoài tình hình chung trong nước và thế giới tác động vào, Thái Bình nói chung và Vũ Thư nói riêng còn có những thuận lợi và khó khăn thách thức phải vượt qua. Những thuận lợi cơ bản là: Tình hình chính trị - xã hội ổn định, kinh tế liên tục tăng trưởng, cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất, trình độ, kinh nghiệm quản lý trên các lĩnh vực bước đầu đã được tích lũy, là tiền đề quan trọng cho bước phát triển trong thời gian tới, công cuộc đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh, cơ chế quản lý từng bước được hoàn thiện, hệ thống quản lý Nhà nước và hệ thống pháp luật đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của quản lý, tạo hành lang thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống đường sá, giao thông có nhiều thuận lợi. Những khó khăn, thách thức đặt ra: Quy mô nền kinh tế nhỏ, trình độ công nghệ và chất lượng lao động còn thấp, chưa có sản phẩm mũi nhọn với sức cạnh tranh cao, nhiều vấn đề xã hội như việc làm, lao động, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường trở nên gay gắt, tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng vẫn là nguy cơ lớn cản trở sự phát triển, thiên tai, dịch bệnh lớn có thể xảy ra...

Trong bối cảnh đó, ngày 6-12-2005, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVII được tiến hành với chủ đề là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khai thác mọi nguồn lực, đổi mới toàn diện, đẩy mạnh CNH, HĐH sớm đưa Thái Bình thoát khỏi tình nghèo và chậm phát triển” [53, tr. 2].

Đại hội cũng đề ra mục tiêu tổng quát là: “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khai thác mọi nguồn lực, đổi mới toàn diện, đẩy mạnh CNH, HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng cường tích lũy nội bộ từ nền kinh tế và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, sớm đưa Thái Bình thoát khỏi tình nghèo và chậm phát triển” [53, tr. 8].

Để thực hiện có hiệu quả những mục tiêu trên, Đại hội đã đề ra một số giải pháp quan trọng, trong đó có các giải pháp nhằm tập trung khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế của tỉnh trong những năm tiếp theo là:

- Tập trung phát triển toàn diện nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH, chuyển mạnh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.
- Phát triển mạnh mẽ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vừa phát triển công nghiệp tập trung, vừa đẩy mạnh phát triển nghề, làng nghề.
- Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống.
- Đẩy mạnh các hoạt động tài chính, ngân hàng, tập trung khai thác các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.
- Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng.

Sau 5 năm (2001-2005) thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, mặc dù còn nhiều khó khăn và phức tạp nhưng với quyết tâm cao độ và sự nỗ lực cố gắng của Đảng bộ và nhân dân Vũ

Thư cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực, nền kinh tế tăng trưởng khá làm cho tình hình văn hóa - xã hội của huyện không ngừng được nâng lên, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Những thành tựu đó đã tạo tiền đề vô cùng quan trọng để Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiếp tục tin tưởng và cố gắng hơn nữa tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo cùng nhân dân trong tỉnh đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 12 đến ngày 15-10-2005, Đại hội Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ XIII được diễn ra, trên cơ sở tổng kết những thành tựu và hạn chế, đồng thời phân tích tình hình thuận lợi và khó khăn của địa phương, Đại hội đã đề ra chủ trương phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2006-2010 là: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, tập trung khai thác và huy động mọi nguồn lực để phát triển toàn diện, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Tích cực vận động và có chính sách thu hút các dự án đầu tư để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch, đẩy mạnh sản xuất hàng nông sản xuất khẩu, tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới” [11, tr. 5].

Đại hội đã xác định một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010 là: Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện đến năm 2010 là 2.890 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm đạt từ 11-13% trở lên. Trong đó giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng 6,02%, công nghiệp xây dựng tăng 24,1%, dịch vụ thương mại du lịch tăng 12,1%. Cơ cấu kinh tế năm 2010 với giá trị sản xuất nông nghiệp 35%, công nghiệp - xây dựng cơ bản 35%, dịch vụ thương mại - du lịch 30%. Năng suất lúa hàng năm đạt 140 tạ/ha trở lên. Hệ số sử dụng đất 2,89 lần. Bình quân giá trị sản xuất 1 ha canh tác đạt 50 triệu đồng. Bình quân thu nhập đầu người năm 2010 đạt 11 triệu đồng [11, tr. 8].

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đó, Vũ Thư đã đưa ra hệ thống những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện cho nhiệm kỳ 2006-2010 và những năm tiếp theo:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp đạt chất lượng, hiệu quả cao và xây dựng nông thôn mới.

- Khai thác lợi thế của từng vùng và đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tiếp tục tạo điều kiện, môi trường thông thoáng, cải tiến các thủ tục và thực hiện chính sách hỗ trợ để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và lao động, hình thành một số mô hình sản xuất công nghệ cao và phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với thị trường tiêu thụ.

- Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn mới nhất là giống mới, thâm canh tăng vụ, bố trí cơ cấu giống, mùa vụ hợp lý, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung về rau sạch, lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản phù hợp với lợi thế của từng địa phương.

- Củng cố, hoàn thiện mô hình HTX trong nông nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và vị thế của các HTX. Tạo điều kiện cho các HTX mở rộng hoạt động dịch vụ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giúp xã viên tiếp cận các nguồn vốn đầu tư, tổ chức sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và thông qua tổ chức này nông dân được hưởng các chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước.

- Chủ động làm tốt công tác phòng chống lụt bão, ngập úng.

- Quan tâm xây dựng nông thôn mới trên các mặt, quy hoạch các thị trấn, thị tứ, khu dân cư. Tạo chuyển biến mạnh trong phát triển các ngành nghề, làng nghề, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Vũ Thư lần thứ XIII, ngày 3-3-2006, Huyện



ủy đã ra Nghị quyết số 01-NQ/HU về “Phát triển nông nghiệp, nông thôn nâng cao đời sống của nông dân và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2006-2010”. Trên cơ sở phân tích những thành tựu và hạn chế của kinh tế nông nghiệp Vũ Thư trong giai đoạn mới, Nghị quyết đã nêu lên những quan điểm có mang tính chiến lược như sau:

Phát triển nông nghiệp, nông thôn nâng cao đời sống của nông dân là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhất là trong điều kiện nước ta gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và hội nhập ngày càng sâu rộng, toàn diện với nền kinh tế thế giới. Để phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân phải phát triển đồng bộ các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó phải phát triển mạnh công nghiệp, lấy phát triển công nghiệp làm nền tảng, đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các lĩnh vực dịch vụ nhằm hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, đồng thời tăng thu ngân sách để tái cơ cấu cho nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn trước hết phải tập trung phát triển lực lượng sản xuất, trong đó chú trọng phát huy nguồn lực con người, tạo môi trường thuận lợi để giải phóng sức sản xuất của mọi thành phần kinh tế và tạo điều kiện cho nông dân chủ động đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển, giữa tăng trưởng kinh tế với ổn định xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, xây dựng nông thôn mới nhằm giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa nông dân và các thành phần xã hội khác, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn với giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nông dân với phương châm: giảm đóng góp, tăng đầu tư, phát triển nông thôn toàn diện [11, tr. 10].

Trên cơ sở đó, Đảng bộ huyện đã đưa ra các mục tiêu phát triển:

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút trí tuệ của đội ngũ trí thức, doanh nhân, phát huy tinh thần cách mạng, tính cần cù, sáng tạo và vai trò trọng yếu của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng CNH, HĐH. Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ nhằm giải quyết việc làm, phân công lại lao động xã hội, trong đó chuyển phần lớn lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, tăng thu nhập từ sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn. Xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh, có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, hệ thống chính trị vững mạnh, xã hội ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững, trật tự an toàn xã hội, môi sinh, môi trường được đảm bảo, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được cải thiện và nâng cao.

Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững. Phát huy lợi thế từng vùng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nông nghiệp đô thị có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả cao trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến và gắn với thị trường. Phát triển mạnh chăn nuôi gắn với an toàn dịch bệnh. Khai thác hiệu quả đất đai, đặc biệt là vùng trũng. Quan tâm củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều, thủy lợi.

Tăng đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội cho nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tập trung ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực, chương trình, công trình trọng điểm, những vấn đề trọng tâm, có tính bức xúc nhất tác động đến đời sống của đông đảo người dân.

### ***2.2.3. Quá trình Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn***

Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu đề ra, nhiệm vụ đặt ra cho các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội trong huyện là phải thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân, huy động sức dân, vì lợi ích nhân dân, tiếp tục triển khai công tác thi đua lao động, sản xuất sâu rộng trong toàn huyện. Coi trọng việc phát động, tổ chức, thực hiện các phong trào thi đua là biện pháp quan trọng thực hiện quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Nghị quyết của Đảng bộ huyện khóa XIII đi vào cuộc sống.

Thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương Đảng khóa X, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVII, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã xây dựng các chương trình, kế hoạch thúc đẩy mô hình kinh tế nông nghiệp phát triển cả về chiều rộng lẫn bề sâu. Trong những năm đầu thế kỷ XXI (2006-2010), kinh tế nông nghiệp Vũ Thư phát triển rộng khắp, bước đầu đạt được những thành tựu cơ bản hết sức quan trọng.

#### ***2.2.3.1. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp toàn diện***

Sản xuất nông nghiệp Vũ Thư giai đoạn 2006-2010 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng theo chiều hướng khá tốt, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu so với Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra.

Tổng giá trị sản xuất bình quân tăng 26%/năm, vượt 13% so với mục tiêu Đại hội đề ra. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp: 23,8%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản: 60,6%, thương mại dịch vụ: 15,6%. Năm 2010, tổng giá trị sản xuất đạt 3.456 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng 33,64%, trong đó nông nghiệp và thủy sản tăng 6,46%, công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng 79,83%, thương mại - dịch vụ tăng 13,71%. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm 25,5%, công nghiệp - xây dựng cơ bản chiếm 58,2%, thương mại - dịch vụ 16,3%. Cơ cấu nội ngành được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản và giảm tỷ trọng ngành trồng trọt. Theo giá cố định năm 2006 tỷ trọng trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản là 60,5% - 32,4% - 7,1%, năm 2010 là 58,2% - 34,4% - 7,4%.

### *Ngành trồng trọt*

Để nâng cao giá trị kinh tế trong sản xuất, Đảng bộ huyện Vũ Thư chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng và xây dựng các vùng sản xuất tập trung cho hiệu quả kinh tế cao. Hướng ưu tiên của Vũ Thư là giữ ổn định diện tích lúa, tăng diện tích trồng các loại cây rau màu có giá trị kinh tế cao. Trong trồng trọt, huyện đã hình thành được nhiều vùng sản xuất lúa thuần chất lượng cao, với diện tích lớn. Huyện đã xây dựng các vùng sản xuất lúa lai tập trung ở các xã Vũ Đoài, Nguyên Xá, Vũ Vân... Các vùng lúa chất lượng đã làm tăng giá trị sản xuất/ha đất canh tác và mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt cả về diện tích, năng suất và chất lượng. Diện tích lúa bình quân đạt 13.000 ha, cơ cấu giống lúa chuyển đổi theo hướng tích cực: lúa ngắn ngày vụ xuân đạt trên 87%, lúa chất lượng cao chiếm trên 26% diện tích. Mặc dù diện tích gieo trồng giảm, điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn do yếu tố thời tiết và tình hình sâu bệnh diễn biến phức tạp song sản xuất lúa luôn giữ được năng suất cao. Năm 2006 năng suất lúa đạt 135 tạ/ha/năm, năm 2010 đạt 142 tạ/ha/năm. Tổng sản lượng quy thóc tăng nhanh đưa giá trị sản xuất của ngành trồng trọt tăng mạnh. Trong 5 năm (2006-2010), toàn huyện đã thực hiện chuyển đổi 310,5 ha từ cây lúa kém hiệu quả sang trồng các cây, con có giá trị cao và phần lớn các diện tích chuyển đổi đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, trong đó có gần 50% diện tích đạt giá trị sản xuất từ 90 triệu đồng/ha trở lên. Có được những kết quả to lớn đó là do chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng và mùa vụ đồng thời do công tác chỉ đạo các địa phương gieo trồng, chăm sóc và bảo vệ cây vụ đông đúng kỹ thuật. Trên địa bàn huyện xuất hiện một số vùng chuyên canh rau màu điển hình như các xã Hồng Phong, Duy Nhất, Vũ Đoài... Sản phẩm của ngành trồng trọt đã gắn với thị trường tiêu thụ và các công ty chế biến lương thực - thực phẩm.

### *Ngành chăn nuôi*

Ngành chăn nuôi của huyện trong 5 năm (2006-2010) bị giảm sút mạnh do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, dịch bệnh lở mồm long móng, rối loạn sinh sản và hô hấp trên đàn lợn. Giá thức ăn chăn nuôi cao nhưng giá bán sản phẩm chăn nuôi thấp và không ổn định đã ảnh hưởng lớn đến tốc độ phục hồi và phát

triển chăn nuôi sau dịch. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch nên đã giảm mức thiệt hại do dịch bệnh gây ra. Công tác thú y được thực hiện tốt, nghiêm túc thực hiện quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, không đầu dịch, phát hiện sớm, khoanh vùng bao vây, dập dịch kịp thời, hạn chế lây lan sang các điểm khác, vùng khác. Phối hợp với Sở Nông nghiệp tỉnh Thái Bình, huyện đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi: hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ đàn lợn nái cho các hộ gia đình, hỗ trợ thiết bị tiên tiến cho trại chăn nuôi tập trung. Các chính sách trên đã thúc đẩy chăn nuôi phát triển nhanh theo hướng sản xuất tập trung, trong đó các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao được đưa nhanh vào sản xuất. Số lượng đàn gia súc, gia cầm của Vũ Thư tăng trưởng khá về số lượng và chất lượng. Đến năm 2010 tổng số đàn lợn đạt 91.300 con, trong đó tỉ lệ lợn nái chiếm 10,2%, tỷ lệ lợn hướng nạc chiếm 54%. Toàn huyện có 11.234 con trâu và 15.800 con bò, đàn trâu có xu hướng giảm, đàn bò tăng 2,6%/năm. Hiện tại vấn đề cày kéo đã được cơ giới hóa nên trâu bò nuôi chủ yếu là giết thịt và sinh sản. Chăn nuôi gia cầm đã có bước thay đổi, tỷ lệ gia cầm nuôi theo phương thức công nghiệp chiếm 30-35% so với tổng đàn. Tổng đàn gia cầm có xu hướng giảm, năm 2006 là 850.000 con, đến năm 2010 là 600.000 con do bị ảnh hưởng bởi dịch cúm gia cầm nên tốc độ tăng đàn bị ảnh hưởng và sản xuất cầm chừng. Được huyện hỗ trợ về vốn, giống, khoa học công nghệ nên nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư xây dựng mô hình chăn nuôi lớn gắn với thị trường tiêu thụ. Tính đến năm 2010, toàn huyện có gần 500 trang trại và 1.860 gia trại chăn nuôi, đưa giá trị sản xuất ngành chăn nuôi bình quân đạt 12,5%/năm, tiêu biểu là các xã Vũ Đoài, Tân Phong, Hồng Lý...

#### *Ngành thủy sản*

Trong giai đoạn từ năm 2006-2010, mặc dù sản xuất nông nghiệp có nhiều biến động không thuận lợi, làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của các ngành trồng trọt, chăn nuôi, tuy nhiên ngành thủy sản vẫn luôn ổn định và phát triển, diện tích, năng suất, sản lượng tăng đều qua các năm.

Một điểm mới trong nuôi trồng thủy sản từ năm 2006, với chủ trương chuyển đổi diện tích cây lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, bên cạnh đó được huyện hỗ trợ về giống, vốn, kỹ thuật... nên tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2006 đạt 1.080 ha, đến năm 2010 tăng lên 2.989 ha.

Do diện tích nuôi trồng thủy sản ngày càng được mở rộng, trình độ thâm canh ngày càng được nâng cao nên sản lượng thủy sản cũng tăng lên mạnh mẽ. Năm 2006, sản lượng đạt 2.089 tấn, đến năm 2010 là 3.134 tấn, trong đó hơn 90% là nuôi thả cá. Giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng bình quân 12,7%/ năm.

### ***2.2.3.2. Phát huy tính năng động, sáng tạo và chăm lo đời sống của nông dân***

Trong nông nghiệp và nông thôn, vấn đề nông dân luôn có vị trí đặc biệt quan trọng và được Đảng ta xác định là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam. Nông dân là lực lượng lao động chủ yếu trong ngành nông nghiệp, là nguồn nhân lực dồi dào, quan trọng, quyết định sự thành công trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Với tư cách là chủ thể, là lực lượng nòng cốt và chủ yếu trực tiếp tham gia vào quá trình này, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã khơi dậy được sự cố gắng, lòng nhiệt tình, tính năng động, tích cực sáng tạo của nông dân trên địa bàn huyện. Bởi mỗi bước phát triển của nông nghiệp và nông thôn suy cho cùng cũng là nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân.

Với chủ trương “Nông dân là mục tiêu, là động lực phát triển của nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp và nông thôn là do nông dân và vì nông dân”. Trong quá trình tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, nông dân Vũ Thư đã thực sự phát huy vai trò là nguồn lực to lớn trong việc tiến hành chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tiến tới xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng: tiếp tục phát triển mạnh nông nghiệp, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và các hoạt động dịch vụ. Điều này đòi hỏi người nông dân trong huyện phải mạnh dạn xóa bỏ cách nghĩ, cách làm cũ, thói quen tiểu nông, phải năng động nắm bắt nhu cầu của thị trường, đồng thời cũng cần có vốn, kỹ thuật, lao động để thực hiện bước chuyển đổi.

Trong những năm 2006-2010, nhờ áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật, nông dân Vũ Thu đã sản xuất ra nông sản ngày càng nhiều, chất lượng cao đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng trong toàn huyện và xuất khẩu. Qua đó, nông dân trong huyện có điều kiện nâng cao thu nhập, tích lũy vật chất, ổn định cuộc sống và góp phần làm cho bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, tạo cơ sở cho việc chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp. Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh phát triển công tác khuyến nông nhằm đào tạo, nâng cao kiến thức cho nông dân trong toàn huyện. Hỗ trợ cho các trang trại, hợp tác xã, hộ sản xuất tư nhân ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ mới cho nông dân. Xây dựng hệ thống thú y, bảo vệ thực vật, dịch vụ kỹ thuật tới các xã đủ mạnh để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả. Phát triển ngành nghề và làng nghề với mục tiêu hướng tới là đào tạo nghề cho lao động trẻ và giải quyết lao động dư thừa trong nông nghiệp, nông thôn; qua đó không tạo ra căng thẳng về tình trạng di cư ồ ạt đi các nơi khác tìm việc làm, thực hiện: “Rời ruộng - không rời làng”, “Ly nông bất ly hương”. Phát triển làng nghề để góp phần trực tiếp vào việc cải thiện phương thức lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn.

Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, trước hết là đường giao thông tới các xã, thôn xóm, nhằm tạo điều kiện đi lại và giao lưu hàng hoá thuận lợi, cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt. Phát triển giáo dục, y tế, văn hoá ở nông thôn, trong đó chú trọng phát triển hệ thống y tế cơ sở, xây dựng các trạm y tế với đủ trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia. Hỗ trợ tích cực để nông dân có bảo hiểm y tế, được hưởng thụ các dịch vụ y tế nhiều hơn với chất lượng tốt hơn.

Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ở nông thôn gắn với thực hiện pháp lệnh dân chủ ở các xã và thị trấn trên địa bàn huyện. Xây dựng và thực hiện tốt các hương ước, quy ước cộng đồng; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc; xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc, thực hiện nếp

sống văn minh, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh và đẩy lùi các tệ nạn xã hội trong toàn huyện. Thông qua đó, phát huy truyền thống tương thân, tương ái, tình làng, nghĩa xóm tốt đẹp, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn; xây dựng gia đình nông dân thực sự trở thành tế bào lành mạnh của xã hội; xây dựng cộng đồng nông thôn ổn định về chính trị, có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn trên địa bàn huyện.

Để đạt được những thành tựu trên, Hội nông dân các xã trong huyện đã phát huy vai trò là tổ chức chính trị - xã hội của mình, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và hỗ trợ nông dân, thường xuyên tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nông dân, những đòi hỏi bức xúc của cơ sở; thực sự chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên nông dân, đồng thời tạo điều kiện cho họ được học tập, lao động, nâng cao trình độ về mọi mặt, thi đua xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế, thực hiện tốt dân chủ, đời sống vật chất, tinh thần không ngừng được cải thiện, nâng cao, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và ổn định kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

### ***2.2.3.3. Gắn phát triển kinh tế nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới***

Xây dựng nông thôn mới được coi là một trong số những nhiệm vụ trọng tâm của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Ngày 5-8-2008, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” với mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường” [66, tr. 12].

Nhằm quán triệt và cụ thể hóa tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, trong chương trình số 07-CT/HU (ngày 9-10-2008) của Huyện ủy Vũ Thư về “Đẩy mạnh CNH, HĐH nông



nghiệp, nông thôn và sớm hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới”, đã xác định các tiêu chí cơ bản: “Xây dựng nông thôn có kết cấu kinh tế hợp lý, có quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại, giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh” [12, tr. 8].

Mặc dù chương trình xây dựng nông thôn mới là chương trình mới với nhiều địa phương trong cả nước, nhưng đối với tỉnh Thái Bình nói chung, huyện Vũ Thư nói riêng, trong những năm qua dưới sự chỉ đạo và quan tâm của Tỉnh ủy, Vũ Thư đã tập trung thực hiện có hiệu quả xây dựng nông thôn mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội.

#### *Về chính trị*

Huyện ủy đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên từ huyện đến cơ sở, thấm nhuần sâu sắc về quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng. Thường xuyên bồi dưỡng quan điểm, đường lối của Đảng về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, phân công nhiệm vụ và quản lý đảng viên. Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII. Với việc tiếp tục thực hiện, triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhằm đưa tự phê bình và phê bình trở thành nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt. Những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên được kịp thời chấn chỉnh, các vụ việc tham nhũng, lãng phí, quan liêu được đẩy lùi góp phần giữ vững ổn định tình hình chung của Đảng bộ huyện. Việc đánh giá, phân loại đảng viên sâu sát và cụ thể hơn, kết quả phân loại năm 2010, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ đạt 98%, đảng viên vi phạm tư cách, chưa hoàn thành nhiệm vụ chiếm

2%. Tổ chức thực hiện tốt Quy định số 76 của Bộ Chính trị về giới thiệu đảng viên ở cơ quan về giữ mối liên hệ và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Công tác kết nạp, phát triển đảng viên trẻ có nhiều chuyển biến tích cực đảm bảo số lượng và chất lượng.

Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường. Từ năm 2006-2010, đã tiến hành 5 cuộc kiểm tra, 5 cuộc giám sát tại 32 Đảng bộ xã, thị trấn và 64 chi bộ, Đảng bộ trực thuộc trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, Nghị quyết và Chỉ thị của Đảng thuộc các lĩnh vực: Thực hiện cải cách hành chính, lãnh đạo sản xuất, xây dựng giao thông nông thôn, xây dựng làng, cơ quan, đơn vị văn hóa, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, quản lý và sử dụng đất đai, kiểm tra việc thực hiện cuộc vận động: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Quá trình kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng quy trình, đúng nguyên tắc, thủ tục, kết luận rõ ràng, xử lý kịp thời các vấn đề vướng mắc góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của các cấp ủy Đảng.

#### *Về kinh tế*

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong 5 năm (2006-2010) có tốc độ tăng trưởng khá nhanh. Năm 2010, ngành tiểu thủ công nghiệp tăng 86,7% so với năm 2006, trong đó kinh tế tư nhân là 170 tỷ, kinh tế cả thể là 345 tỷ, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 1.256 tỷ. Nhờ có chính sách phù hợp nên huyện đã thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất: năm 2006 tổng các dự án đầu tư vào huyện là 23 dự án, năm 2010 đã có 95 dự án với tổng số vốn là 980 tỷ. Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU về phát triển làng nghề, huyện đã mở rộng quy mô nghề hiện có và tiếp thu các nghề mới về phát triển tại địa phương. Năm 2010, toàn huyện có 29 làng nghề, tăng 12 nghề so với năm 2006. Giá trị sản xuất trong làng nghề chiếm khoảng 40% giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương, một số nghề được đầu tư máy móc, thiết bị, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ tăng bình quân 12,8%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2010 đạt 1.786 tỷ, tăng 29%, giá trị xuất khẩu đạt gần 6 triệu USD. Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là gạo, lợn sữa, hàng may mặc, ớt, cà chua... Huyện đã tập trung xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, công nghiệp, hoạt động kinh doanh của các chợ đầu mối và chợ nông thôn, các trung tâm kinh doanh thương mại được tổ chức có hiệu quả.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đối với sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nói riêng, trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đáp ứng nhu cầu phát triển.

Về giao thông nông thôn: Đã kiên cố hóa được hơn 350 km/520 km đường giao thông nông thôn với tổng số vốn đầu tư là 121,8 tỷ đồng, đạt 81,8% so với mục tiêu Nghị quyết (Mục tiêu NQ-05/HU là 85% trở lên).

Về thủy lợi: Kiên cố hóa được 111,8 km kênh mương với số vốn đầu tư là 86,8 tỷ đồng (đạt 87% mục tiêu đề ra), đầu tư cho các vùng khó khăn công trình về nguồn nước là 56,8 tỷ đồng.

Dịch vụ bưu chính viễn thông: Huyện đã tập trung cải tạo, nâng cấp và xây mới hệ thống truyền tải, nâng cấp trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc kịp thời, năm 2006 huyện có tổng số máy thuê bao là 11.345 máy, bình quân 6,1 máy/100 dân đến năm 2010 toàn huyện có 189.046 thuê bao điện thoại cố định và di động, đạt mật độ 56 máy/100 dân. Đường thư bưu chính, phát hành bưu cục đảm bảo, chính xác an toàn, đúng thời gian, đáp ứng yêu cầu của nhân dân và nhiệm vụ của ngành.

Dịch vụ tài chính - tín dụng ngân hàng: Kho bạc Nhà nước thực hiện tốt các biện pháp quản lý, giám sát theo chức năng nhiệm vụ, đảm bảo an toàn kho quỹ, đáp ứng các nhu cầu tiền mặt phục vụ các nhiệm vụ chi trên địa bàn, phát hiện và bổ sung các thủ tục cho các khoản chi của các đơn vị góp phần kiểm chế lạm

phát trong chi tiêu ngân sách. Hoạt động của các tổ chức tín dụng, ngân hàng khá tốt, tổng thu ngân sách Nhà nước các năm không ngừng tăng, nguồn vốn tín dụng huy động bình quân đạt 300,8 tỷ đồng/năm, cho vay bình quân đạt 254,3 tỷ đồng/năm, thu trên địa bàn bình quân hàng năm tăng 9,2%, việc thực hiện các nguồn chi hợp lý và hiệu quả hơn.

#### *Về xã hội*

Từ nhận thức giáo dục là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xác định: “Tập trung làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức cho cán bộ, đảng viên và toàn dân hiểu rõ vai trò, vị trí của giáo dục, tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện trong phát triển giáo dục, đảm bảo cân đối giữa ngành học, cấp học, tăng cường chất lượng và hiệu quả lãnh đạo giáo dục” [12, tr. 15]. Đến năm 2010, toàn huyện có 190 cơ sở giáo dục, với trên 78.000 học sinh, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Đã hoàn thành việc sát nhập nhà trẻ với mẫu giáo thành trường mầm non, 32 trường mầm non đã huy động được 66,5% số cháu vào nhà trẻ, 95% số cháu vào mẫu giáo. Toàn huyện có 35 trường tiểu học với 20.987 học sinh, 34 trường trung học cơ sở với 20.246 học sinh, 6 trường trung học phổ thông, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên, 1 trung tâm hướng nghiệp dạy nghề. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên dần, chất lượng phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở được duy trì tốt năm sau cao hơn năm trước. Chất lượng học sinh giỏi có sự chuyển biến tốt ở tất cả các bậc. Học sinh đỗ các trường cao đẳng, đại học năm sau cao hơn năm trước. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đang được tăng cường theo hướng chuẩn hóa. Sự tiến bộ trong công tác lãnh đạo, phát triển giáo dục dựa trên cơ sở tiếp nối và khơi dậy truyền thống hiếu học của quê hương kết hợp với những biện pháp thúc đẩy động lực

của các cấp, các ngành là những biện pháp hữu hiệu được Đảng bộ huyện đúc rút phục vụ cho việc hoạch định chiến lược thu hút, bồi dưỡng nhân tài nhằm phát huy nguồn lực nhân văn của huyện.

Y tế: Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, cùng với sự kết hợp của các cấp, các ngành, hệ thống y tế từng bước được củng cố, phát triển, chủ động phòng chống dịch bệnh không để xảy ra dịch lớn. Các chương trình y tế có mục tiêu được duy trì và nâng dần chất lượng, tỷ lệ tiêm chủng hàng năm mở rộng đạt 99,9%. Ngành y tiếp tục tập trung triển khai thực hiện hiệu quả chiến lược bảo vệ sức khỏe cho nhân dân theo chủ trương của Chính phủ và Đề án của UBND tỉnh Thái Bình. Toàn huyện đã có 15 xã đạt Chuẩn quốc gia về y tế. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được các cấp, các ngành và mọi người dân trong huyện tích cực thực hiện nên vẫn duy trì được kết quả cao. Các mục tiêu và chiến lược dân số được giữ vững, chất lượng dân số được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ sinh giảm từ 1,4% năm 2006 xuống còn 0,9% năm 2010. Các mục tiêu về chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí cho trẻ em ngày càng được quan tâm và tổ chức thực hiện tốt, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 20,8% năm 2006 xuống còn 19,1% năm 2010.

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) được đẩy mạnh và ngày càng đi vào chiều sâu. Trong năm 2006 toàn huyện có 56.489 gia đình đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, 165 dòng họ đăng ký xây dựng dòng họ văn hóa. Có 145/254 làng xây dựng được quy ước, hương ước, trong đó 102 làng đã đăng ký xây dựng đạt danh hiệu làng văn hóa các cấp. UBND huyện đã có quyết định công nhận và khen 32 đơn vị đạt danh hiệu làng văn hóa, cơ quan văn hóa cấp huyện, trong đó có 12 làng và 2 cơ quan đạt danh hiệu thôn, làng, cơ quan văn hóa cấp tỉnh. Tiếp tục triển khai quyết định số 2080 của UBND tỉnh về thực hiện nếp sống văn hóa, đến năm 2010, có 198/265 thôn, làng, 67 cơ quan, đơn vị, 267 dòng họ và 67.789/70.987 hộ gia đình đăng ký xây dựng đời sống văn hóa mới. Công tác quản lý Nhà nước

về các hoạt động lễ hội, quản lý các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn huyện và thanh tra kiểm tra các hoạt động văn hóa được chú trọng thực hiện nghiêm túc. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức hoạt động lễ hội được các địa phương thực hiện nghiêm túc và đã đi vào nền nếp. Đời sống văn hóa mới đã thấm sâu vào cuộc sống của nhân dân, là một động lực quan trọng và bền vững của các phong trào cách mạng tại địa phương.

Công tác thể dục, thể thao tiếp tục phát triển cả về thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, là đơn vị dẫn đầu của tỉnh (5 năm liền), Đại hội thể dục thể thao của huyện và các đơn vị diễn ra sôi nổi, giáo dục thể chất trong các nhà trường được duy trì nề nếp, đã tổ chức được 200 giải của các bộ môn, tham gia 34 giải tỉnh, đạt 41 huy chương vàng, 27 huy chương bạc, 28 huy chương đồng.

Các chính sách xã hội được thực hiện có hiệu quả, đã và đang trở thành phong trào xã hội hóa rộng lớn. Chế độ, chính sách đối với người có công, chính sách hậu phương, quân đội, chính sách bảo hiểm xã hội cùng các hoạt động nhân đạo, từ thiện... được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo. Thực hiện Nghị quyết số 09 của Tỉnh ủy về xóa nhà ở dột nát cho hộ nghèo. Trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2010, Huyện ủy đã tích cực vận động các nguồn lực và đã xây dựng được 1.085 căn nhà tặng hộ nghèo, hộ chính sách, cơ bản hoàn thành việc xóa nhà ở dột nát cho hộ nghèo.

Trên lĩnh vực giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc của huyện luôn được duy trì tốt với phương châm hướng về cơ sở, phát huy sức mạnh tổng hợp giải quyết nhiều vấn đề nảy sinh, phức tạp về an ninh trật tự, nhất là an ninh nông thôn. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng, hầu hết các đơn thư khiếu tố được giải quyết kịp thời, đúng luật. Các khối ngành nội chính đã phối hợp chặt chẽ, nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời tập trung giải quyết có hiệu quả các vụ việc phức tạp phát sinh từ cơ sở.

## ***Tiểu kết chương 2:***

Trong những năm 2001-2010, trên cơ sở vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh ủy Thái Bình về phát triển nông nghiệp, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Nền kinh tế phát triển ổn định đạt tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Nông nghiệp của huyện đã và đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả và bền vững. Các hoạt động sản xuất và dịch vụ trong nông nghiệp phát triển đã tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa nông dân và các thành phần xã hội khác. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được nâng lên, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, khối đại đoàn kết trong toàn dân được củng cố.

Với những thành tựu đạt được trong 10 năm rất đáng tự hào, song cũng còn những tồn tại, hạn chế cần được khắc phục: Đảng bộ huyện chưa lường hết được những khó khăn, thách thức trong điều kiện mới nên nhiều mục tiêu, kế hoạch đề ra khá cao, việc tổ chức lãnh đạo thực hiện mặc dù đã cố gắng nhưng vẫn chưa hoàn thành, chưa kịp thời “đồng bộ hóa” các văn bản có tính pháp quy. Điều đó đòi hỏi Đảng bộ huyện trong thời gian tới phải có những chủ trương đúng đắn, kịp thời nhằm phát huy những thành tựu, khắc phục khó khăn, thử thách vươn lên hoàn thành mục tiêu xây dựng Vũ Thư trở thành huyện vững mạnh của tỉnh.

## Chương 3

### NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHỦ YẾU

#### 3.1. Nhận xét chung

##### ***3.1.1. Kinh tế nông nghiệp huyện Vũ Thư những năm 1996-2010 đã đạt được những thành tựu quan trọng***

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Thái Bình về phát triển kinh tế nông nghiệp, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã từng bước quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương và đường lối trên phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Nhờ đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự sáng tạo của Đảng bộ huyện Vũ Thư và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong huyện mà kinh tế nông nghiệp Vũ Thư đã khắc phục được những khó khăn, thử thách và gặt hái được những thành tựu quan trọng, góp phần đáng kể vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện.

Một là, *quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư từ năm 1996 đến năm 2010 đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tích cực, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hiệu quả và bền vững.*

Công cuộc phát triển nông nghiệp theo con đường CNH, HĐH đã thúc đẩy sự chuyển biến trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Nhận thức rõ vấn đề đó, Đảng bộ tỉnh Thái Bình nói chung và Đảng bộ huyện Vũ Thư nói riêng đã thường xuyên coi trọng đến các chủ trương thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Đó là phát huy vai trò kinh tế hộ và khai thác tốt tiềm năng đất đai, lao động của huyện, đổi mới hình thức quản lý trong nông nghiệp, đẩy mạnh áp dụng KH - KT vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi, xây dựng các mô hình tiên tiến mang lại hiệu quả kinh tế cao. Những quan điểm chỉ đạo trên đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của việc đổi mới nền nông nghiệp truyền thống vốn mang tính chất nhỏ lẻ, phân tán, cơ cấu lạc



hậu, mối liên hệ giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa hạn chế, phần lớn lao động có trình độ thấp và lệ thuộc vào mùa vụ... nhằm xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tập trung, ứng dụng tiến bộ KH - KT, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH. Từ năm 1996 đến năm 2010, cơ cấu giá trị tổng sản phẩm ngành nông nghiệp có sự chuyển biến đáng kể: trồng trọt giảm tỷ trọng từ 79,1% năm 1996 xuống còn 64,5% năm 2010, thay vào đó tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu tổng sản phẩm nông nghiệp tăng từ 19,7% năm 1996 lên 30,2% năm 2010, dịch vụ nông nghiệp có xu hướng tăng từ 1,2 % năm 1996 lên 5,3% năm 2010.

*Về trồng trọt:* Ngành trồng trọt vẫn là ngành sản xuất chính, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, những năm gần đây đã có sự chuyển dịch dần sang sản xuất hàng hóa theo nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Vũ Thư thực hiện đa dạng hóa cây trồng, tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng giảm diện tích cây lương thực, tăng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau màu... Do vậy, diện tích giữa các nhóm cây trồng có sự thay đổi đáng kể. Diện tích trồng lúa đặc biệt là những diện tích có năng suất thấp đã giảm. Diện tích các cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau màu tăng nhanh, đặc biệt là các cây rau màu vụ đông.

Bên cạnh việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ và cơ cấu giống cũng có sự thay đổi rõ rệt được thực hiện ngày càng rộng rãi và dần trở thành tập quán sản xuất. Diện tích lúa xuân muộn, lúa mùa sớm, cây vụ đông tăng nhanh. Ngoài ra các tiến bộ kỹ thuật mới đã được tăng cường ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng nông sản đã góp phần làm tăng giá trị sản lượng của trồng trọt.

*Về chăn nuôi:* Nhìn chung có bước phát triển nhanh chóng và có sự chuyển dịch theo hướng sử dụng lợi thế và tiềm năng của huyện, phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp. Sự chuyển dịch này thể hiện ở chỗ đưa vào sản xuất và tăng nhanh các con giống lai đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngành chăn nuôi được đẩy mạnh theo hướng chăn nuôi công nghiệp với hàng ngàn hộ nông dân chăn nuôi gia cầm với quy mô hàng trăm con trở lên, hàng trăm hộ chăn nuôi lợn lai, bò nhập ngoại. Xây dựng ngành chăn nuôi trở thành ngành kinh tế hàng hóa quan trọng trong nông nghiệp nhằm cung cấp thịt, trứng, sữa cho các khu công nghiệp trong huyện, tỉnh, và xuất khẩu tăng thêm giá trị của sản phẩm nông nghiệp. Đẩy mạnh chăn nuôi thâm canh và bán thâm canh, ứng dụng tiến bộ KH - KT.

Ngành thủy sản có mức tăng trưởng cao nhờ chuyển dịch mạnh cơ cấu sản xuất và ứng dụng tiến bộ công nghệ mới vào sản xuất. Thực hiện các Nghị quyết của Đảng bộ huyện, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm chỉ đạo, được nhân dân đồng tình hưởng ứng các đề án phát triển thủy sản đã đi vào cuộc sống. Các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng năm sau cao hơn năm trước, các cơ sở sản xuất giống đã được quan tâm nâng cao chất lượng chủng loại bằng việc bổ sung tập đoàn cá năng suất, chất lượng cao như cá rô phi đơn tính, cá chim trắng, tôm càng xanh... Bên cạnh việc nuôi theo hình thức quảng canh truyền thống, hộ nông dân đã áp dụng các hình thức nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp. Những năm gần đây ngành thủy sản đã có mô hình nuôi tôm, cá tập trung ở tại các xã gần sông Hồng tạo ra lượng hàng hóa lớn cung cấp cho thị trường trong huyện, tỉnh và các vùng lân cận.

*Hai là, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp Vũ Thư đã có sự đổi mới và kết hợp nhiều mô hình tổ chức sản xuất.*

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng: Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế. Huyện ủy Vũ Thư luôn xác định phải tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp.

### *Về kinh tế hộ và kinh tế trang trại*

Hộ gia đình được xác định là đơn vị kinh tế cơ sở, vừa là một đơn vị sản xuất, vừa là một đơn vị tiêu dùng. Trong phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện, kinh tế hộ phát huy vai trò tự chủ từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa nhưng còn ở quy mô nhỏ với đa dạng sản phẩm. Sự phát triển năng động, sáng tạo của kinh tế hộ gia đình đã làm xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình, nhân tố mới trong sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả được huyện và tỉnh đánh giá cao.

Đối với kinh tế trang trại, đây được coi là nhân tố mới, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Phát triển kinh tế trang trại là hướng đi đúng đắn, hợp quy luật, thúc đẩy khai thác tiềm năng, phát huy nội lực để phát triển nông thôn theo hướng CNH, HĐH góp phần tạo ra nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, gắn phát triển công nghiệp với nông nghiệp. Kinh tế trang trại ở Vũ Thư đã góp phần khai thác diện tích đất nông nghiệp một cách hiệu quả, sử dụng tốt lợi thế trong sản xuất và quản lý, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, thu hút thêm lao động, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, tạo việc làm, thu nhập cho các hộ, tạo tiền đề vững chắc để phát triển nông thôn trong huyện.

### *Về hợp tác xã*

Các HTX trong huyện đã được đổi mới mạnh mẽ theo Luật HTX. Các HTX đã thực hiện tốt các khâu như cung ứng giống, làm đất, thủy lợi, bảo vệ thực vật góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp. Kinh tế HTX đã khai thác tiềm năng về lao động, tay nghề, vốn để phát triển sản xuất kinh doanh tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo tại địa phương. Kết quả đạt được trong thời gian qua đã khẳng định vị thế của kinh tế tập thể trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Ba là, *trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư đã làm cho nông nghiệp Vũ Thư từng bước hình thành những vùng chuyên canh lớn.*

Đây là một trong số những thành tựu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của Vũ Thư. Việc hình thành các vùng chuyên canh cung cấp nguyên liệu là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy các ngành công nghiệp - dịch vụ trên địa bàn huyện phát triển, không những thế nó còn tạo ra động lực thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa.

Trong những năm qua, Vũ Thư đã có nhiều chính sách thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển theo hướng tập trung. Một bộ phận không nhỏ nông dân trong huyện đã đổi mới cơ cấu sản xuất, tạo ra nhiều mô hình sản xuất đạt giá trị kinh tế cao. Tính đến năm 2010, toàn huyện đã có 16/32 xã đạt tiêu chuẩn cánh đồng 50 triệu. Nhiều vùng sản xuất hàng hóa lớn đã được hình thành như:

Lúa nếp cái hoa vàng (xã Duy Nhất) với diện tích hơn 400 ha.

Lúa tám bắc (xã Tân Phong) với diện tích gần 350 ha.

Đậu tương (xã Vũ Đoài) với diện tích gần 600 ha.

Cây cảnh (xã Bách Thuận) với diện tích 400 ha.

Khoai tây, dưa chuột (xã Trung An) với diện tích 680 ha.

Các vùng sản xuất tập trung đã làm tăng giá trị nông nghiệp trên một ha diện tích đồng thời tạo ra một vùng sản xuất hàng hóa tập trung góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

*Bốn là, sự lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư đã thúc đẩy quá trình thực hiện cơ giới hóa và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và chế biến nông sản.*

Cơ giới hóa khâu sản xuất là một nội dung quan trọng của công nghiệp hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Trong trồng trọt, những năm qua việc thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đã được tăng cường. Năm 1996, tỷ lệ làm đất bằng máy đạt 51,2%, tỷ lệ vận chuyển bằng máy đạt 41,1%, thì đến năm 2010 tỷ lệ này đã đạt tương ứng là 91,2% và 88,3%. Tỷ lệ tuốt lúa bằng máy đạt 100%, việc áp dụng máy trong khâu thu hoạch, gieo cấy đã và đang được triển khai mạnh mẽ.

Trong chăn nuôi, các hộ gia đình chăn nuôi theo quy mô công nghiệp và các chủ trang trại đã trang bị máy móc vào khâu sản xuất như máy ấp trứng, máy thái rau, máy bơm nước, máy sục khí...

Cơ giới hóa đã góp phần không nhỏ vào việc giải phóng sức lao động và tăng hiệu quả trong sản xuất thâm canh, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Việc ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và chế biến nông sản thực phẩm cũng từng bước được tăng cường. Các ứng dụng công nghệ sinh học trong việc sử dụng chế phẩm sinh học diệt trừ sâu hại, thay thế thuốc hóa học độc hại đã giúp cho việc tổ chức sản xuất những vùng rau an toàn đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng cũng như bảo vệ môi trường sinh thái. Công nghệ nuôi thủy sản giống mới cũng được triển khai ở những vùng chuyển đổi tập trung của huyện như các xã Vũ Đoài, Vũ Tiến, Hồng Phong, Bách Thuận...

Khoa học công nghệ đã được ứng dụng trong công tác tu bổ, nạo vét kênh mương, đảm bảo tưới tiêu chủ động cho cây trồng, nhất là việc thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương. Nhiều công trình thủy lợi được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới theo hướng hiện đại, hệ thống đê kè ngày càng được củng cố vững chắc.

Nhìn chung, khoa học công nghệ đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn Vũ Thư, góp phần không nhỏ vào thực hiện thắng lợi các chương trình chăn nuôi, kiên cố hóa kênh mương, chương trình lương thực, chương trình xóa đói giảm nghèo và chương trình nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp. Bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới.

Năm là, *quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư góp phần làm cho hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường, đời sống của người dân từng bước được cải thiện và không ngừng nâng cao.*

Trong những năm qua, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ ngành nông nghiệp của huyện được tăng cường và mở rộng. Thực tiễn phát triển nông nghiệp cho

thấy để nông nghiệp có thể phát triển toàn diện, phát huy được tiềm năng cần có những điều kiện, tiền đề cơ sở vật chất. Trong những năm 1996 đến năm 2010, một nguồn lực quan trọng của nền kinh tế đã được tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, vấn đề ngân sách Nhà nước có vai trò quan trọng nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tăng cường khả năng phòng, chống thiên tai, bảo vệ sản xuất và đời sống, cải thiện cảnh quan nông thôn.

Song song với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, các chương trình về phát triển văn hóa, y tế, giáo dục... được triển khai tích cực đã làm cho bộ mặt nông thôn Vũ Thư có sự thay đổi nhanh chóng. Hạ tầng cơ sở được chú trọng đầu tư tạo điều kiện quan trọng cho quá trình phát triển kinh tế của huyện. Hệ thống giao thông nông thôn cơ bản được bê tông hóa đến tận ngõ xóm. Hệ thống điện, viễn thông, thủy lợi đều đã bước đầu đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế và giao lưu của nhân dân trong toàn huyện. Các lĩnh vực xã hội được đầu tư và có nhiều tiến bộ, đặc biệt là giáo dục phổ thông, y tế và phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao giúp đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng phong phú. Nhờ vậy, các vấn đề về an ninh, trật tự an toàn xã hội được giải quyết nhanh và ổn định. Môi trường chính trị - xã hội được giữ vững tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung phát triển kinh tế. Do đó, các nguồn lực cũng được sử dụng một cách có hiệu quả hơn. Những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội đã tạo tiền đề vững chắc cho quá trình lãnh đạo của Đảng bộ huyện trong những năm tiếp theo.

#### *Nguyên nhân của những thành tựu*

Với những thành tựu nêu trên thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ huyện Vũ Thư trong việc vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng để đề ra chủ trương biện pháp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Mặt khác, những thành tựu đó còn nói lên sự trưởng thành, vững mạnh của Đảng bộ huyện. Từ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI đến Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, tư tưởng chỉ đạo và các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp

của Đảng bộ huyện được đề ra hoàn toàn đúng đắn, kịp thời, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH phát triển cả chiều rộng và chiều sâu.

Do có sự đánh giá, xác định đúng về vai trò, vị trí của sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng CNH, HĐH, đồng thời chọn đúng các vấn đề mấu chốt, trọng tâm, có tính chiến lược cho từng giai đoạn, từ đó Đảng bộ huyện đã chỉ đạo xây dựng thành các đề án đề tập trung đầu tư, chỉ đạo thống nhất có trọng tâm, trọng điểm hướng tới mục tiêu chung. Do đó, đã tạo ra sự chuyển biến rõ nét ở một số khâu, lĩnh vực chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp, qua đó tạo đòn bẩy đến quá trình phát triển chung của toàn ngành.

Đảng bộ huyện đã sớm xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi đúng hướng, phù hợp với từng xã trong huyện. Luôn đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, mạnh dạn đưa ra những giống mới vào thử nghiệm và sản xuất trên diện rộng, từ đó góp phần đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, thay thế những giống cây trồng vật nuôi cũ cho năng suất thấp, đáp ứng nhu cầu của sản xuất hàng hóa, góp phần tăng thu nhập và thực hiện xóa đói giảm nghèo cho nông dân.

Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện đã tận dụng, phát huy những kinh nghiệm trong giai đoạn trước, huy động được mọi nguồn lực của địa phương cả về nhân lực, vật lực, sức mạnh tổng hợp của nhân dân để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Được sự quan tâm của Huyện ủy, vai trò của Hội Nông dân luôn được củng cố, đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Hội còn chủ động phối hợp với Trung tâm khuyến nông, Phòng nông nghiệp mở nhiều lớp tập huấn rộng rãi đến với nông dân, đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho nông dân thực hiện, qua đó đã phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo, đoàn kết của nhân dân Vũ Thư trong quá trình phát triển sản xuất góp phần đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện.

### ***3.1.2. Kinh tế nông nghiệp huyện Vũ Thư vẫn còn những hạn chế, yếu kém***

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì nền kinh tế nông nghiệp Vũ Thư vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần được đánh giá nghiêm túc để khắc phục trong những năm tiếp theo.

*Một là, tồn tại lớn nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư là nền sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, phân tán, manh mún, chưa tương xứng và chưa khai thác tối đa được những tiềm năng, lợi thế sẵn có, năng suất lao động thấp, giá thành sản phẩm cao.*

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển biến chậm, thiếu bền vững. Nhìn chung cơ cấu nông nghiệp vẫn nặng về trồng trọt, nhẹ về chăn nuôi. Chăn nuôi luôn được xác định đưa thành ngành sản xuất chính nhưng do nhiều nguyên nhân nên chăn nuôi vẫn chỉ có một vị trí khiêm tốn trong nông nghiệp. Số lượng đàn gia súc, đặc biệt là gia súc lớn có sức tăng trưởng không ổn định. Ở nhiều địa phương chăn nuôi chưa vượt khỏi tính truyền thống để trở thành ngành sản xuất hàng hóa. Công tác quy hoạch chăn nuôi hầu như chưa được triển khai ở các xã, chăn nuôi tự phát vẫn là chủ yếu.

Mặc dù đã tiến hành dồn ô đổi thửa nhưng số thửa ruộng bình quân/hộ vẫn còn gần 3 thửa/hộ, diện tích bình quân mỗi thửa là 550 m<sup>2</sup>. Đây là khó khăn trong việc tổ chức sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh việc cơ giới hóa và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động cũng như sức cạnh tranh của nông dân.

Đảng bộ huyện đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao (cánh đồng 50 triệu/ha/năm), song việc tổ chức phát triển nhân rộng các mô hình còn chậm và chưa phát triển rộng khắp. Phong trào xây dựng các trang trại diễn ra sôi nổi nhưng nhìn chung còn chậm, quy mô trang trại nhỏ, không đồng nhất, không tập trung. Vốn và thị trường tiêu thụ cũng là nhân tố hạn chế đáng kể đến việc hình thành và phát triển trang trại.



Việc áp dụng tiến bộ KH - KT vào sản xuất, nhất là các biện pháp canh tác tiên tiến, công nghệ sinh học, bảo quản và chế biến sản phẩm sau thu hoạch còn hạn chế làm cho việc mở rộng quy mô sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn. Công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp sản phẩm trong phạm vi hẹp, chưa được phát triển thành một ngành sản xuất hàng hóa thật sự nên giá trị kinh tế của sản xuất nông nghiệp chưa cao.

Hai là, *hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của một số HTX nông nghiệp hiệu quả đạt được thấp, quản lý điều hành một số khâu trong sản xuất còn thiếu đồng bộ, mang tính hình thức, lúng túng trong việc lựa chọn phương án kinh doanh và cơ chế hạch toán phù hợp với yêu cầu của kinh tế hàng hóa.*

Ở các HTX sản xuất nông nghiệp, bộ máy quản lý HTX tuy đã được củng cố nhưng hoạt động còn lúng túng, chậm đổi mới, một số HTX còn buông lỏng quản lý, không điều hành được kế hoạch sản xuất, chậm chuyển đổi về cơ cấu cây trồng vật nuôi và hướng dẫn các tiến bộ kỹ thuật để đưa nhanh các loại cây, con có năng suất cao vào sản xuất nên hạn chế tốc độ tăng trưởng lương thực, thực phẩm.

Bên cạnh đó, một số HTX còn chưa năng động, tích cực trong các khâu dịch vụ, buông lỏng quản lý. Kinh phí hoạt động còn nhiều hạn chế, chưa có sự quan tâm, phối kết hợp, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể.

Ba là, *sức ép dân số và nhu cầu việc làm còn rất lớn, thu nhập bình quân đầu người trong nông thôn còn ở mức thấp, chất lượng nguồn lao động nông nghiệp chưa cao.*

Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn còn thấp đã hạn chế sức tiêu thụ hàng công nghiệp, làm chậm tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Công tác xóa đói giảm nghèo trong những năm qua đã đạt kết quả tốt nhưng còn chưa vững chắc, tỷ lệ tái nghèo còn cao. Số lao động trong huyện mỗi năm tăng trung bình gần 1.000 người, cộng với số lao động thiếu việc làm và

chất lượng lao động còn thấp là bài toán khó của huyện trong việc cân đối lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật còn chiếm tỷ lệ rất thấp, chủ yếu là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo. Đây là một khó khăn để đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tăng năng suất lao động.

*Bốn là, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, vấn đề đầu ra cho sản phẩm không ổn định.*

Trong những năm qua, cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp mặc dù đã được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của quá trình sản xuất. Vũ Thư là một trong những huyện đầu tiên của tỉnh Thái Bình đi đầu trong phong trào kiên cố hóa kênh mương nhưng hệ thống thủy lợi nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu trong nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu bằng hình thức thủ công, việc thực hiện cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. Điều này ảnh hưởng xấu tới năng suất lao động.

Vấn đề đầu ra cho sản phẩm cũng là một bài toán khó đối với nông nghiệp Vũ Thư. Kiến thức sản xuất kinh doanh của nhiều hộ nông dân trong nền sản xuất còn hạn chế. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu vẫn do các hộ tự tìm đầu ra. Chính vì vậy tình trạng được mùa mất giá diễn ra thường xuyên. Thị trường tiêu thụ nông sản cũng chưa thực sự được các cấp, các ngành quan tâm để hỗ trợ người nông dân. Chưa nhanh chóng nắm bắt thông tin thị trường, thiếu những chiến lược về thị trường, chưa xác định được những mặt hàng nông sản nào có giá trị cao, loại nào cần hạn chế. Do đó, không tránh khỏi tình trạng gieo trồng tràn lan nhưng thị trường tiêu thụ lại hạn chế.

*Năm là, lãnh đạo chỉ đạo khắc phục mặt trái của nền kinh tế thị trường và quá trình CNH, HĐH vẫn còn nhiều tiêu cực ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.*

Quá trình CNH, HĐH phát triển kinh tế thị trường đã làm cho chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn tăng lên. Các vấn đề ô nhiễm môi trường từ chất thải của các khu công nghiệp, các vùng chăn nuôi, giết mổ trong khu dân

cư ngày càng trầm trọng. Tuy nhiên cho đến nay công tác quy hoạch nông nghiệp nói riêng và quy hoạch phát triển nông thôn nói chung lại thiếu và chưa đồng bộ. Các tệ nạn xã hội mới xuất hiện ngày càng nhiều, lối sống hưởng thụ, ích kỷ nảy sinh, sự chuyển dịch tự phát lao động từ nông thôn tới các đô thị và các khu công nghiệp chưa được kiểm soát và định hướng, ảnh hưởng xấu tới trật tự xã hội nông thôn.

#### *Nguyên nhân của những hạn chế*

Trước hết là do nông nghiệp và nông thôn Vũ Thư có xuất phát điểm thấp, sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất - kỹ thuật và hệ thống kết cấu hạ tầng đã được đầu tư nhưng chưa phù hợp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở chế biến và mạng lưới tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, nhận thức của một bộ phận cán bộ và người nông dân còn hạn chế. Tư tưởng cục bộ, hẹp hòi, phân hóa giàu nghèo còn nặng nề ở nông thôn. Trình độ sản xuất, trình độ nghề nghiệp của nông dân lại chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường.

Cơ cấu đào tạo nguồn lực lao động bất hợp lý, bị động, lúng túng, thường căn cứ từ nhu cầu tự phát của người dân, chưa gắn kết giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực. Trong một thời gian dài, ít chú ý đến đào tạo nghề, hướng nghiệp cho người lao động, nặng về lý thuyết, coi nhẹ thực hành... dẫn đến mất cân đối về cơ cấu đào tạo, trình độ đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Đặc biệt việc quán triệt, tuyên truyền và vận động thực hiện các chủ trương, chính sách chưa được triển khai sâu rộng, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp trong toàn Đảng bộ và nhân dân, chưa làm tốt công tác vận động và thuyết phục quần chúng. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thiếu chặt chẽ, thiếu giải pháp đồng bộ, việc tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện nghị quyết đôi lúc thiếu kiên quyết, công tác kiểm tra, đôn đốc chưa kịp thời, việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo thực hiện chưa được tiến hành thường xuyên.

Một số chủ trương của Huyện ủy đề ra còn nhiều vấn đề bất cập, thiếu đồng bộ là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm nảy sinh những vấn đề bức xúc trên địa bàn huyện. Sự thiếu đồng bộ thể hiện ở việc đưa ra các giải pháp, chính sách trong quá trình phát triển các khu công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đô thị hóa nông thôn chưa hợp lý để nảy sinh những vấn đề phức tạp trong việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng, giải quyết việc làm và ổn định đời sống của người dân đã chuyển giao đất.

Công tác chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện trên một số lĩnh vực còn lúng túng, hạn chế như: công tác quy hoạch, nhân cấy nghề, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp còn chậm chưa tạo được bước đột phá trong phát triển kinh tế, đặc biệt là khâu giống lúa có năng suất, chất lượng cao. Chưa xây dựng được nhiều mô hình sản xuất lớn, vùng chuyên canh sản xuất có tính sản xuất hàng hóa. Công tác nắm tình hình tham mưu, đề xuất chưa kịp thời, hiệu quả. Sự phối hợp trong công tác của các phòng, ban, đoàn thể đạt hiệu quả chưa cao.

Thêm vào đó, có nơi tổ chức lãnh đạo chưa thống nhất và toàn diện, một số cơ sở Đảng còn vi phạm nguyên tắc tập trung, dân chủ trong sinh hoạt, buông lỏng vai trò lãnh đạo, chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết và sự chỉ đạo của cấp trên, có nơi tình trạng mất đoàn kết kéo dài, quản lý đảng viên còn lỏng lẻo. Một số đội ngũ cán bộ, đảng viên năng lực lãnh đạo còn chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới, trình độ văn hóa, chuyên môn nhìn chung còn thấp, chưa kịp thời nắm bắt, phát hiện những vấn đề nảy sinh ở cơ sở, chưa có biện pháp xử lý kịp thời nên ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất và đời sống dân sinh.

### **3.2. Một số kinh nghiệm chủ yếu**

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Đảng bộ tỉnh Thái Bình, sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Vũ Thư về phát triển kinh tế nông nghiệp, nhân dân Vũ Thư đã nỗ lực không ngừng, thực hiện thắng lợi các chương trình kế

hoạch phát triển nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH. Từ thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu:

Một là, *quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước để đề ra phương hướng, mục tiêu, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của huyện được toàn dân hưởng ứng thực hiện.*

Tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là yêu cầu khách quan, nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, đặc biệt khi sản xuất nông nghiệp đang chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, Đảng ta đã có những chủ trương đúng đắn, kịp thời để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển.

Những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng trong lĩnh vực nông nghiệp có vai trò quyết định đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Vũ Thư nói riêng và cả nước nói chung. Đối với Vũ Thư, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo, chính vì vậy trên cơ sở nắm vững chủ trương đường lối của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Thái Bình, Đảng bộ huyện Vũ Thư xác định “coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu”, từ đó đưa ra chủ trương phát triển một nền kinh tế nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả và bền vững.

Chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH của Trung ương Đảng đã được Huyện ủy Vũ Thư quán triệt cụ thể trong các Nghị quyết và Chỉ thị trong Đại hội Đảng bộ huyện XI, XII, XIII. Nông nghiệp nông thôn được xác định là một chương trình kinh tế - xã hội cần tập trung để khai thác có hiệu quả. Huyện ủy đã chú trọng đến việc chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở ổn định lương thực, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, đưa vụ đông lên thành vụ sản xuất chính, mở rộng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày. Về chăn nuôi, với định hướng đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, Huyện ủy đã chỉ đạo các cấp, các

ngành thực hiện các chương trình trọng điểm như: chuyển những vùng đất trũng, năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, thực hiện có hiệu quả chương trình “sĩn hóa” đàn bò, “nạc hóa” đàn lợn.

Nhờ sự chỉ đạo trong từng lĩnh vực trọng tâm cụ thể và sự quan tâm của các cấp, các ban ngành, cùng sự nỗ lực của nhân dân trong huyện đã đưa nông nghiệp từng bước theo hướng CNH, HĐH. Kết quả đạt được của ngành kinh tế nông nghiệp huyện góp phần không nhỏ vào việc ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đây là minh chứng rõ ràng cho thấy sự sáng tạo và nhạy bén của Huyện ủy với việc vận dụng chủ trương của Đảng vào tình hình thực tiễn tại địa phương.

Hai là, *chú trọng chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện phù hợp với thế mạnh riêng của địa phương.*

Với địa hình tương đối bằng phẳng, được bao bọc bởi các con sông lớn, Vũ Thư có đủ điều kiện để phát triển một nền kinh tế nông nghiệp toàn diện. Để khai thác có hiệu quả những tiềm năng của địa phương cần phải có những chủ trương, chính sách đúng đắn một mặt động viên khích lệ được sức sản xuất của người nông dân, mặt khác phát huy được thế mạnh riêng về kinh tế của huyện. Trong điều kiện mới của nền kinh tế, việc mở cửa hội nhập lựa chọn phát triển loại hình kinh tế kết hợp giữa nông nghiệp và các ngành kinh tế khác là hết sức quan trọng nó đảm bảo việc khai thác được lợi thế của đất đai và đáp ứng yêu cầu thị trường. Thắng lợi của nông nghiệp Vũ Thư trong những năm qua là đã mạnh dạn thay đổi tư duy loại bỏ những cây trồng năng suất không cao để chuyển sang những cây trồng mới, chuyển dần từ thế độc canh cây lúa sang kết hợp với nuôi trồng nhiều cây, con giống khác, chính sách đó đã làm tăng hiệu quả kinh tế trên một diện tích đất canh tác.

Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo quy hoạch sản xuất nông nghiệp với việc chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị ngày càng cao, gắn công nghiệp chế biến với thị trường, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nhằm khắc phục tình trạng manh

mún về đất canh tác phát triển các khu trồng trọt và chăn nuôi tập trung góp phần xây dựng nền nông nghiệp toàn diện.

Để nông nghiệp Vũ Thư tiếp tục phát huy được thế mạnh của mình trong những năm tiếp theo, Đảng bộ huyện, chính quyền các cấp cần tiếp tục nghiên cứu, tìm tòi những hướng đi, cách làm mới, cụ thể:

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp không chỉ để thoát khỏi những hạn chế như sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến chưa nhiều, cơ giới hóa đạt thấp, mà còn góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững.

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, tiếp tục đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở các xã, tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại, khuyến khích phát triển liên kết hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã... trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Mở rộng sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, hình thành cánh đồng mẫu lớn, nhằm tạo điều kiện cho nông dân áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm...

*Ba là, coi trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong sản xuất nông nghiệp của huyện.*

Vũ Thư hiện có trên 120.000 người ở độ tuổi lao động, chiếm gần 53% dân số. Vấn đề việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động luôn là nhiệm vụ trọng tâm, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể xã hội và của chính bản thân người lao động nhằm phát huy các nguồn lực trong phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân và giải quyết các vấn đề xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, cũng giống như các huyện khác của tỉnh Thái Bình, nhìn chung trình độ chất lượng của đội ngũ lao động trong nông nghiệp, nông thôn Vũ Thư còn rất nhiều hạn chế như vẫn quen lối sản xuất nhỏ, tác phong công nghiệp

chậm chạp, tính kỷ luật lao động chưa cao, chưa mạnh dạn đầu tư phát triển các ngành nghề mới và tập trung, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, đây chính là một trở lực trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của huyện. Với nhận thức đó, Vũ Thư đã nỗ lực triển khai việc điều tra khảo sát đánh giá thực trạng chất lượng lao động, nhu cầu học nghề và giải quyết việc làm trên toàn địa bàn, với định hướng đúng đắn là giải quyết việc làm tại chỗ là chính.

Trong những năm qua, Huyện ủy đã đề ra những chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực trên tất cả các lĩnh vực đặc biệt là nông nghiệp, từ nâng cao chất lượng của dân cư, giáo dục, đào tạo, đảm bảo sức khỏe đến dạy nghề tạo việc làm, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực. Việc phát triển nguồn nhân lực phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động. Để thực hiện tốt được vấn đề này, cần có chính sách đồng bộ, sự phối hợp giữa các ban ngành trong huyện nhằm huy động nguồn lực cho đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, phát triển các trung tâm dịch vụ đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn, cần đào tạo nghề với sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống các trung tâm dạy nghề trên địa bàn huyện. Đặc biệt từ nguồn Đề án 1956 của Chính phủ, Trung tâm Dạy nghề, hướng nghiệp kỹ thuật tổng hợp huyện phối hợp với Phòng Nông nghiệp, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên huyện tổ chức hàng trăm lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật, thú y, bảo vệ thực vật cho hàng ngàn nông dân, thông qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất cho lao động nông thôn.

Với lực lượng lao động ngày càng tăng cần tạo thêm việc làm mới bằng cách phát triển các làng nghề, các cụm khu công nghiệp để giảm sức ép từ lao động dôi dư trong nông nghiệp, nhất quán quan điểm “ly nông bất ly hương” giảm làn sóng di cư của lao động nông thôn ra thành thị. Coi trọng đào tạo nghề theo hình thức truyền nghề tại chỗ với đào tạo tại trường lớp để gắn đào tạo với sử dụng và gắn việc chú trọng, nâng cao tay nghề với trang bị kiến thức lý luận và nâng cao nhận thức cho người lao động.



*Bốn là, đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.*

Một trong những nguyên nhân thành công trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư là không ngừng nâng cao hiệu quả ứng dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống. Với việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào đời sống và sản xuất thật sự là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại địa phương.

Trước năm 1996, xuất phát điểm về kinh tế nông nghiệp của huyện còn thấp, việc áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ còn nhiều hạn chế nên hiệu quả chưa cao.

Từ năm 1996 đến năm 2010, với việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều chỉ tiêu quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp được thực hiện. Do có các cây trồng ngắn ngày, năng suất cao đã tạo nên sự chuyển dịch trong cơ cấu mùa vụ. Số lượng giống gia súc, gia cầm có năng suất và chất lượng cao được đưa vào chăn nuôi ngày càng nhiều. Nhiều dự án về chế biến thức ăn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện được triển khai.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp, Đảng bộ huyện cũng luôn nâng cao trình độ tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt. Huyện đã cử nhiều đoàn cán bộ đi học hỏi kinh nghiệm về ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất nông nghiệp tại một số địa phương điển hình trong và ngoài tỉnh. Việc ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất và đời sống đã có bước phát triển mới đáng khích lệ làm cho việc bố trí lao động trong sản xuất, kinh doanh ngày càng hợp lý hơn, năng suất và chất lượng lao động ngày càng cao hơn.

Với tốc độ phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ như hiện nay, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ tự động, nông thôn Vũ Thư cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề như:

- Đẩy nhanh chuyển giao công nghệ gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trước hết là xóa đói, giảm nghèo tăng thu nhập cho người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển giao công nghệ thích hợp thuộc lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, cần khuyến khích đặc biệt hướng phát triển các loại hình công nghệ phục vụ cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng sự phân công lao động trong nông thôn, hình thành loại hình lao động dịch vụ - thương mại ở nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ và các biện pháp sinh học trong các khâu chính của quá trình sản xuất, cũng như giai đoạn sau thu hoạch để nâng cao giá trị hàng nông sản tiêu dùng và xuất khẩu.

- Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho các làng nghề để chuyển giao tiến bộ khoa học vào đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động cho các làng nghề, tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong các sản phẩm của làng nghề để tăng sức cạnh tranh phục vụ xuất khẩu.

Năm là, *phát triển kinh tế nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống mọi mặt của nông dân.*

Ngay từ khi bắt đầu thực hiện đường lối của Đảng, Huyện ủy luôn xác định: Phát triển kinh tế nông nghiệp phải gắn liền với xây dựng nông thôn mới, đây là hai vấn đề gắn kết chặt chẽ trong phát triển kinh tế - xã hội, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm làm cho đời sống của người nông dân không ngừng được nâng cao.

Trong thời gian qua, phong trào xây dựng nông thôn mới đã diễn ra sôi nổi ở khắp các xã trong toàn huyện, thu hút sự tham gia của cả cộng đồng, phát huy được sức mạnh của toàn xã hội. Quá trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được thành tựu khá toàn diện. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đảm bảo, tạo sự thuận lợi trong giao lưu buôn bán và phát triển sản xuất, kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế có hiệu quả gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao

thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường, dân chủ cơ sở được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong toàn huyện được giữ vững. Những thành tựu đó đã góp phần thay đổi toàn diện bộ mặt nông thôn, tạo cơ sở vững chắc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng nông thôn mới trong toàn huyện còn bộc lộ nhiều khó khăn hạn chế, nhất là về công tác quy hoạch. Quy hoạch nông thôn mới là một vấn đề mới, liên quan đến nhiều lĩnh vực và phải mang tính chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn chế về năng lực, nên trong quá trình triển khai còn nhiều lúng túng. Bên cạnh đó, Huyện ủy còn gặp nhiều khó khăn về huy động nguồn vốn cho xây dựng nông thôn mới. Đời sống của người dân nông thôn còn nhiều khó khăn. Mặt khác, trong nhận thức nhiều người còn cho rằng xây dựng nông thôn mới là dự án do Nhà nước đầu tư xây dựng nên còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại. Chính vì vậy trong thời gian tới bên cạnh việc đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Huyện ủy cần phải đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, để mọi người dân đều nhận thức rằng: “Xây dựng nông thôn mới là công việc thường xuyên của mỗi người, mỗi nhà, mỗi thôn xóm và từng địa phương; tất cả cùng chung sức dưới sự lãnh đạo của Đảng...” nhằm thực hiện thành công xây dựng nông thôn mới góp phần không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nông dân.

Những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian qua là kho tàng kinh nghiệm quý giá giúp Đảng bộ huyện Vũ Thư tiếp tục hoàn thiện các chủ trương và giải pháp phù hợp để đưa nông nghiệp của huyện phát triển mạnh mẽ, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện cũng như các mục tiêu CNH, HĐH của Đảng.

### ***Tiểu kết chương 3:***

Để đạt được những kết quả trong sản xuất nông nghiệp cũng như trong phát triển kinh tế nhằm nâng cao và cải thiện đời sống nhân dân, bên cạnh sự lao động chăm chỉ, đoàn kết của quần chúng nhân dân phải kể đến vai trò lãnh đạo đặc biệt của Đảng bộ huyện. Đảng bộ huyện đã nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo trong việc vận dụng chủ trương của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tiễn tại địa phương, cũng như huy động tối đa mọi nguồn lực để tạo thành sức mạnh tổng hợp, đồng thời kịp thời đưa ra những biện pháp quan trọng để khắc phục khó khăn, hạn chế. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ đặc biệt coi trọng việc tổng kết rút kinh nghiệm, coi những bài học kinh nghiệm là cẩm nang quý báu để tiếp tục chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện trong những giai đoạn mới. Có thể tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Vũ Thư, với tinh thần hăng say lao động, cần cù và chịu khó của những người nông dân, kinh tế nông nghiệp Vũ Thư trong những năm tới sẽ có tốc độ phát triển vượt bậc, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh mẽ, giá trị sản xuất cao hơn, đời sống của người nông dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng cao về vật chất lẫn tinh thần, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới do Đảng lãnh đạo.

## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài: **“Đảng bộ huyện Vũ Thư (tỉnh Thái Bình) lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 1996 đến năm 2010”** có thể đi tới các kết luận sau:

1. Vũ Thư là một huyện nằm ở phía tây nam của tỉnh Thái Bình với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Từ lâu, nông nghiệp và nông thôn đã đóng vai trò rất quan trọng đối với đời sống kinh tế - xã hội của huyện. Quán triệt sâu sắc quan điểm của Trung ương Đảng xác định vai trò hàng đầu của nông nghiệp, coi phát triển nông nghiệp là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2010, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã có gần 15 năm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong 15 năm đó, Đảng bộ huyện Vũ Thư đã trải qua 3 kỳ Đại hội (Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, XII, XIII), không những vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Trung ương, bên cạnh đó Đảng bộ huyện đã tích cực đề ra các mục tiêu, giải pháp, xây dựng các đề án, chương trình kế hoạch nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp đạt được những thành tựu quan trọng: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp phát triển với tốc độ nhanh, địa bàn huyện đã hình thành những vùng chuyên canh quy mô lớn, có khả năng cung cấp nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, kinh tế HTX được đổi mới về chức năng cũng như phương thức sản xuất hoạt động, kinh tế trang trại ngày càng phát triển mạnh mẽ với nhiều hình thức đa dạng, việc thực hiện cơ giới hóa trong nông nghiệp, ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, chế biến nông sản được tăng cường, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được chú trọng, bộ mặt nông thôn đổi mới, người dân được hưởng cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

2. Những thành tựu đã đạt được trong phát triển kinh tế nông nghiệp của Vũ Thư trong thời gian qua là do sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ huyện. Trên cơ

sở chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ huyện đã năng động, sáng tạo, nhạy bén trong việc vận dụng cơ chế, chính sách phù hợp với quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Từ đó, khơi dậy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, chăm chỉ, tự lực tự cường của nhân dân trong huyện để hoàn thành xuất sắc các mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, XII, XIII đề ra.

3. Bên cạnh những thành tựu đạt được đáng tự hào, quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp của Vũ Thư vẫn còn một số hạn chế: Tồn tại lớn nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của Đảng bộ huyện Vũ Thư là nền sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, manh mún, năng suất lao động thấp, vấn đề sức ép dân số, nhu cầu việc làm vẫn còn lớn, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn còn thấp, chất lượng nguồn lực lao động trong nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế, hoạt động của các HTX còn kém hiệu quả, tỏ ra lúng túng trong việc xác định phương thức hoạt động thích nghi với cơ chế thị trường, những mặt trái của cơ chế thị trường, quá trình CNH, HĐH, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đang có tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn của huyện.

Để khắc phục được những hạn chế trên, Đảng bộ huyện Vũ Thư cần phải phát huy hơn nữa những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đồng thời phải tiếp tục cố sự tổng kết, rút kinh nghiệm, từ đó đề ra những chủ trương và giải pháp đồng bộ hơn. Đặc biệt chú ý nâng cao hiệu quả việc tổ chức chỉ đạo các nghị quyết của Trung ương cho phù hợp với thực tiễn của địa phương đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, cần có những giải pháp gắn phát triển kinh tế nông nghiệp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của huyện, tăng cường hơn nữa cơ sở hạ tầng nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả của sản xuất nông nghiệp.

Mặc dù còn tồn tại một số hạn chế nhất định, song những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế nông nghiệp của Vũ Thư từ năm 1996 đến năm 2010 là rất to lớn. Những thành tựu đó đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện, đồng thời bồi dưỡng thêm niềm tin của quần chúng nhân dân Vũ Thư vào sự lãnh đạo của Đảng vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Trong điều kiện mới, trên cơ sở thế và lực sẵn có, Đảng bộ huyện Vũ Thư sẽ tiếp tục đề ra những chủ trương chính sách để nền kinh tế nông nghiệp của huyện có những bước phát triển mới, đưa Vũ Thư trở thành một trong số những huyện đi đầu của tỉnh Thái Bình về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN mà Đảng ta khởi xướng.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1999), *Tóm tắt Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư (1929-1999)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1999), *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư (1929-1945)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1999), *Những sự kiện Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1999), *Những người con ưu tú (1927-1945)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1999), *Những người con ưu tú (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2005), *Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư (1929-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2007), *Lịch sử Đảng bộ huyện Vũ Thư (1975-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2000), *Rạng rỡ quê hương*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Thái Bình.
9. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1996), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vũ Thư tại Đại hội Đại biểu lần thứ XI*, Nxb Thái Bình.
10. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2001), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vũ Thư tại Đại hội Đại biểu lần thứ XII*, Nxb Thái Bình.
11. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2005), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vũ Thư tại Đại hội Đại biểu lần thứ XIII*, Nxb Thái Bình.
12. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2010), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Vũ Thư tại Đại hội Đại biểu lần thứ XIV*, Nxb Thái Bình.
13. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (2006), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Vũ Thư 1996-2005*, Nxb Thái Bình.



14. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Vũ Thư (1999), *Phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vũ Thư 1996-2010*, Nxb Thái Bình.
15. Ban Biên tập Lịch sử nông nghiệp Việt Nam (1994), *Lịch sử nông nghiệp Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
16. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2002), *Con đường CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2000), *Một số chủ trương chính sách mới về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2003), *Nông nghiệp Việt Nam trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp (2002), *Nông nghiệp Việt Nam và 61 tỉnh thành phố*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
20. Vũ Đình Bách - Ngô Đình Giao (1995), *Đổi mới, hoàn thiện cơ sở và cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Trần Ngọc Bút (2002), *Chính sách nông nghiệp nông thôn Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX và một số định hướng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Bích (1994), *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, thành tựu, vấn đề và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Nguyễn Văn Bích (1994), “Vai trò của các cơ sở đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn nước ta trong những năm đổi mới”, *Tạp chí Quản lý kinh tế nông nghiệp* (5), tr. 15-18.
24. Nguyễn Văn Bích (1997), *Phát triển và đổi mới quản lý hợp tác xã theo Luật hợp tác xã*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (1996), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 1995*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
26. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (1997), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 1996*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
27. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (1998), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 1997*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
28. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (1999), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 1998*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
29. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2000), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 1999*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
30. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2001), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2000*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
31. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2002), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2001*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
32. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2003), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2002*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
33. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2004), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2003*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
34. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2005), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2004*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
35. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2006), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2005*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
36. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2007), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2006*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
37. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2008), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2007*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
38. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2009), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2008*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

39. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2010), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2009*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
40. Cục thống kê tỉnh Thái Bình (2011), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
41. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
42. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam 61 tỉnh thành*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
43. Nguyễn Sinh Cúc (2004), “Nông nghiệp Việt Nam nửa đầu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005”, *Tạp chí Cộng sản* (6), tr. 59-63.
44. Phan Diễn (2000), “Tạo bước chuyển biến nông nghiệp hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”, *Tạp chí Cộng sản* (28), tr. 3-5.
45. Nguyễn Tấn Dũng (2002), “Đề nông nghiệp nông thôn phát triển bền vững, người dân giàu lên”, *Tạp chí cộng sản* (28), tr. 6-11.
46. Nguyễn Tấn Dũng (2002), “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, *Báo Nhân dân* (31), tr. 6-9.
47. Nguyễn Tấn Dũng (2005), “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thành tựu và giải pháp”, *Báo Nhân dân* (29), tr. 5-8.
48. Nguyễn Xuân Dũng (2002), *Một số định hướng đẩy mạnh CNH, HĐH ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Đặng Đức Đạm (1997), *Đổi mới kinh tế Việt Nam - thực trạng và triển vọng*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
50. Trần Minh Đạo, Nguyễn Đình Phan, Nguyễn Văn Phúc (2001), *Những biện pháp chủ yếu thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

51. Đảng bộ tỉnh Thái Bình, *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XV*, Nxb Thái Bình.
52. Đảng bộ tỉnh Thái Bình, *Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Thái Bình lần thứ XVI*, Nxb Thái Bình.
53. Đảng bộ tỉnh Thái Bình, *Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Thái Bình lần thứ XVII*, Nxb Thái Bình.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Nghị quyết số 05-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) khóa VIII “*Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999 và các vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn*”.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Nghị quyết số 06-NQ/TW “*Về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Chỉ thị của Bộ Chính trị “*Về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng về khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn*”.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết số 15-NQ/TW “*Về đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010*”.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa X “*Về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Đảng Cộng sản Việt Nam với phong trào hợp tác xã*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Bùi Huy Đáp (1998), *Nông nghiệp Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Điền (1991), *Công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở các nước Châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Đào Trọng Độ (2007), *Đảng bộ Thái Bình lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp (1986-2000)*, Luận văn thạc sĩ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
71. Đỗ Đình Giao (1994), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Nguyễn Duy Hùng, Lê Minh Nghĩa, Đặng Kim Sơn (2009), *Văn kiện Đảng về phát triển nông nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Lê Mạnh Hùng (1998), *Thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
74. Nguyễn Đình Hương (1997), *Đổi mới và phát triển kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
75. Nguyễn Văn Khánh (2001), *Biến đổi cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

76. Chử Văn Lâm (1992), *Hợp tác hóa nông nghiệp Việt Nam, lịch sử vấn đề - triển vọng*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
77. Phan Sỹ Mẫn (2001), “Định hướng và tổ chức phát triển nền nông nghiệp hàng hóa”, *Tạp chí Kinh tế* (262), tr. 8-12.
78. Đỗ Hoài Nam (2005), *Một số vấn đề phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
79. Lê Huy Ngọ (2002), *Con đường CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Lê Thanh Nghiệp (2006), *Quá trình phát triển kinh tế Việt Nam*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
81. Vũ Oanh (1998), *Nông nghiệp và nông thôn trên con đường CNH, HĐH và hợp tác hóa, dân chủ hóa*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
82. Nguyễn Thị Hồng Phấn (2001), “Cơ cấu nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Kinh tế* (262), tr. 22-28.
83. Lê Quang Phi (2007), *Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Chu Hữu Quý - Nguyễn Kế Tuấn (2002), *Con đường CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Nguyễn Trần Quế (2004), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
86. Đặng Kim Sơn (2006), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Nguyễn Minh Tú (1998), *Kinh tế Việt Nam trước thế kỷ XXI cơ hội và thách thức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Nguyễn Minh Tú (2002), *Việt Nam trên chặng đường đổi mới và phát triển kinh tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

89. Phạm Văn Thắng - Phạm Ngọc Dũng (2003), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng - thực trạng và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Trần Đình Thiên (2002), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam – phác thảo lộ trình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Nguyễn Văn Tiêm (2005), *Gắn bó cùng nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
92. Trương Thị Tiến (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Nguyễn Hữu Tiến (2008), *Phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
94. Nguyễn Đức Văn (1999), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn - thực tiễn và một vài định hướng mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Hồng Vinh (1998), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

# PHỤ LỤC



**Phụ lục 1: Kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện từ năm 1996-2000.**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>1996</b>	<b>1997</b>	<b>1998</b>	<b>1999</b>	<b>2000</b>
Tổng DT gieo trồng	Ha	28.300	29.200	30.110	31.775	34.500
Tổng SL lương thực	Tấn	98.500	120.068	123.859	145.710	146.316
Năng suất lúa cả năm	Tạ/ha	110,88	114,97	116,85	133,99	138,12
Bình quân lương thực/người	Kg	490	540	600	650	670
Gía trị thu nhập 1 ha canh tác	Triệu đồng	25,5	29,8	31,5	32,0	33,1
<b>Chăn nuôi</b>						
- Tổng đàn trâu, bò		13.800	15.600	16.100	20.900	17.000
+ Trâu	Con	6.500	7.400	7.200	9.200	6.000
+ Bò		7.300	8.200	8.900	11.700	11.000
- Tổng đàn lợn		60.000	68.326	90.000	92.000	93.000

*Nguồn: [13, tr. 28]*

**Phụ lục 2: Kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện từ năm 2001-2010.**

Năm	Tổng DT gieo trồng (Ha)	Tổng SL lượng thực (Tấn)	Năng suất lúa cả năm (Tạ/ha)	Bình quân LT/người (Kg)	GT thu nhập 1 ha (Triệu đồng)	Chăn nuôi (Con)	
						Tổng đàn Trâu + Bò	Tổng đàn Lợn
2001	30.124	139.217	135,4	660	32,5	18.400	91.668
2002	29.876	136.827	134,9	665	33,1	21.300	95.400
2003	31.243	138.649	133,8	655	34,2	20.700	96.300
2004	29.312	135.218	133,1	675	36,2	20.300	95.000
2005	29.006	140.620	134,2	690	37,6	22.900	92.000
2006	29.567	136.273	135,0	680	37,7	19.700	93.200
2007	29.724	137.274	133,4	680	38,2	20.400	96.100
2008	29.416	138.284	134,8	670	45,1	23.400	97.200
2009	29.718	138.567	139,1	675	46,8	24.600	92.326
2010	29.600	139.212	142,0	680	50,0	27.043	91.300

*Nguồn: [12, tr. 12]*

**Phụ lục 3: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp huyện Vũ Thư từ năm 1996-2010.**

<b>Năm</b>	<b>Trồng trọt (%)</b>	<b>Chăn nuôi (%)</b>	<b>Dịch vụ nông nghiệp (%)</b>
1996	68,7	29,2	2,1
1997	65,3	31,3	3,4
1998	65,4	32,3	2,3
1999	67,2	30,3	2,5
2000	65,8	32,0	2,2
2001	65,2	32,4	2,4
2002	65,5	29,3	5,2
2003	65,9	30,0	4,1
2004	62,0	32,5	5,5
2005	63,7	31,2	5,1
2006	65,8	32,2	2,0
2007	66,3	31,3	2,4
2008	62,9	32,1	5,0
2009	68,0	28,7	3,3
2010	65,7	31,2	3,1

*Nguồn: [40, tr. 139]*

**Phụ lục 4: Kết quả quá trình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại Vũ Thư từ năm 2008-2014.**

STT	Tên các xã		
	Đạt 100% tiêu chí	Đạt trên 10 tiêu chí	Đạt dưới 10 tiêu chí
1	Nguyên Xá	Hồng Lý	Duy Nhất
2	Vũ Đoài	Đồng Thanh	Hồng Phong
3	Vũ Hội	Bách Thuận	Việt Hùng
4	Song An	Trung An	Vũ Vân
5	Song Lãng	Tân Hòa	Vũ Vinh
6	Tân Lập	Tân Phong	Tự Tân
7	Dũng Nghĩa	Tam Quang	Minh Khai
8		Vũ Tiến	Minh Quang
9		Việt Thuận	Minh Lãng
10		Hiệp Hòa	Xuân Hòa
11		Hòa Bình	Phúc Thành

*Nguồn: Văn phòng UBND huyện Vũ Thư (tháng 12/2014).*